

Số: 42/CV-DLG

Gia Lai, ngày 28 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Mã chứng khoán: DLG

Địa chỉ trụ sở chính: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84-269) 3748 367

Fax: (84-269) 3747 366

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Cao Châu

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84-269) 3748 367

Fax: (84-269) 3747 366

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố: CTCP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2020

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/04/2021 tại đường dẫn:

Website công ty: <http://duclonggroup.com/bao-cao-thuong-nien.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên 2020

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN CAO CHÂU**

2  
0  
2  
0

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



*Đi là đến!*



**TẬP ĐOÀN  
ĐỨC LONG GIA LAI**



## TÂM NHÌN

*“Đến năm 2025, trở thành Tập đoàn đa ngành hàng đầu Việt Nam và khu vực Đông Nam Á”*

## SỨ MỆNH



Không ngừng sáng tạo, cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, xây dựng hệ thống quản lý chuyên nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh, liên tục tăng trưởng bền vững để tối đa hóa giá trị cho cổ đông, khách hàng, đối tác cùng cán bộ công nhân viên.



## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- ✓ *Đổi mới tư duy*
- ✓ *Đột phá hiệu quả*
- ✓ *Năng động sáng tạo*
- ✓ *Đoàn kết phát triển*

M

Ụ

C

L

Ụ

C

## **I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG**

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động
4. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
5. Tình hình và các chỉ tiêu tài chính
6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

## **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020
6. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ
7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

## **IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
3. Tóm tắt hoạt động của HĐQT năm 2020
4. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Đánh giá của Ban kiểm soát
4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



## THÔNG TIN CHUNG

### Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900415863
- Vốn điều lệ: 2.993.097.200.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.993.097.200.000 đồng
- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P.Phù Đồng, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: 0269 3748 367
- Số fax: 0269 3747 366
- Website: <http://www.duclonggroup.com/>
- Mã cổ phiếu: DLG

Quá  
trình  
hình  
thành  
và  
phát  
triển

+ **Năm 2020**

Năm 2020, cả nước ghi nhận nhiều sự kiện quan trọng, như: Thiên tai, dịch bệnh liên tiếp, đặc biệt là dịch Covid-19 bắt đầu xảy ra từ đầu năm 2020, đã ảnh hưởng lớn đến SXKD và đầu tư của các doanh nghiệp, mà Tập đoàn ĐLGL cũng không phải là ngoại lệ.

ĐLGL đã tích cực trong công tác phòng chống dịch bệnh, đồng thời không ngừng đổi mới hệ thống quản trị, thay đổi phương án kinh doanh cho phù hợp với bối cảnh, tình hình mới; tiếp tục đẩy mạnh công tác cấu trúc doanh nghiệp và các công ty thành viên theo hướng ổn định, tiến hành chuyển nhượng các dự án, thoái vốn khỏi các công ty hoạt động kém hiệu quả. Các công ty thành viên đều nỗ lực trong việc thực hiện các mục tiêu, duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh. Nhờ vậy, mặc dù kết quả kinh doanh năm 2020 chưa đạt như kỳ vọng nhưng những gì đã đạt được thì có thể xem đây là thành công của DLG GROUP trong bối cảnh phức tạp như hiện nay.

Tính chung cả năm, các công ty thành viên đều cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra. Riêng các công ty hoạt động trong lĩnh vực BOT và Năng lượng thực hiện vượt chỉ tiêu.

Kết quả đạt được năm 2020 là tiền đề quan trọng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021.

+ **Năm 2018**

ĐLGL tăng vốn điều lệ lên 2.993.097.200.000 đồng sau khi phát hành 14.251.905 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017.

+ **Năm 2017**

ĐLGL tăng vốn điều lệ lên 2.850.578.150.000 đồng sau khi thực hiện chào bán thành công 54.913.473 cổ phiếu ra công chúng.

Quá  
trình  
hình  
thành  
và  
phát  
triển

+ **Năm 2016**

ĐLGL tăng vốn điều lệ lên 2.301.443.420.000 đồng sau khi thực hiện chuyển đổi trước hạn 5.000.000 trái phiếu chuyển đổi thành 50.000.000 cổ phiếu và tăng 10.958.225 cổ phiếu từ việc trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu.

+ **Tháng 06/2010**

Tập đoàn Đức Long Gia Lai chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE), mã chứng khoán DLG.

+ **Tháng 06/2007**

Thành lập Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và sau đó lần lượt thành lập 20 công ty thành viên, mở và liên kết thành lập 13 chi nhánh, cửa hàng trong và ngoài nước hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư đa ngành nghề.

+ **Tháng 09/1995**

Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai được thành lập với một ngành nghề là chế biến gỗ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Doanh nghiệp có số vốn ban đầu là 3,6 tỷ đồng và 9.700 m<sup>2</sup> đất và một dây chuyền chế biến gỗ thủ công, bán tự động.

## Các hoạt động nổi bật trong năm 2020

✓ Khi dịch Covid-19 bùng phát, Đức Long Gia Lai rất nhanh chóng đưa ra các điều chỉnh, thay đổi để thích ứng với tình hình thực tế. Để ứng phó với tình hình này, Chủ tịch Bùi Pháp chỉ đạo Ban Lãnh đạo Tập đoàn cũng như các công ty thành viên đẩy mạnh công tác phòng, chống dịch, đồng thời chủ động các biện pháp duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Chỉ đạo phải tiết giảm tối đa chi phí vận hành, chi phí quản lý, triển khai hình thức làm việc online, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả, tìm mọi biện pháp tối ưu, vận dụng các chính sách ưu đãi thuế của Nhà nước, chính sách hỗ trợ khách hàng của Ngân hàng để duy trì và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

✓ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020: Ngày 20/6/2020, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Đại hội đã thông qua các nội dung: Sửa đổi một số điều của Điều lệ công ty, thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2019, kế hoạch doanh thu lợi nhuận năm 2020, thông qua thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, thông qua ủy quyền một số nội dung cho HĐQT, miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Đoàn Nguyên Tiêu và bầu bổ sung ông Võ Mộng Hùng, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Võ Sỹ Việt và bầu bổ sung ông Trần Đình Anh Dũng.

✓ Đại hội chi bộ CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020-2025. Ngày 27/6/2020, Đại hội Chi bộ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai lần thứ IV (nhiệm kỳ 2020 - 2025) đã được tổ chức. Đây là dịp để toàn Chi bộ tổng kết, đánh giá toàn diện những kết quả đã đạt được trong nhiệm kỳ, thẳng thắn nhìn nhận những tồn tại, rút ra bài học kinh nghiệm để từ đó đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện cho nhiệm kỳ tới. Đồng chí Vũ Văn Tin đã được tín nhiệm bầu là Bí thư Chi bộ khóa IV nhiệm kỳ 2020 - 2025.



## CÁC THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC



4 lần nhận giải “Sao vàng đất Việt” dành cho thương hiệu và sản phẩm đạt chất lượng cao.



3 lần nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ dành cho tập thể và cá nhân ông Bùi Pháp.



3 lần nhận Cờ thi đua của Chính phủ.



Đạt Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững, Cúp Sen vàng thương hiệu nổi tiếng Việt Nam và Quốc tế.

Được trao tặng Huân chương lao động hạng Nhì, Ba cho Tập thể có thành tích xuất sắc.



Bằng khen của Bộ Giao thông vận tải trao tặng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai



Cá nhân ông Bùi Pháp được trao tặng Huân chương lao động hạng Ba; 2 lần nhận Danh hiệu Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu; Cúp Thánh Gióng và Biểu tượng Bạch Thái Bưởi - Doanh nhân đất Việt thế kỷ 21

Ngoài ra, Tập đoàn và cá nhân ông Bùi Pháp còn được Trung ương và các cơ quan ban ngành địa phương trao tặng nhiều phần thưởng cao quý khác.

7 năm liền (2014-2020) ông Bùi Pháp được bình chọn trong Top 200 người giàu nhất trên Sàn chứng khoán Việt Nam.



## Ngành nghề và địa bàn kinh doanh



### Ngành nghề chiến lược:

- ✓ Năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời)
- ✓ Sản xuất điện tử và linh kiện điện tử
- ✓ Cơ sở hạ tầng
- ✓ Đầu tư kinh doanh bất động sản đa sản phẩm

### Ngành nghề truyền thống:

- ✓ Kinh doanh Nhà hàng, Khách sạn;
- ✓ Chế biến và kinh doanh đồ gỗ.

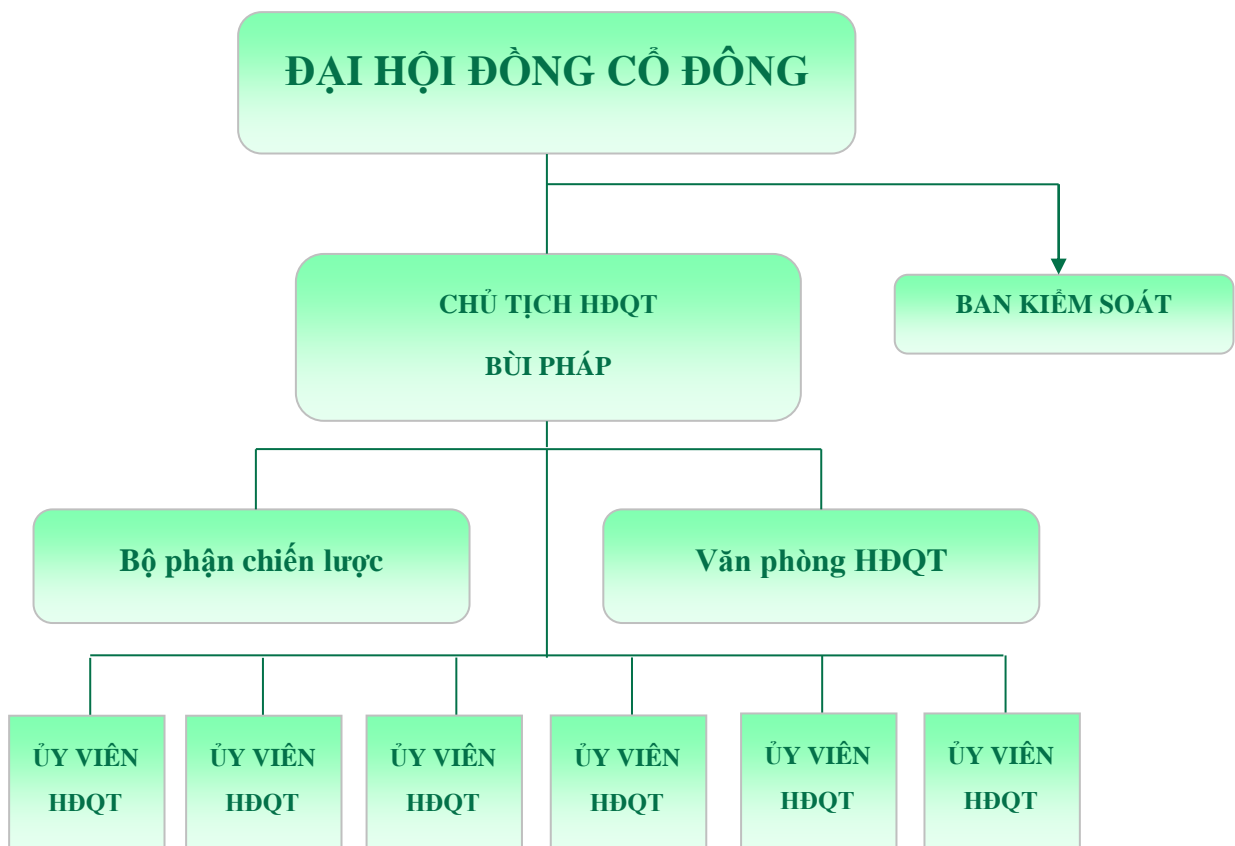


**Địa bàn kinh doanh:**

Là một Tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề, địa bàn kinh doanh của Đức Long Gia Lai không chỉ trong địa bàn tỉnh Gia Lai mà trải rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước. Bên cạnh đó, Tập đoàn còn mở rộng việc đầu tư kinh doanh bên ngoài lãnh thổ Việt Nam như Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc và các nước Đông Nam Á khác. Các sản phẩm gỗ và sản phẩm linh kiện điện tử mang thương hiệu Đức Long Gia Lai xuất khẩu sang các nước Mỹ, Châu Âu, Châu Mỹ.

*Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

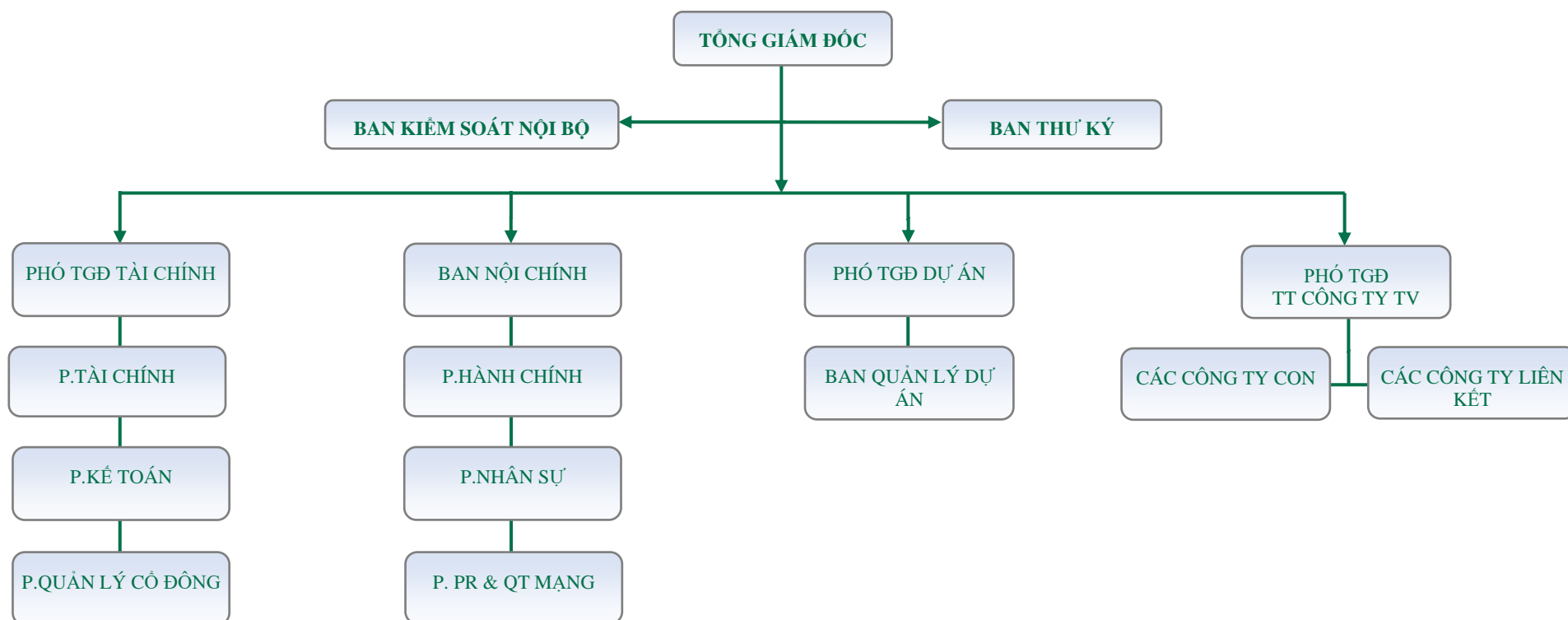
**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY**





Cơ cấu bộ máy quản lý:

## SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



## Các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
<b>I. Công ty con</b>					
1	CTCP BOT & BT Đức Long Đắc Nông	Số 4, Điện Biên Phủ, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, đầu tư công trình xây dựng gia thông, ...	250	70,60%
2	CTCP BOT & BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, Gia Lai	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, đầu tư công trình xây dựng gia thông, ...	203,81	73,5%
3	Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng (được đổi tên từ CTCP Đức Long Đà Nẵng. <i>Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần theo QĐ số 65/QĐ-HĐQT-DLGL 29/12/2018. Đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng)</i>	Thôn Quá Giáng, Xã Hoà Phước, Huyện Hoà Vang, TP. Đà Nẵng	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, kinh doanh vận tải hàng, ...	75	99,33%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
4	Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai <i>Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần theo QĐ HĐQT số 11/QĐ-HĐQT-DLGL ngày 31/12/2020</i>	211 thôn Phú Hà, Xã Ia Blứ, Huyện Chư Puh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác, trồng cây lấy củ có chất bột, ...	360,5	99,80%
5	Công ty CP Năng lượng Tân Thượng	18 Hà Huy Tập , phường 3. TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.	Xây dựng thủy điện, ...	155	88%
6	Công ty Mass Noble Investments Limited	Hòm thư 957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, quần đảo Virgin Islands thuộc Anh.	Sản xuất linh kiện điện tử, ...	320	97,73%
7	Công ty cổ Phần Đầu Tư Và Kinh Doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP.HCM	Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, ....	601	84,03%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
8	Công ty CP Cà Phê Gia Lai	97 Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất nông nghiệp, mua bán nông nghiệp, trồng cây cà phê, ...	146,763	51%
9	Công ty CP Chè Biển Hồ	Thôn 5, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất nông nghiệp, mua bán xuất nhập khẩu cà phê, chè, ...	89,356	51%
10	Công ty TNHH MTV Nông trại Cao Nguyên Quảng Phú 1 <i>Góp vốn theo QĐ HĐQT số 10/QĐ-HĐQT-ĐLGL ngày 24/9/2020</i> <i>Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần theo QĐ HĐQT số 11/QĐ-HĐQT-ĐLGL ngày 31/12/2020</i>	<i>Thôn Phú Lợi, Xã Quảng Phú, Huyện Krông Nô, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam</i>	<i>Hoạt động dịch vụ chăn nuôi, bán buôn nông sản nguyên liệu, trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp, ...</i>	50	100%
11	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Năng Đức Long Gia Lai	43 Lý Nam Đế, Tp.Pleiku, Gia Lai	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, ...	122,5	93,35%



STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
<b>II. Công ty liên kết</b>					
1	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	117-119-121 Trần Phú - Diên Hồng - Pleiku - Gia Lai	Sản xuất sắt, thép, gang, trồng cao su, ....	15	40,00%
2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	170 Trường Chinh, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị, ...	2,96	20,00%
3	Công ty CP DLG CY Việt Nam	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp.HCM	Sản xuất linh kiện điện tử; xây dựng công trình; Tư vấn, môi giới và đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, ...	2,28	40,00%

## Định hướng phát triển

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

❖ Phân đầu đến năm 2025, Đức Long Gia Lai sẽ trở thành một trong những công ty đa ngành hàng đầu Việt Nam có đủ năng lực để cạnh tranh với các Doanh nghiệp, Tập đoàn kinh tế trong nước và quốc tế.

✓ ĐLGL tiếp tục kiên định với các ngành nghề chiến lược giai đoạn 2019-2023 với quyết tâm: Đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức BOT, BT, BOO; Đầu tư kinh doanh bất động sản đa sản phẩm; Đầu tư năng lượng (Thủy điện, điện mặt trời, điện gió); Sản xuất điện tử và thiết bị điện tử. Đồng thời đầu tư chuyên sâu một số lĩnh vực, ngành nghề truyền thống đang đem lại hiệu quả, bao gồm: Sản xuất, kinh doanh và chế biến gỗ, đá xây dựng, xây dựng kinh doanh bến xe, bãi đỗ xe, vệ sỹ, ...

✓ **Về thị trường:** Trong chiến lược phát triển, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục củng cố vị thế tại thị trường nội địa, duy trì, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm tăng thị phần.

❖ **Đối với môi trường, xã hội, cộng đồng của Công ty**

✓ **Đối với môi trường:** Tập đoàn Đức Long Gia Lai luôn xác định các hoạt động của mình sẽ góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường xung quanh, phù hợp với chính sách của nhà nước. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, Đức Long Gia Lai luôn đề cao việc áp dụng kỹ thuật tiên bộ tránh ô nhiễm môi trường và cũng đẩy mạnh việc cải thiện môi trường như trồng rừng, chăm sóc rừng...

✓ **Đối với xã hội:** Tập đoàn luôn tích cực tập trung đầu tư phát triển những ngành phục vụ nhu cầu xã hội như ngành điện năng và xây dựng, đồng thời góp phần tạo ra việc làm, giải quyết các vấn đề của xã hội

✓ **Đối với cộng đồng:** Những dự án, công trình của Tập đoàn xây dựng góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, đảm bảo cân bằng lợi ích của Tập đoàn và lợi ích cộng đồng.

✓ Công ty tạo ra những đặc trưng riêng trong quản lý kinh doanh, điều hành sản xuất, thay đổi tư duy nhằm đột phá để phát triển và khẳng định giá trị bằng những dự án đầy thách thức và phát triển thông qua việc đáp ứng các nhu cầu của khách hàng kết hợp bằng phong cách làm việc tập thể, sự sáng tạo và khả năng triển khai chuyên nghiệp.

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

❖ **Trở thành Tập đoàn đầu tư đa ngành hàng đầu Việt Nam vào năm 2025 với các Lĩnh vực cốt lõi:**

✓ **Năng lượng:** Đối với hoạt động đầu tư năng lượng thủy điện, điện gió và điện mặt trời, Đức Long Gia Lai chủ trương xây dựng mô hình kiểu mẫu cho Việt Nam trong tương lai và phát triển năng lượng tái tạo theo mô hình phát triển nguồn điện phân tán và giải pháp lưu điện công nghệ cao, kết hợp phát triển lưới điện thông minh. Việc xây dựng các dự án năng lượng có ý nghĩa hết sức thiết thực, không chỉ đảm bảo doanh thu, lợi nhuận cho Đức Long Gia Lai mà còn góp phần quan trọng đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Đẩy mạnh tiến độ thi công xây dựng các Dự án thủy điện: Thủy điện Tân Thượng (dự kiến hoàn thành xây dựng và bán điện thương mại vào cuối năm 2022). Chuẩn bị thủ tục đầu tư 04 dự án thủy điện khác tại địa bàn các tỉnh Tây Nguyên với tổng công suất 250 kwh. Hàng loạt dự án điện gió, điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

✓ **Sản xuất linh kiện điện tử:** Phát triển và mở rộng quy mô lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử ở nước ngoài, đưa các sản phẩm điện tử viễn thông công nghệ cao vào thị trường Việt Nam. Đồng thời, xây dựng các nhà máy sản xuất điện tử ở trong nước, đáp ứng nhu cầu công nghệ ngày càng cao trong nước. Tiếp tục tái cấu trúc và ổn định hoạt động của Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Ansen tại thành phố Đông Quang, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc và Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại thành phố Seoul, Hàn Quốc. Nhà máy điện tử tại Khu Công nghệ cao - Quận 9, TP.HCM tận dụng triệt để lợi thế về hệ thống quản trị tiêu chuẩn quốc tế, công nghệ hiện đại đã áp dụng thành công ở các nhà máy sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử của DLG tại nước ngoài. Nhà máy có đầy đủ các thiết bị máy móc tối tân trong lĩnh vực lắp ráp các sản phẩm điện tử, hàng tháng có khả năng đáp ứng các đơn hàng lớn cho các khách hàng truyền thống nổi tiếng như: Honeywell, Whirlpool, Azad, ADV... Các mặt hàng điện tử dân dụng đang sản xuất với số lượng lớn hiện nay là: máy xén tóc & cạo râu, chuông cửa, đèn LED, thiết bị định vị GPS, đèn cảnh báo thoát hiểm ... Ngoài ra, Nhà máy đang hoàn thiện các công đoạn cuối để sản xuất Smart tivi trong năm 2021. Hoàn thiện thủ tục để đầu tư thêm 02 nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Bình Dương.

✓ **Cơ sở hạ tầng:** Đức Long Gia Lai là doanh nghiệp có năng lực hàng đầu Việt Nam về đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng. Đây là thế mạnh được Chính phủ Việt Nam chọn làm nhà đầu tư thi công tuyến đường cao tốc Quốc lộ 14 với tổng mức đầu tư cho các dự án về cơ sở hạ tầng và các dự án trong tương lai ước tính hàng tỷ USD bằng hình thức BOT, BT, PPP. Đến thời điểm hiện nay, ở lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, Đức Long Gia Lai là doanh nghiệp duy nhất nắm trong tay 4 trạm thu phí BOT trên gần 150 Km đường Quốc lộ 14 với thời gian thu phí trên 20 năm.

Định hướng trong thời gian tới, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục tìm kiếm, cũng như tham gia đấu thầu các dự án lớn về cơ sở hạ tầng, kết hợp với việc đầu tư kinh doanh các khu dân cư từ nguồn đất được giao, các dự án giao thông đường bộ, đường sắt, sân bay, cảng biển... trong cả nước.

✓ **Bất động sản đa sản phẩm:** Đối với các dự án bất động sản, khách sạn và các dịch vụ phục vụ cho du lịch - nghỉ dưỡng, hiện nay ĐLGL Group đã đầu tư và đưa vào khai thác một chuỗi các dự án với dòng sản phẩm đa dạng như: Chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ; văn phòng; du lịch nghỉ dưỡng kết hợp khách sạn cao cấp; khu du lịch sinh thái... tại các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tp. HCM, Phú Quốc, Lâm Đồng, Kon Tum và Gia Lai.

Định hướng thời gian đến, Đức Long Gia Lai và các công ty thành viên sẽ phát triển các dự án Sân golf, khách sạn và khu du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng cao cấp từ 4 - 5 sao, khu công nghiệp, khu đô thị trên địa bàn các tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu.

## Các yếu tố rủi ro

### ❖ Rủi ro kinh tế

✓ Nền kinh tế luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro do chịu ảnh hưởng của các yếu tố trong và ngoài nước tác động, Đức Long Gia Lai là một chủ thể hoạt động của nền kinh tế nên cũng chịu ảnh hưởng nhất định trong hoạt động kinh doanh của mình.

✓ Với sự nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục đà chuyển biến tích cực, nhất là việc thực hiện thành công "mục tiêu kép" vừa giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, vừa thúc đẩy tăng trưởng GDP.

✓ Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ – Trung vẫn tiếp diễn. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Các nền kinh tế chủ chốt đối mặt với nhiều khó khăn và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Tập đoàn Đức Long Gia Lai với các ngành nghề chiến lược và cả các ngành nghề truyền thống đều không thoát khỏi ảnh hưởng bởi tác động của dịch bệnh, như: Các khách sạn, nhà nghỉ vắng khách, các trạm thu phí giảm mạnh doanh thu, các ngành sản xuất khác như: Linh kiện điện tử, gỗ, đá phải giảm quy mô sản xuất và bị thu hẹp thị trường tiêu thụ với chính sách cách ly xã hội để phòng tránh dịch bệnh,...

✓ Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội”, kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2020 là 2,91% đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới. Cùng với Trung Quốc và Mianma, Việt Nam là một trong ba quốc gia ở châu Á có mức tăng trưởng tích cực trong năm nay; đồng thời quy mô nền kinh tế nước ta đạt hơn 343 tỷ USD, vượt Singapo (337,5 tỷ USD) và Malaixia (336,3 tỷ USD), đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á.

✓ Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2020 đạt 543,9 tỉ USD, tăng 5,1% so với năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 281,5 tỉ USD, nhập khẩu 262,4 tỉ USD. Điều này có nghĩa là trong năm qua, Việt Nam đã xuất siêu 19,1 tỉ USD, mức cao nhất trong 5 năm liên tiếp.

#### ❖ **Rủi ro lãi suất**

✓ Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

✓ Với nhu cầu lớn về vốn để đáp ứng các mục đích đầu tư và hoạt động của tập đoàn, nguồn vốn vay đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu vốn của Tập đoàn đặc biệt các khoản lãi suất thả nổi. Trái ngược với những năm trước, bước vào tháng cuối của năm 2020, nhiều Ngân hàng đã chủ động tiếp tục điều chỉnh giảm lãi suất cả huy động lẫn cho vay. Đây là tín hiệu khả quan, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phục hồi của nền kinh tế sau những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 từ đầu năm. Lãi suất giảm tạo điều kiện giúp Tập đoàn giảm bớt gánh nặng tài chính.

#### ❖ **Rủi ro tỷ giá**

✓ Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có gốc ngoại tệ, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

#### ❖ **Rủi ro pháp luật**

✓ Với đặc điểm là tập đoàn đa ngành thì các hoạt động luôn chịu ảnh hưởng của nhiều luật khác nhau. Những thay đổi về luật pháp có thể ảnh hưởng đến các dự án đang triển khai và các dự án đang hoạt động của Tập đoàn. Vì vậy, Đức Long Gia Lai luôn quan tâm theo dõi cập nhật những thay đổi trong văn bản luật đảm bảo hoạt động của Tập đoàn luôn hợp pháp và minh bạch.

#### ❖ **Rủi ro môi trường**

✓ CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai với vai trò chủ yếu của công ty mẹ là hỗ trợ và kết nối, không tham gia trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nên tác động trực



tiếp đến lĩnh vực môi trường là không đáng kể. Tuy nhiên, xét về những tác động gián tiếp thông qua các công ty thành viên thì môi trường được xem là một trong những lĩnh vực cần được đánh giá tương xứng với tầm ảnh hưởng thực tế của tập đoàn. Để quản trị về vấn đề môi trường khi không tham gia vào các hoạt động trực tiếp của công ty thành viên, Tập đoàn hướng vào việc hỗ trợ thực hiện, kiểm soát kết quả hoạt động thông qua các thông tin về điều hành, các báo cáo để đánh giá mức độ tuân thủ và tính hiệu quả của các hoạt động. Trong các biện pháp kiểm soát thông tin, cơ chế đánh giá môi trường xã hội của Tập đoàn là giải pháp hiệu quả và chủ động để có được các thông tin tin cậy để đảm bảo kết quả hoạt động nhất quán với tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn.

## **Rủi ro đặc thù ngành**

### **❖ Rủi ro đối với lĩnh vực cơ sở hạ tầng:**

✓ Các dự án xây dựng cầu đường chủ yếu của Tập đoàn là các dự án BOT, các dự án này đều là con đường quan trọng nối liền các tỉnh khu vực Tây Nguyên với các tỉnh thành phía Nam nên có mật độ xe lưu thông cao đem lại nguồn thu cho Tập đoàn. Tuy nhiên, trong tương lai, Tập đoàn sẽ phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp khác trong nước và cả các công ty nước ngoài. Để khắc phục, Tập đoàn đã chủ động tìm kiếm, tích cực hợp tác với các đối tác nước ngoài để áp dụng kỹ thuật hiện đại, tăng tính cạnh tranh, giảm thiểu chi phí, hoạt động chuyên nghiệp. Việc Nhà nước không tăng thu phí 18% theo lộ trình 3 năm một lần cũng dẫn đến rủi ro do doanh thu không đảm bảo trả gốc và lãi cho ngân hàng. Các công ty BOT phải khắc phục bằng việc làm việc với ngân hàng để cơ cấu gốc và lãi.

### **❖ Rủi ro đối với ngành dịch vụ du lịch, khách sạn, resort:**

✓ Là ngành dịch vụ chủ yếu phục vụ du khách nên hoạt động của ngành này bị ảnh hưởng bởi tình hình chung của nền kinh tế thế giới. Để giảm thiểu rủi ro, Tập đoàn không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cấp hệ thống khách sạn và resort để thu hút du khách.

### **❖ Rủi ro về lĩnh vực linh kiện điện tử:**

✓ Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử tại Việt Nam, Trung Quốc và Hàn Quốc. Trong bối cảnh thế giới hiện đang có rất nhiều Công ty, tập đoàn lớn được coi là người khổng lồ trong lĩnh vực điện tử, công nghệ như SAMSUNG, LG... thì áp lực đối với các công ty sản xuất điện tử, linh kiện điện tử như Mass Noble, HanBit, ...



là rất lớn. Để có thể tồn tại và phát triển, các công ty nhỏ không thể trực tiếp cạnh tranh với các đối thủ sừng sỏ trên thị trường chính thức mà các doanh nghiệp này buộc phải khai thác các thị trường ngách, nơi mà các công ty lớn chưa quan tâm đến. Sự khéo léo định hướng đúng mục tiêu và lựa chọn đúng phân khúc đã giúp ĐLGL dần xây dựng được hình ảnh và uy tín trên thị trường.

❖ **Rủi ro đối với ngành năng lượng tái tạo:**

✓ Đức Long Gia Lai chú trọng đầu tư hoạt động khai thác năng lượng sạch, năng lượng tái tạo bao gồm: Thủy điện, điện gió, điện mặt trời. Phân đấu đưa dự án trở thành mô hình kiểu mẫu tại Việt Nam trong tương lai. Mặc dù năng lượng tái tạo mang lại nhiều lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường, tuy nhiên, cơ chế chính sách đối với ngành điện còn thiếu đồng bộ, chậm được đổi mới; nguồn lực đầu tư còn hạn chế và dàn trải. Để đẩy nhanh phát triển nhanh nguồn năng lượng sạch của Việt Nam cần phải vượt qua rất nhiều rào cản về: thể chế, pháp lý, thị trường, .... Rủi ro về giải pháp tại các dự án, do phát triển một cách ồ ạt nhưng cơ sở hạ tầng của nguồn điện còn nhiều hạn chế.

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

### Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh trong năm 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2020	% tăng giảm
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.914.292	2.873.262	2.034.492	-29,19%
2	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	2.483.969	2.343.579	1.670.179	-28,73%
3	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	430.323	529.683	364.312	-31,22%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	161.664	263.274	173.239	-34,20%
5	Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng	342.436	386.794	823.694	112,95%
6	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	27.430	25.851	19.145	-25,94%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	193.870	298.671	523.624	75,32%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	Triệu đồng	28.276	81.798	-828.806	-
9	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	8.272	-43.379	-32.457	-25,18%
10	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	36.549	38.420	-861.263	-
11	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	14.353	-7.459	-929.778	12.365,18%

❖ **Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ hoàn thành
Doanh thu	Tỷ đồng	2.500	2.039,14	82%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	80	-929,78	-

Từ đầu năm 2020 đến nay, tình hình dịch bệnh Covid - 19 diễn biến phức tạp, đồng thời thiên tai (hạn hán, lũ lụt) kéo dài ảnh hưởng tác động trực tiếp đến các hoạt động SXKD của Công ty. Đặc biệt là Công ty TNHH Mass Noble Investments có các nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại Trung Quốc, Hàn Quốc và Hồng Kông, nơi ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19. Các lĩnh vực năng lượng và nông nghiệp, do tình hình thời tiết diễn biến bất thường như hạn hán, thiên tai, lũ lụt xảy ra liên tiếp, kéo dài nhiều tháng trong năm, nhất là khu vực miền Trung và Tây Nguyên, dẫn đến nhiều hồ chứa thủy điện nguồn nước cạn kiệt, công suất phát điện rất thấp, đồng thời các trang trại nông nghiệp: chè, cà phê... thời gian thu hoạch kéo dài nên năng suất và sản lượng thu được rất thấp cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu năm 2020. Vì vậy doanh thu và lợi nhuận đạt được vẫn chưa đạt mức kỳ vọng của ĐHCĐ thường niên 2020.

**Tổ chức và nhân sự**

*Danh sách Ban điều hành*

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Trần Cao Châu	Tổng giám đốc	525.000	0,175%	-
2	Trần Văn Phương	Phó Tổng giám đốc	68.389	0,023%	-
3	Vũ Thị Hải	Phó Tổng giám đốc	35.479	0,012%	-
4	Phạm Minh Việt	Phó Tổng giám đốc	0	0%	-
5	Đỗ Thành Nhân	Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán	84	0%	-



**Trần Cao Châu – Tổng Giám đốc**

*Trình độ: Cử nhân quản trị kinh doanh, trung cấp kế toán*

*Quá trình công tác:*

- ✓ 1992 – 1997: Phó bí thư đoàn phường Yên Đỗ, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- ✓ 1997 – 2001: Phó ban công tác thanh niên thành phố Pleiku tại Thành Đoàn Pleiku;
- ✓ 2001 – 2002: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Vinh Quang I TP HCM – CN Gia Lai;
- ✓ 2002 – 2006: Kế toán trưởng Công ty TNHH Vinh Quang I TP HCM – CN Gia Lai;
- ✓ 2006 – 2013: Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư và kinh doanh các dự án tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên, kiêm Giám đốc chi nhánh Gia Lai tại Công ty TNHH Vinh Quang I – TP.Hồ Chí Minh;
- ✓ 2013 – 2016: Kinh doanh tư nhân;
- ✓ 4/2016 – 4/2018: Chủ tịch HĐQT CTCP đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai;
- ✓ 2016 – 5/2017: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ 5/2017 – 3/2018: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ 4/2018 – 02/9/2019: Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ 6/2019 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ 03/9/2019 – nay: Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai



**Trần Văn Phương - Phó Tổng giám đốc**

*Trình độ: Cử nhân xây dựng*

*Quá trình công tác:*

- ✓ 2007 - 01/2009: Công ty TNHH XDCT Hùng Vương.
- ✓ 02/2009 - 04/2012: Công ty Cổ phần ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai.
- ✓ 05/2012 - 08/2013: Giám đốc công ty Cổ Phần ĐT & Xây dựng Đức Long Gia Lai
- ✓ 09/2013 *đến nay*: Giám đốc Công ty Cổ phần ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai.
- ✓ 06/2017 *đến nay*: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

**Vũ Thị Hải – Phó Tổng giám đốc**

*Trình độ: Cử nhân kinh tế*

*Quá trình công tác:*

- ✓ 1987 - 2007: Kế toán công ty dịch vụ du lịch Gia Lai.
- ✓ 1/2008 – 02/2008: Kế toán tổng hợp CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ 3/2008 – 04/2011: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ 5/2011- 6/2013: Trưởng ban tài chính, trưởng Ban quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ 07/2013 – 3/2018: Kế toán trưởng, Trưởng ban tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ 07/2013 – nay: Trưởng ban quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ 4/2018 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.





**Phạm Minh Việt - Phó Tổng giám đốc**

*Trình độ: Kỹ sư xây dựng cầu đường*

*Quá trình công tác:*

✓ 2003 – 06/2006: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Tư vấn Công trình Sài Gòn.

✓ 7/2006 – 4/2009: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Tư vấn Phương Nam.

✓ 4/2009 - 03/2010: Giám đốc điều hành dự án Công ty CP ĐTXD và Thương mại Thăng Long.

✓ 3/ 2010 – 10/2010: Trưởng ban BOT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

✓ 10/2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

✓ 2/2017 – nay: Tổng Giám đốc CTCP BOT & BT Đức Long Gia Lai.

**Đỗ Thành Nhân - Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán**

*Trình độ: Kỹ sư quản trị Doanh nghiệp*

*Quá trình công tác:*

✓ 01/9/2004 - 9/2019: làm việc tại Ban Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

✓ 9/2019 đến nay: Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai



**Những thay đổi trong ban điều hành: Không có**



❖ **Thông kê nhân sự**

✓ Tổng số lượng cán bộ nhân viên toàn Tập đoàn (bao gồm các công ty thành viên) tính đến 31/12/2020 là 5.750 người. Tập đoàn luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Pháp luật. Mức lương bình quân của toàn thể cán bộ nhân viên Tập đoàn năm 2020 là 9 triệu đồng/người/tháng.

❖ **Một số chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động**

✓ **Chính sách tuyển dụng**

Tập đoàn sử dụng khá linh hoạt với nhiều cách thức “tuyển” để “dùng” cùng những tiêu chí tuyển dụng công khai, minh bạch... Với thông điệp “ĐỨC LONG - nơi hội tụ nhân tài”, đảm bảo số lượng nhân sự đầu vào có chất lượng cao mặc dù thị trường nhân sự trong lĩnh vực Tập đoàn đang hoạt động ngày càng khan hiếm. Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Tập đoàn, thực hiện theo kế hoạch hàng năm và trong từng giai đoạn dựa trên nguyên tắc tạo cơ hội bình đẳng cho mọi ứng cử viên, thực hiện theo quy trình tuyển dụng của Tập đoàn.

✓ **Chính sách đào tạo**

Đào tạo và phát triển nhân viên là ưu tiên hàng đầu và là chính sách quan trọng của Tập đoàn. Mỗi cán bộ - nhân viên đều được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo tại Công ty hoặc bên ngoài.

Dựa vào nội dung của từng khóa học, nhân viên sẽ được đào tạo thông qua các phương pháp phù hợp như: học lý thuyết, thảo luận, tiếp cận thực tế đưa ra các tình huống cụ thể, sát với thực tế để giải quyết, hoặc kết hợp ngoại khóa... Cuối mỗi khóa đào tạo, nhân viên đều phải viết bài thu hoạch và báo cáo kết quả học tập về cho Ban Lãnh đạo Tập đoàn.

Cán bộ - nhân viên làm việc từ 6 tháng trở lên được tham gia đào tạo ngắn hạn trong nước theo kế hoạch đào tạo nghiệp vụ hàng năm, đào tạo đột xuất theo nhu cầu của Tập đoàn bằng các hình thức như đào tạo thông qua luân chuyển công tác, bố trí tham gia các ban dự án, chương trình để nhân viên có điều kiện phát huy khả năng và học hỏi kinh nghiệm tích lũy kiến thức, phát triển chuyên môn và nghề nghiệp theo định hướng của Công ty.

✓ **Thăng tiến và phát triển nghề nghiệp**

Tại Tập đoàn, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng, được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực với một quy trình rõ ràng. Tập đoàn có chính sách quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài từ những cán bộ, nhân viên có tâm huyết, đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, có thành tích trong lao động được lãnh đạo Tập đoàn đánh giá cao và đưa vào nguồn cán bộ quy hoạch dài hạn. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch sẽ được bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên môn để điều hành các hoạt động của Tập đoàn trong những năm tiếp theo.

Tập đoàn luôn đánh giá năng lực và công việc định kỳ hàng tháng, qua đó đánh giá kết quả công việc và mục tiêu công việc, kế hoạch phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân, đồng thời cũng là cơ sở nhằm quy hoạch nguồn nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Tập đoàn.

✓ **Chính sách tiền lương:**

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu và đồng thời tiếp tục duy trì văn hóa doanh nghiệp, chính sách đãi ngộ lao động luôn được Tập đoàn xem trọng và liên tục hoàn thiện. Do đó, tại Tập đoàn, người lao động được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Hàng năm, người lao động có xếp loại lao động tốt đủ 12 tháng trở lên sẽ được xem xét điều chỉnh tăng lương sao cho phù hợp với trình độ, năng lực, hiệu quả công việc.

✓ **Chính sách thưởng:**

Tập đoàn thực hiện chế độ khen thưởng cho nhân viên căn cứ trên năng lực làm việc. Tập đoàn có chính sách thưởng bằng hiện kim thông qua việc đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm, xem xét quá trình công tác, đạt hiệu quả cao, thành tích tiêu biểu. Đồng thời, Tập đoàn cũng có chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Tập đoàn, có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong việc phát triển Tập đoàn.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng có chính sách đề xuất thưởng theo danh hiệu thi đua của nhà nước đối với những tập thể và cá nhân có những thành tích xuất sắc vượt bậc theo tiêu chuẩn chung của Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn. Kết quả thi đua khen thưởng của cán bộ - nhân viên được sử dụng làm cơ sở để thực hiện các chính sách của Tập đoàn như: quy hoạch, đào tạo nguồn dự trữ kế thừa và nâng cao; nâng bậc lương trước thời hạn; đề bạt và bố trí chức vụ cao hơn.

✓ **Chính sách phúc lợi:**

Việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động luôn được Tập đoàn quan tâm hàng đầu. Tập đoàn đảm bảo các chế độ, chính sách được trả bằng hoặc cao hơn yêu cầu của luật lao động. Tất cả các cán bộ nhân viên chính thức của Tập đoàn đều được đảm bảo thụ hưởng các chế độ chính sách phù hợp với Luật lao động Việt Nam. Ngoài ra, cán bộ nhân viên còn được nhận các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể, được điều chỉnh hàng năm và có những chế độ như: thưởng các dịp Lễ, Tết, lương tháng 13, trợ cấp thâm niên, tham quan nghỉ mát, sinh nhật, kết hôn, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ khó khăn, được tham gia các hoạt động tổ chức Công đoàn, văn thể mỹ, thể dục thể thao.

Công đoàn Công ty được thành lập từ năm 2015 đã phát huy tốt vai trò động viên CBCNV làm tốt nhiệm vụ được phân công, tham gia cùng Ban điều hành Công ty giải quyết các vướng mắc nảy sinh từ việc tuyển dụng, đào tạo, phân công, bổ nhiệm và chi trả tiền lương cho CBCNV. Công đoàn cũng đã làm tốt việc thăm hỏi khi phát sinh các trường hợp tang chế, hiếu hỉ của CBCNV và người thân.

✓ **Môi trường - điều kiện làm việc:**

Với phương châm “*Con người là yếu tố cốt lõi của sự cạnh tranh*”, Tập đoàn luôn hướng đến một môi trường làm việc hiện đại và chuyên nghiệp, nơi thật sự tôn vinh những tài năng và giá trị con người. Tập đoàn không ngừng xây dựng một môi trường làm việc:

- Giao tiếp cởi mở và tôn trọng.
- Công việc thách thức và sáng tạo.
- Thu nhập cạnh tranh và công bằng.
- Cơ hội học tập/thăng tiến rõ ràng và không giới hạn.
- Thành tích được đánh giá khách quan và khoa học.
- Công việc ổn định và được chăm sóc chu đáo.

Tập đoàn luôn chú tâm duy trì không khí thoải mái, vui vẻ khi làm việc. Các hoạt động thường xuyên được tổ chức như: các giải thể thao, văn nghệ, tổ chức sinh nhật cho cán bộ - nhân viên, các hoạt động sinh hoạt như dự các ngày lễ truyền thống của đất nước và Tập đoàn, các hoạt động chung vì cộng đồng v.v...

## Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

### Các khoản đầu tư lớn

- ❖ Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn phát sinh trong năm:

#### Đầu tư ngắn hạn

Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020
Cho vay ngắn hạn tổ chức	Tr.đồng	695.176	172.993
Cho vay ngắn hạn các đối tượng khác	Tr.đồng	482.113	747.234

#### Đầu tư dài hạn

Chỉ tiêu	2019 (Tr.đồng)	2020 (Tr.đồng)
<b>Đầu tư góp vốn</b>	<b>480</b>	<b>480</b>
CTCP Tư vấn & Xây dựng Giao thông Gia Lai	7.177	7.283
CTCP Dịch vụ công cộng ĐL Bảo Lộc	480	480
<b>Cho vay</b>	<b>1.221.645</b>	<b>1.444.970</b>
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	320.000	270.000
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	220.000	184.406
Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai	-	251.773
Huyện Quốc Bình	-	181.526
Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp ĐLGL	758	213.808
Các đối tượng khác	680.888	343.457

## Tình hình thực hiện các dự án

Năm 2016, Công ty tăng vốn từ nguồn chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành vốn góp của chủ sở hữu: 500.000.000.000 đồng. Phương án sử dụng vốn của đợt chuyển đổi trái phiếu nhằm mục đích bổ sung vốn cho Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt (300 tỷ), Dự án thủy điện và năng lượng (150 tỷ) và bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh (50 tỷ).

Căn cứ Phương án sử dụng vốn đã được điều chỉnh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2019 ngày 29/6/2019 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2020 ngày 20/6/2020, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, Đức Long Gia Lai tạm thời chưa đầu tư mạnh vào lĩnh vực nông nghiệp theo định hướng chú trọng nông nghiệp hữu cơ, áp dụng công nghệ cao trong trồng trọt và chăn nuôi. Vì vậy, thay đổi mục đích sử dụng vốn từ đầu tư dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt sang bổ sung nguồn vốn lưu động cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp của Công ty với tổng số tiền là 182.178.943.267 đồng (Trong đó: Điều chỉnh mục đích sử dụng theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐTN2019 số tiền là 122.283.313.267 đồng, điều chỉnh mục đích sử dụng theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐTN2020 số tiền là 59.895.630.000 đồng).

### ❖ Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2020:

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Dự án	Số tiền vốn đã huy động từ đợt phát hành	Số tiền đã sử dụng từ đợt phát hành	Số tiền chưa sử dụng hết từ đợt phát hành	Ghi chú
1	Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt	300.000.000.000	300.000.000.000	0	-

STT	Dự án	Số tiền vốn đã huy động từ đợt phát hành	Số tiền đã sử dụng từ đợt phát hành	Số tiền chưa sử dụng hết từ đợt phát hành	Ghi chú
1.1	<i>Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt</i>	117.821.056.733	117.821.056.733	0	-
1.2	<i>Bổ sung vốn lưu động trong các hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	182.178.943.267	182.178.943.267	0	<i>Điều chỉnh theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.</i>
2	<b>Dự án thủy điện và năng lượng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>0</b>	-
3	<b>Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>0</b>	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>500.000.000.000</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>0</b>	-

Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã sử dụng hết toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán là 500.000.000.000 đồng theo phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua.



## Các công ty con, công ty liên kết

### ❖ Chỉ tiêu tài chính của một số công ty con

#### Công ty TNHH Mass Noble Limited

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1.967,9	1.250,2
2	LNTT	Tỷ đồng	112,2	34,4
3	Tài sản	Tỷ đồng	853,9	877,7
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	320,06	320,06

#### CTCP BOT&BT Đức Long Đắk Nông

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu	Tỷ đồng	213,3	231,9
2	LNTT	Tỷ đồng	49,45	41,4
3	Tài sản	Tỷ đồng	1.117,8	1.085,9
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	250	250

#### CTCP Chè Biển Hồ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu	Tỷ đồng	92,9	70,5
2	LNST	Tỷ đồng	1,80	0,63
3	Tài sản	Tỷ đồng	151,2	151,8
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	89,4	89,4

**Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng** (được đổi tên từ CTCP Đức Long Đà Nẵng)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1,1	0,8
2	LNTT	Tỷ đồng	0,54	0,29
3	Tài sản	Tỷ đồng	1,3	1,7
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1,98	1,98

❖ **Chỉ tiêu tài chính của một số công ty liên kết**

**Công ty CP tư vấn xây dựng giao thông Gia Lai**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu	Tỷ đồng	23,29	23,5
2	LNTT	Tỷ đồng	2,29	1,95
3	Tài sản	Tỷ đồng	35,12	43,13
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2,96	2,96

**Tình hình và các chỉ tiêu tài chính**

❖ **Tình hình tài chính**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	8.614.513	8.230.569	-4.5%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.873.263	2.039.144	-29.0%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	81.798	-828.806	-

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-43.379	-32.457	-25.2%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	38.420	-861.263	-
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-7.459	-929.778	12365.2%

❖ **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,30	0.86	-
+ Hệ số thanh toán nhanh:				
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	Lần	1,15	0.73	-
Nợ ngắn hạn				
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				-
+ Tổng Nợ/Tổng tài sản	%	60,18%	69.55%	-
+ Tổng Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,51	2.28	-
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				-
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	4,07	4.13	-
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,33	0.25	-
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-0,003	-0.457	-
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-0,002	-0.371	-

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-0,0009	-0.113	-
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,03	-0.41	-

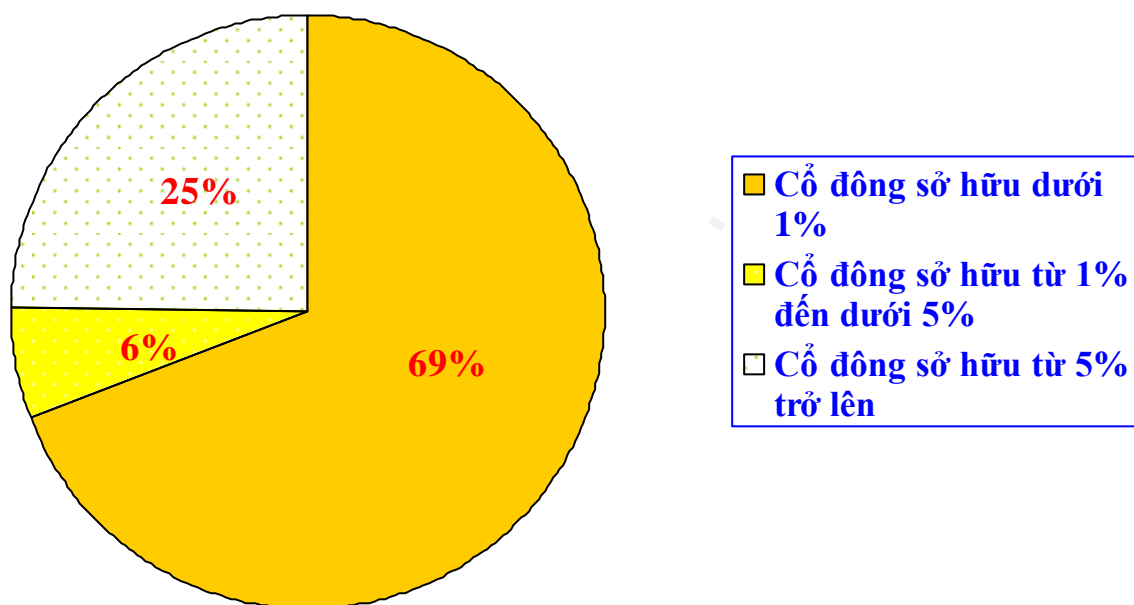
### Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- ❖ **Cổ phần:**
- ✓ Số cổ phiếu phổ thông: 299.309.720 cổ phiếu
- ✓ Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- ✓ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 299.309.720 cổ phiếu
- ✓ Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ **Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 27/5/2020**

#### Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>290.943.470</b>	<b>97,20%</b>
<i>Cá nhân</i>	288.326.885	96,33%
<i>Tổ chức</i>	2.616.585	0,87%
<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>8.366.250</b>	<b>2,80%</b>
<i>Cá nhân</i>	2.979.473	1,0%
<i>Tổ chức</i>	5.386.777	1,8%
<b>Tổng</b>	<b>299.309.720</b>	<b>100%</b>

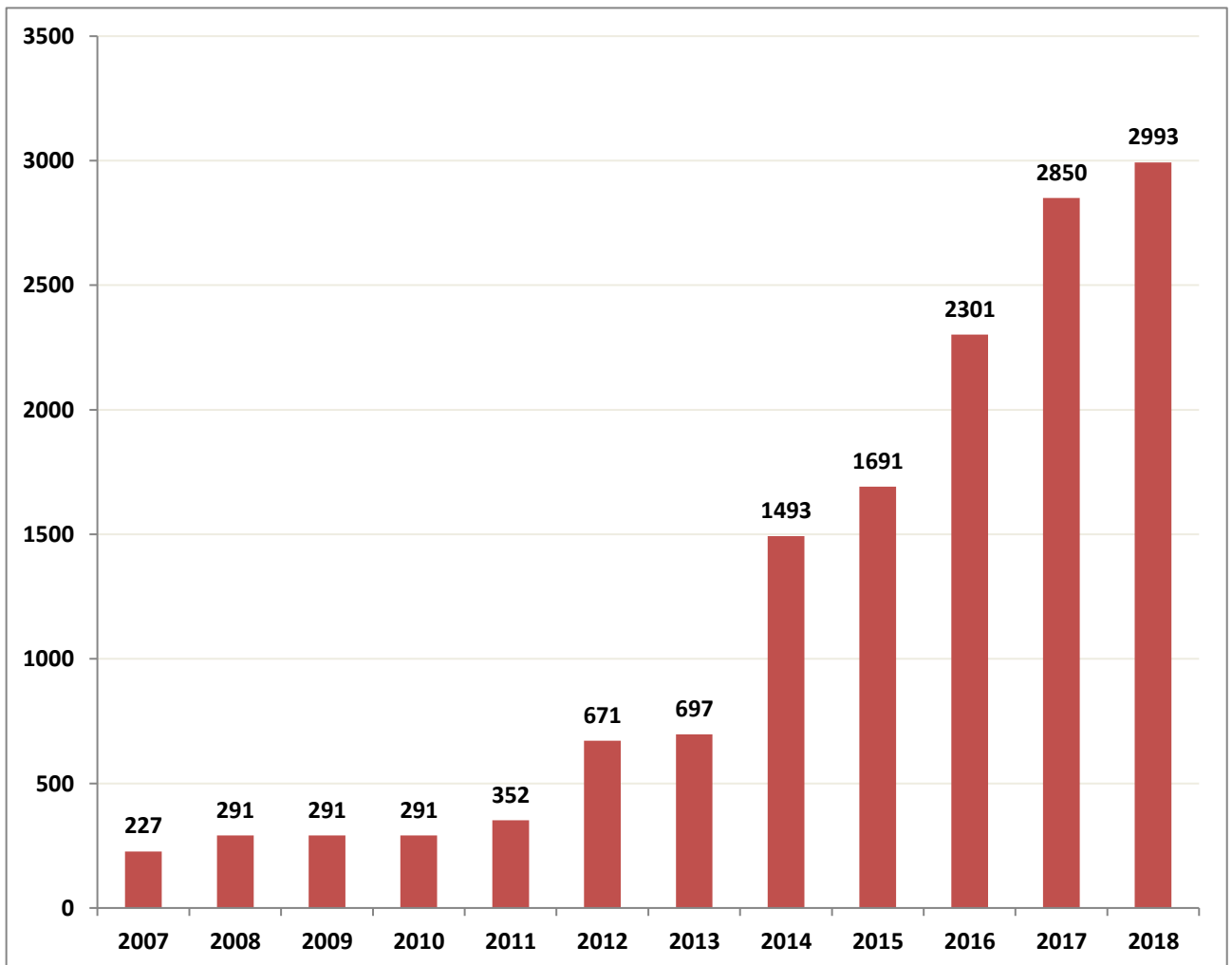
## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU



### Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
<b>Bùi Pháp</b>	230512386	03 Trần Quang Khải, TP. Pleiku, Gia Lai	74.226.523	24,79%

## QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN 2007-2020 (TỶ ĐỒNG)



## QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN 2007-2020 (TỶ ĐỒNG)

❖ **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm 2020, Đức Long Gia Lai không có sự thay đổi về vốn điều lệ.

❖ **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

❖ **Các chứng khoán khác:** Không có



## Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là năng lượng tái tạo, linh kiện điện tử, BOT và cơ sở hạ tầng.

- **Lĩnh vực năng lượng:** Công ty tập trung vào năng lượng tái tạo (thủy điện, điện mặt trời và điện gió). Sử dụng năng lượng tái sinh tác động tích cực đến môi trường và đời sống con người, giảm sử dụng nguồn năng lượng hóa thạch (than, dầu mỏ) hạn chế gây ô nhiễm không khí, bụi than, tiếng ồn, giảm được bãi rác thải đất đá, bảo vệ rừng vv... làm cho môi trường không bị ô nhiễm và bảo vệ sức khỏe con người.
  
- **Đối với lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử:** Hiện nay, Công ty đang sở hữu 3 nhà máy tại Việt Nam, Hàn Quốc và Trung Quốc. Công ty luôn đáp ứng những yêu cầu khắc khe về môi trường ở các nước sở tại. Lựa chọn đơn vị thi công có thiết bị và phương tiện thi công cơ giới hiện đại để giảm thiểu ô nhiễm không khí-tiếng ồn; Lắp đặt hệ thống xử lý không khí và bộ lọc khí để đảm bảo không khí trong các xưởng sản xuất đạt độ sạch cao, nhà máy được thiết kế theo quy chuẩn xây dựng, có hệ thống gió, hệ thống làm thoáng không khí, các chất thải gây hại sẽ được thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường ở mức thấp nhất.
  
- **Lĩnh vực BOT, cơ sở hạ tầng:** Để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, với vị thế là chủ đầu tư dự án, Công ty luôn ưu tiên lựa chọn nhà thầu xây dựng và cung cấp thiết bị có giải pháp tốt nhất về bảo vệ môi trường. Thiết bị trang bị cho dự án của Công ty đảm bảo tiết kiệm điện năng. Công ty ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu thay thế ít sử dụng năng lượng nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật. Trong tương lai, để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, Công ty đề ra giải pháp:
  - + Lựa chọn nhà thầu thi công và cung cấp trang thiết bị được đánh giá có giải pháp tốt nhất về môi trường.
  
  - + Trong hoạt động xây dựng của Công ty. Công ty áp dụng tối đa giải pháp bảo vệ môi trường như đầu tư trang thiết bị, xây dựng quy trình giám sát chặt chẽ, lập chỉ tiêu KPIs đánh giá về môi trường

## **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường. Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống cho mọi người, vì vậy Ban lãnh đạo Công ty rất quan tâm đến vấn đề này.

### **❖ Lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử:**

- Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc thiết bị để máy luôn hoạt động tốt;
- Nhà xưởng được thiết kế theo quy chuẩn xây dựng, có hệ thống gió, hệ thống làm thoáng đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân;
- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn) cho công nhân làm việc tại những vị trí phát sinh tiếng ồn cao.

❖ **Lĩnh vực BOT, cơ sở hạ tầng:** Khi triển khai các dự án đầu tư, Công ty đều thuê những đơn vị tư vấn thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường tại địa bàn thực hiện dự án. Đồng thời, đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường, hệ sinh thái ở mức thấp nhất. Đối với giai đoạn thực hiện dự án, Công ty đều đưa ra những cam kết và hành động cụ thể nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường.

- Biện pháp quản lý
  - + Lập kế hoạch, tiến độ thi công hợp lý, công trình xây dựng nhanh, hoàn thành sớm.
  - + Quy định cụ thể thời gian làm việc trong ngày.
  - + Phương tiện tham gia vận tải phải có giấy đăng kiểm, phải đạt các tiêu chuẩn lưu hành, lái xe phải có bằng lái, yêu cầu phải tuân thủ các quy định về an toàn khi tham gia giao thông.
- Biện pháp kỹ thuật
  - + Giảm thiểu bụi đất trong quá trình vận chuyển.
  - + Xe chở đất được che chắn cẩn thận bằng bạt.
  - + Không chở quá tải trọng cho phép nhằm hạn chế đất cát rơi vãi.
- Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải

- + Sử dụng lao động tại địa phương nhằm tránh lưu trú qua đêm do đó giảm lượng nước thải và hạn chế tình trạng gây ô nhiễm môi trường.
- + Xây dựng các công trình vệ sinh tạm tại công trường xây dựng.
- + Các nguyên liệu hại như xăng, dầu, nhựa đường... được lưu giữ trong kho chứa nhằm tránh việc làm đổ các chất độc hại trên.
- Giảm thiểu ô nhiễm do tiếng ồn, khí thải
  - + Không vận chuyển, vận hành máy móc thiết bị gây ra tiếng ồn lớn vào giữa trưa và ban đêm gây ồn cho khu vực xung quanh.
  - + Không sử dụng máy móc quá cũ để giảm mức gây ồn và các khí độc hại trong khói thải.
  - + Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân.

### **Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Trong quá trình hình thành và phát triển, ĐLGL không ngừng học hỏi, tìm tòi, phát huy và tiếp cận những công nghệ mới để giúp công ty hoàn thành những mục tiêu kinh doanh mà HĐQT đề ra. Từng bước đưa ĐLGL trở thành một Tập đoàn hàng đầu Việt Nam.

ĐLGL luôn tuân thủ việc đóng thuế cho cơ quan Nhà nước. Tạo rất nhiều công ăn việc làm cho rất nhiều lao động. Qua từng năm, từng thời điểm, từng quy mô nguồn vốn, Công ty luôn tuân thủ và đặt trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế lên hàng đầu. Luôn minh bạch trong quá trình đóng thuế của mình. Điều đó thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của một tổ chức đối với nền kinh tế chung của đất nước.

### **Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**

Bảo vệ môi trường sống là mục tiêu hàng đầu và quan trọng nhất mà ĐLGL đề ra trong các dự án đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng. Đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp trước và sau khi dự án được triển khai. Theo Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 của Việt Nam mà Chính phủ phê 3 nhiệm vụ chính gồm: giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; xanh hóa sản xuất, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh và xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Để thực hiện các



nhiệm vụ này, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 (Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh 2030). Việc xây dựng Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh 2030 hướng tới nền kinh tế trung tính các-bon (carbon neutral) trong dài hạn là ưu tiên hàng đầu trong bối cảnh mới, đặc biệt là xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ, giúp Việt Nam đón đầu cơ hội và sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả. Tăng trưởng xanh không những giúp đảm bảo bền vững về môi trường, nâng cao năng lực chống chịu của quốc gia trước biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai, dịch bệnh, mà còn tạo bình đẳng trong tiếp cận cơ hội và hưởng lợi của mọi người dân, không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển. Tăng trưởng xanh góp phần truyền tải, chia sẻ các giá trị nhân văn, các giá trị văn hóa cốt lõi, lối sống có trách nhiệm của từng con người và của toàn xã hội.

Theo Báo cáo phát triển bền vững 2020, Việt Nam là quốc gia Đông - Nam Á duy nhất đạt được năm mục tiêu hành động của Liên hợp quốc, trong đó có các biện pháp giảm khí thải CO<sub>2</sub>, thúc đẩy năng lượng tái tạo và nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu.

Bên cạnh sự nỗ lực của Chính phủ cần sự tham gia, phối hợp của các doanh nghiệp. Để nền kinh tế xanh hơn thì bản thân các doanh nghiệp trong nước phải có những hành động cụ thể hơn, thiết thực hơn để góp phần làm nền kinh tế xanh hơn. ĐLGL luôn cam kết và tạo sự chuyển biến tích cực từ ý thức bảo vệ môi trường đến toàn bộ cán bộ công nhân viên.

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020, Việt Nam thực hiện thành công mục tiêu kép vừa phòng chống dịch bệnh COVID-19 vừa phát triển kinh tế xã hội. Đặt trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế xã, kinh tế Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng 2,91%, Việt Nam đã xuất siêu 19,1 tỉ USD, mức cao nhất trong 5 năm liên tiếp, năng suất lao động của toàn nền kinh tế trong năm 2020 đạt 117,9 triệu đồng/lao động, tương đương 5.081 USD/lao động, tăng 290 USD so với năm 2019, năm 2020 là năm thắng đậm của gạo Việt Nam cả về được mùa, được giá và xuất khẩu gạo liên tiếp vượt Thái Lan và Ấn Độ, soán ngôi số 1 thế giới về giá bán. Việt Nam được coi là một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới và phục hồi kinh tế nhanh hình chữ V, với mức tăng trưởng dự báo từ hơn 6% tới 11,2% trong năm 2021...

Dịch bệnh Covid-19 khiến giá dầu lao dốc, nợ công tăng dần, các công ty đối đầu với nhiều khó khăn: nguyên liệu sản xuất, khách hàng, ... Căng thẳng thương mại toàn cầu leo thang có thể dẫn đến suy giảm nhu cầu về các mặt hàng xuất khẩu, đồng thời thanh khoản trên toàn cầu bị thắt chặt có thể làm giảm dòng vốn đầu tư cũng như đầu tư nước ngoài. Trong nước, cải cách doanh nghiệp nhà nước và khu vực ngân hàng chậm lại có thể ảnh hưởng đến viễn cảnh tăng trưởng và gia tăng các nghĩa vụ cho khu vực công.

Những tồn tại của nền kinh tế cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ĐLGL) không phải là ngoại lệ.

Quá trình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch năm 2020, ĐLGL có được những yếu tố thuận lợi và khó khăn sau đây:

#### ❖ **Thuận lợi**

✓ Tập đoàn Đức Long Gia Lai với các thế mạnh sẵn có: Những thành tựu đạt được trong các năm trước về kết quả sản xuất kinh doanh, nguồn tài chính, chất lượng, uy tín, chất lượng nguồn nhân lực... và mô hình quản trị tiên tiến, sự minh bạch trong hệ thống tài chính, thương hiệu của doanh nghiệp niêm yết trên sàn;

✓ Với mối quan hệ sâu rộng của Chủ tịch HĐQT và được sự quan tâm, hỗ trợ của các cơ quan, ban ngành từ Chính phủ, các bộ ban ngành TW và các địa phương, Tập đoàn đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhiều dự án lớn, hứa hẹn sẽ mang lại hiệu quả đầu tư cao trong các năm tới;

✓ Đội ngũ cán bộ nhân viên của Văn phòng Tập đoàn và các công ty thành viên đã đồng hành với Tập đoàn qua nhiều năm, luôn tin tưởng, sát cánh kề vai với HĐQT và Ban điều hành, tích cực phát huy tính năng động trong việc triển khai các chủ trương, kế hoạch phát triển của Tập đoàn.

#### ❖ **Những khó khăn, thách thức**

✓ Sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp có chung ngành nghề sản xuất kinh doanh và đầu tư;

✓ Các chủ trương chính sách của Nhà nước như rà soát, kiểm tra, kiểm soát, hậu kiểm, hồi tố chặt chẽ các thủ tục pháp lý đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn;

✓ Đội ngũ cán bộ quản lý của Tập đoàn tuy đã được tăng cường và đã kinh qua nhiều kinh nghiệm thực tiễn nhưng có lúc vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh của Tập đoàn;

✓ Các yếu tố thuận lợi và khó khăn đã tác động không nhỏ đến quá trình điều hành Tập đoàn, nhưng với sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung khai thác các lợi thế của ĐLGL, quyết tâm đổi mới, đầu tư chiều sâu, tận dụng những thuận lợi của nền kinh tế, biến những thách thức thành cơ hội phát triển và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

#### **Hoạt động đầu tư**

❖ Về lĩnh vực năng lượng tái tạo: Đức Long Gia Lai đang hoàn thiện việc xây dựng nhà máy thủy điện Tân Thượng tại Lâm Đồng với công suất 22MW, tổng mức đầu tư 765 tỷ đồng. Các dự án thủy điện tại Tây Nguyên và Đông Nam Bộ với công suất 230 MW; Dự án điện gió Ia Boòng tại huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai đã Chính phủ đồng ý đưa vào Quy hoạch điện VII với công suất 200 MW. Một số dự án đã được Bộ Công thương đề xuất Thủ tướng Chính phủ đưa vào Quy hoạch điện VIII: Điện gió IaPech 150 MW, điện gió Ia Boòng giai đoạn 2 với công suất 200 MW, dự án điện gió Ia Blư I với công suất 153



MW, dự án điện gió Ia Blứ II với công suất 153 MW, dự án điện mặt trời trên mặt nước Ia Mơ với công suất 450 MW, Iablứ III công suất 700 MW, Ia Blứ IV công suất 800 MW, trạm biến áp 500 kV để giải tỏa công suất đầu nối các dự án tại xã Ia Blứ, huyện Chu Puh, tỉnh Gia Lai.

❖ Về lĩnh vực đầu tư bất động sản, khách sạn - nghỉ dưỡng: Hàng loạt các khách sạn, khu nghỉ dưỡng được khởi động quyết liệt: thi công Khách sạn 04 sao Đức Long Gia Lai; đang lập thủ tục đầu tư Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Papaya Bay Resort tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Dự án BĐS nghỉ dưỡng cao cấp tại thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định, xã Hòa Thắng và Hòa Phú tỉnh Bình Thuận, khu liên hợp giải trí và khách sạn cao cấp 5 sao tại Kon Tum; các dự án khu dân cư tại Gia Lai, Bình Định, ...;

❖ Về lĩnh vực linh kiện điện tử: Tiếp tục đầu tư và phát triển sản xuất Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại Khu Công nghệ Cao Quận 9, Tp.HCM. Hoàn thiện thủ tục để đầu tư thêm 02 nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Bình Dương. Tranh thủ tình hình các nhà đầu tư nước ngoài đang có xu hướng dịch chuyển và rút khỏi Trung quốc để đầu tư, mở rộng sản xuất và phát triển tại Việt Nam;

❖ Về lĩnh vực cơ sở hạ tầng: Thường xuyên tổ chức trung tu, duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường Quốc lộ 14 đã đầu tư để thu phí ổn định. Tiếp tục xúc tiến hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án: Dự án đường Tam Tân và nút xoay An Hạ thuộc Khu đô thị Tây Bắc, Tp. HCM theo hình thức BT đối đất lấy hạ tầng; Dự án đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu; Dự án Khu công nghiệp Long Sơn, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

❖ HĐQT Công ty lựa chọn đầu tư các lĩnh vực đầu tư trọng điểm, thúc đẩy mạnh mẽ việc tái cấu trúc và nhất là trong công tác chỉ đạo, điều hành ở từng thời điểm cụ thể. Các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước đều tin tưởng vào những nỗ lực của HĐQT và Ban lãnh đạo ĐLGL, sẵn sàng song hành cùng Đức Long Gia Lai trong những chặng đường sắp tới. Bước sang năm 2020, ĐLGL cố gắng sẽ đảm bảo đạt và vượt kế hoạch đề ra, đáp ứng sự kỳ vọng của các cổ đông, nhà đầu tư.

## Tình hình tài chính

*ĐVT: Triệu VND*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng trưởng 2020 so với 2019	% tăng giảm
<b>Tài sản ngắn hạn</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.009	138.061	-29.948	-17,83%
Đầu tư ngắn hạn	245.807	0	-245.807	-100,00%
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.756.402	2.054.305	-702.097	-25,47%
Hàng tồn kho	405.275	402.721	-2.554	-0,63%
Tài sản ngắn hạn khác	15.802	16.332	530	3,35%
<b>Tổng tài sản ngắn hạn</b>	<b>3.591.296</b>	<b>2.611.418</b>	<b>-979.878</b>	<b>-27,28%</b>
<b>Tài sản dài hạn</b>				
Các khoản phải thu dài hạn	1.226.406	1.446.265	219.859	17,93%
Tài sản cố định	2.934.181	3.222.476	288.295	9,83%
Bất động sản đầu tư	101.417	32.812	-68.605	-67,65%
Tài sản dở dang dài hạn	489.579	485.862	-3.717	-0,76%
Các khoản đầu tư dài hạn	7.177	7.283	106	1,48%
Tài sản dài hạn khác	264.457	424.452	159.995	60,50%
<b>Tổng tài sản dài hạn</b>	<b>5.023.217</b>	<b>5.619.151</b>	<b>595.934</b>	<b>11,86%</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>8.614.513</b>	<b>8.230.569</b>	<b>-383.944</b>	<b>-4,46%</b>

❖ **Tình hình nợ phải trả**

*ĐVT: Triệu VND*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng trưởng 2020 so với 2019	% tăng giảm
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ ngắn hạn	2.761.363	3.033.674	272.311	9,86%
Nợ dài hạn	2.423.096	2.690.339	267.243	11,03%
<b>Tổng nợ</b>	<b>5.184.459</b>	<b>5.724.013</b>	<b>539.554</b>	<b>10,41%</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>				
Vốn chủ sở hữu	<b>3.430.054</b>	<b>2.506.555</b>	<b>-923.499</b>	<b>-26,92%</b>
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.993.097	2.993.097	0	0%
Trong đó: Lợi nhuận chưa phân phối	40.695	-865.907	-906.602	-
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>8.614.513</b>	<b>8.230.569</b>	<b>-383.944</b>	<b>-4,46%</b>

❖ **Một số yếu tố khác:**

✓ **Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá**

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có nguồn gốc ngoại tệ, Tập đoàn chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được quản lý thông qua các biện pháp: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

✓ **Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay**

Do có các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Theo đó, có bất cứ biến động nào về lãi vay đều có tác động đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Tuy nhiên, Tập đoàn đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn thời điểm trả nợ thích hợp. Do vậy, biến động lãi suất ngoài dự tính vẫn được duy trì ở mức thấp.

## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### ❖ Công tác quản trị: Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đồng bộ các giải pháp:

- ✓ Bám sát mục tiêu của kế hoạch từ đầu năm, tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị hệ thống với quy mô phát triển ngày một lớn mạnh;
- ✓ Xây dựng, trình Hội đồng quản trị ban hành các quy định, quy chế hoạt động phù hợp với mô hình quản trị của doanh nghiệp; thực hiện các quy định về công bố thông tin, chế độ báo cáo theo quy định của UBCKNN và Sở GD&ĐT thành phố Hồ Chí Minh;
- ✓ Tiếp tục triển khai các giải pháp kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty thông qua các biện pháp tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc kiểm soát chặt chẽ chi phí và tăng năng suất lao động;
- ✓ Tăng cường nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn doanh nghiệp an toàn, hiệu quả. Tiếp tục rà soát tính hiệu quả của các tài sản và các mảng kinh doanh, những tài sản nào không phát huy hiệu quả thì cho thuê mướn, chuyên nhượng, liên doanh liên kết nhằm tạo ra hiệu quả sử dụng vốn cao nhất cho Tập đoàn.

### ❖ Công tác nhân sự - lao động:

- ✓ Đã cơ cấu, luân chuyển nhân sự quản lý cấp cao (TGD, KTT các Công ty thành viên) nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả trong quản lý điều hành cho phù hợp với tình hình phát triển giai đoạn mới;
- ✓ Quan tâm đến công tác quản trị nhân sự thông qua việc xây dựng hệ thống quản trị nhân sự chuyên nghiệp; có cơ chế tiền lương, tiền thưởng và môi trường, điều kiện làm việc hấp dẫn; thu hút, tuyển dụng, đào tạo và sắp xếp lại nguồn nhân lực, sắp xếp, định biên lại nhân sự các phòng, ban Văn phòng Tập đoàn và các công ty/đơn vị thành viên để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao, phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn trong giai đoạn mới;
- ✓ Đảm bảo đúng kỷ luật, nội quy nề nếp và an toàn trong lao động. Tất cả cán bộ nhân viên ĐLGL đều được trang bị đầy đủ công cụ lao động cần thiết, môi trường công tác đảm bảo trong điều kiện tốt nhất.

✓ Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Chi bộ, Công đoàn cơ sở tổ chức tốt công tác thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà cho cán bộ nhân viên và gia đình trong những ngày sinh nhật, cưới hỏi; thăm hỏi những lúc ốm đau, hoạn nạn; kỷ niệm các ngày lễ như: Ngày QTPN 08/3, giỗ tổ Hùng Vương 10/03 ÂL, Ngày chiến thắng 30/4, Quốc tế lao động 01/5, Quốc khánh 2/9, Ngày PNVN 20/10. Tổ chức tặng quà và khen thưởng cho con cán bộ nhân viên có thành tích học tập xuất sắc, tặng quà nhân dịp Ngày QTTN 01/6, tổ chức Trung thu cho con em cán bộ Tập đoàn ...

## Kế hoạch phát triển trong tương lai

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tác động trên nhiều phương diện, vừa là cơ hội nhưng cũng vừa là thách thức đối với chúng ta. Ở trong nước, nền kinh tế còn nhiều tồn tại, yếu kém. Dự địa chính sách tài khóa, tiền tệ ngày càng hạn hẹp. Việc cơ cấu lại nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực trọng yếu đòi hỏi nguồn lực và thời gian thực hiện. Nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia và ứng phó biến đổi khí hậu rất lớn trong khi nguồn lực còn hạn hẹp.

❖ **Mục tiêu, định hướng:** Thực hiện mục tiêu, định hướng chiến lược của Đức Long Gia Lai trong năm 2021 và các năm tiếp theo, là: Tiếp tục tập trung vào các ngành nghề chiến lược: Cơ sở hạ tầng; Năng lượng tái tạo và Sản xuất linh kiện điện tử. Ngoài ra, Tập đoàn duy trì các ngành nghề truyền thống xét thấy có hiệu quả, xem xét để thoái vốn đối với các ngành nghề kém hiệu quả.

✓ **Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2021:**

CHỈ TIÊU	2021
- Doanh thu (tỷ đồng)	2.000
- Lợi nhuận (tỷ đồng)	50

✓ **Các biện pháp triển khai kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2021:**

➤ Đẩy mạnh tiến độ thi công các Dự án: Dự án thủy điện Tân Thượng tại Lâm Đồng với công suất 22 MW, các dự án thủy điện khác trên địa bàn các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên; Dự án khách sạn Đức Long Gia Lai 1,... để góp phần tăng doanh thu của ĐLGL trong năm 2020 và những năm tiếp theo;

➤ Hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án tiềm năng đã được các cơ quan chức năng chấp thuận chủ trương đầu tư: Điện gió IaPech 150 MW, điện gió Ia Boong giai đoạn 2 với công suất 200 MW, dự án điện gió Ia Blur I với công suất 153 MW, dự án điện gió Ia Blur II với công suất 153 MW, dự án điện mặt trời trên mặt nước Ia Mơ với công suất 450 MW, Iablur III công suất 700 MW, Ia Blur IV công suất 800 MW, trạm biến áp 500 kV để giải tỏa công suất đầu nối các dự án tại xã Ia Blur, huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai, dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Papaya Bay Resort tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Dự án BĐS nghỉ dưỡng cao cấp tại thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định, xã Hòa Thắng và Hòa Phú tỉnh Bình Thuận, khu liên hợp giải trí và khách sạn cao cấp 5 sao tại Kon Tum và các dự án khác. Ngoài ra, ĐLGL sẽ tìm kiếm cơ hội đầu tư tại địa bàn các tỉnh, thành phố để phục vụ cho mục tiêu, định hướng chiến lược đã đề ra;

➤ Mở rộng đầu tư các Nhà máy sản xuất điện tử và linh kiện điện tử tại Việt Nam: Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đà Nẵng; đưa vào sản xuất smart tivi phục vụ cho xuất khẩu và tiêu dùng nội địa.

➤ Luôn luôn đẩy mạnh các hoạt động cải tiến, cắt giảm một cách tối đa các lãng phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Giảm tối đa chi phí quản lý bằng việc quản lý chi phí theo định mức nhằm giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh, tăng lợi nhuận;

➤ Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các loại hình kinh doanh dịch vụ song song với công tác nghiên cứu, mở rộng thị trường. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quảng bá các sản phẩm/dịch vụ nhằm khẳng định và đưa hình ảnh ĐLGL ngày càng trở nên thân thuộc với công chúng và khách hàng. Tăng cường quan hệ cổ đông, công tác đối ngoại. Làm tốt công tác công bố thông tin đúng quy định hiện hành;

➤ Chủ động cân đối nguồn vốn hiện có của đơn vị thông qua việc tăng cường công tác quản lý và thu hồi nợ phải thu hiệu quả, giảm thiểu tối đa các khoản nợ xấu, nợ phải thu khó đòi có thể phát sinh.

➤ Quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Nhà nước để nắm bắt kịp thời cơ chế chính sách của Nhà nước đối với hoạt động của doanh nghiệp, các định chế tài chính và khách hàng. Thực hiện tốt nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước.

➤ Trong công tác quản lý, điều hành: Bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chủ trương của HĐQT để tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành của TGD, phát huy vai trò chủ động của các thành viên trong Ban TGD, đồng thời khắc phục những hạn chế, tồn tại.



➤ Khuyến khích CBCNV tham gia đóng góp sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Cải tiến các quy trình sản xuất, tác nghiệp, hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao trách nhiệm, năng suất lao động, hiệu quả trong công việc. Tăng cường công tác đào tạo cho cán bộ quản lý, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân viên, phát triển nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của ĐLGL. Chăm lo và đảm bảo quyền lợi, điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.

## Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020

Như trình bày tại Thuyết minh số 44, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đính kèm đã ghi nhận sự kiện thanh lý khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nông trại Cao nguyên Quảng Phú 1 (Công ty con). Tuy nhiên, theo thỏa thuận tại hợp đồng chuyển nhượng vốn góp, việc chuyển nhượng được xem là hoàn tất khi Công ty mẹ hoàn thành các điều kiện đã thỏa thuận với bên mua. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty mẹ chưa thực hiện đầy đủ các điều kiện này; Theo đó, việc ghi nhận giao dịch thanh lý khoản đầu tư thay vì hợp nhất Công ty con nêu trên là chưa đúng quy định hiện hành.

## Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đã ký thỏa thuận hợp đồng chuyển nhượng vốn góp và khách hàng đã đặt cọc tiền theo hợp đồng, công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý dự án để bàn giao cho đối tác trong thời gian sớm nhất theo các điều khoản đã được ký kết giữa 2 bên.

## Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

❖ **Về an sinh xã hội:** Là doanh nghiệp luôn chủ động, tích cực trong công tác hỗ trợ giảm nghèo, đề cao vai trò, trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng gắn với phát triển kinh doanh. Vì vậy, Tập đoàn xây dựng riêng quỹ phúc lợi để tham gia thường xuyên các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ người nghèo tại nhiều địa phương trong cả nước. Tập đoàn cũng có những đóng góp tích cực, giúp các địa phương trong công tác ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết quả đạt được của ĐLGL đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, biểu dương, khen thưởng bằng nhiều hình thức.

❖ **Về công tác bảo vệ môi trường:** Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh nên ĐLGL đặc biệt quan tâm đến công tác khai thác tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường:

- ✓ ĐLGL đã khai thác có hiệu quả các tài nguyên hiện có. Toàn bộ các Dự án đã và đang đầu tư của ĐLGL đều lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. ĐLGL luôn thực hiện đầy đủ các trách nhiệm về bảo vệ môi trường của một doanh nghiệp, không để xảy ra tình trạng xử phạt vi phạm môi trường.
- ✓ Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, trong lành: Đảm bảo môi trường làm việc xanh, lành mạnh cho người lao động với việc bố trí cây xanh hợp lý trong phòng làm việc, bố trí đủ ánh sáng làm việc và sử dụng các thiết bị an toàn và bảo vệ sức khỏe của người lao động.
- ✓ Tiết kiệm năng lượng: Hạn chế sử dụng các thiết bị tiêu tốn năng lượng, áp dụng các sáng kiến xanh như xanh hóa văn phòng làm việc bằng cách tiết kiệm giấy, tiết kiệm điện, sử dụng các thiết bị điện thông minh cũng như tái sử dụng đồ dùng tại nơi làm.

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội**

Năm 2020, Việt Nam vẫn giữ vững được ổn định vĩ mô, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, các cân đối lớn của nền kinh tế được cải thiện đáng kể. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện; Hiệu quả đầu tư và năng suất lao động được nâng lên rõ rệt. Tăng trưởng kinh tế giảm dần phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, mở rộng tín dụng; từng bước dựa vào ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thị trường tiền tệ, ngoại hối cơ bản ổn định; bảo đảm vốn tín dụng cho nền kinh tế, tập trung cho lĩnh vực sản xuất, nhất là các ngành ưu tiên. Huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển được đẩy mạnh, đầu tư khu vực ngoài nhà nước tăng nhanh và chất lượng, hiệu quả được cải thiện.

Trong bối cảnh của nền kinh tế hiện tại, HĐQT Công ty đã luôn theo sát diễn biến của nền kinh tế và các chính sách của Chính phủ, chủ động dự báo, nhận định tình hình, từ đó đề ra những biện pháp ứng phó kịp thời. Tập đoàn đã kiên định định hướng chiến lược, là: Một mặt, tiếp tục chọn lọc để đầu tư chiều sâu vào một số ngành nghề kinh doanh truyền thống đang hiệu quả; mặt khác, tập trung đầu tư vào những dự án, ngành nghề chiến lược thuộc các lĩnh vực mà Tập đoàn đang có lợi thế.

✓ **Tình hình hoạt động các ngành nghề và kết quả kinh doanh**

Năm 2020, tình hình thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra ở nhiều vùng, ảnh hưởng lớn đến hoạt động các lĩnh vực nông nghiệp và năng lượng của công ty. Ngoài ra, giá bán nông sản xuống thấp đã ảnh hưởng đến vườn chè, cà phê và việc khai thác diện tích cao su đến kỳ cạo mủ. Cùng với đó, sự thắt chặt tài chính của Ngân hàng, công cuộc phòng chống tham nhũng của Đảng và Nhà nước đã đi vào hiệu lực, hiệu quả, dẫn đến các thủ tục quản lý Nhà nước bị chậm trễ, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến trình làm hồ sơ, pháp lý để xây dựng, đầu tư các dự án bất động sản, năng lượng, xây dựng dân dụng và cầu đường, khiến cho nhiều dự án chậm hoàn thành và không được đưa vào khai thác đúng tiến độ. Những nguyên nhân trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh năm 2020 của Công ty. Chính điều này đã làm cho rất nhiều doanh nghiệp lâm vào tình cảnh khó khăn và Tập đoàn Đức Long Gia Lai cũng không phải là ngoại lệ.

Trong bối cảnh đó, HĐQT ĐLGL đã luôn theo sát diễn biến của nền kinh tế và các chính sách của Chính phủ, chủ động dự báo, nhận định tình hình, tận dụng cơ hội tăng trưởng của nền kinh tế, vượt qua thách thức, quyết tâm, quyết liệt trong công tác chỉ đạo điều hành, kiên định với định hướng chiến lược : Một mặt, tiếp tục đầu tư có chiều sâu vào một số ngành nghề truyền thống mang lại hiệu quả; mặt khác, tập trung đầu tư vào những dự án, ngành nghề chiến lược thuộc các lĩnh vực thế mạnh của Tập đoàn.

Nhờ vậy, dù kết quả kinh doanh năm 2020 không đạt như kế hoạch, nhưng đây cũng được xem là thành quả đáng ghi nhận trong công tác chỉ đạo, điều hành của Tập đoàn ĐLGL trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động, cụ thể như sau:

Kết thúc năm tài chính 2020, doanh thu thực hiện đạt 2.039,14 tỷ đồng, đạt 82% kế hoạch, lợi nhuận âm hơn -929,78 tỷ đồng.

Doanh thu chủ yếu thực hiện được trong các lĩnh vực hoạt động: Điện tử và linh kiện điện tử, thu phí đường bộ theo hình thức BOT, xây dựng (tổng thầu các công trình), thủy điện, điện mặt trời và thương mại - dịch vụ. Nhà máy sản xuất điện tử, linh kiện điện tử tại Khu Công nghệ Cao Quận 9, Tp.HCM đã ký nhiều hợp đồng gia công sản phẩm điện tử, linh kiện điện tử xuất khẩu sang Mỹ, EU, góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho lĩnh vực này; các dự án BOT vẫn duy trì hoạt động tạo ra được nguồn doanh thu tăng khá ổn định. Cho đến nay, chất lượng các dự án BOT của Tập đoàn trên tuyến QL14 vẫn được duy trì rất tốt, được Chính phủ, các bộ ban ngành, các tỉnh Tây Nguyên, người tham gia giao thông, người dân đánh giá cao.

✓ **Công tác đầu tư**

Một số công tác đầu tư tiêu biểu của Đức Long Gia Lai trong năm 2020, đó là:

➤ Về lĩnh vực năng lượng tái tạo: Đức Long Gia Lai đang hoàn thiện việc xây dựng nhà máy thủy điện Tân Thượng tại Lâm Đồng với công suất 22MW, tổng mức đầu tư 765 tỷ đồng. Dự án điện gió Ia Boòng tại huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai đã Chính phủ đồng ý đưa vào Quy hoạch điện VII với công suất 200 MW. Một số dự án đã được Bộ Công thương đề xuất Thủ tướng Chính đưa vào Quy hoạch điện VIII: Các dự án thủy điện 230 MW, Điện gió IaPech 150 MW, điện gió Ia Boòng giai đoạn 2 với công suất 200 MW, dự án điện gió Ia Blứ I với công suất 153 MW, dự án điện mặt trời trên mặt nước Ia Mơ với công suất 450 MW, Iablứ III công suất 700 MW, Ia Blứ 4 công suất 800 MW, trạm biến áp 500 kV để giải tỏa công suất đầu nối các dự án tại xã Ia Blứ, huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai.

➤ Về lĩnh vực đầu tư bất động sản, khách sạn - nghỉ dưỡng: Hàng loạt các khách sạn, khu nghỉ dưỡng được khởi động quyết liệt: thi công Khách sạn 04 sao Đức Long Gia Lai; đang lập thủ tục đầu tư Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Papaya Bay Resort tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Dự án BĐS nghỉ dưỡng cao cấp tại thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định, xã Hòa Thắng và Hòa Phú tỉnh Bình Thuận, khu liên hợp giải trí và khách sạn cao cấp 5 sao tại Kon Tum; các dự án khu dân cư tại Pleiku, Gia Lai và thị xã Hoài Nhơn, Bình Định.

➤ Về lĩnh vực linh kiện điện tử: Tiếp tục đầu tư và phát triển sản xuất Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại Khu Công nghệ Cao Quận 9, Tp.HCM. Hoàn thiện thủ tục để đầu tư thêm 02 nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Bình Dương. Tranh thủ tình hình các nhà đầu tư nước ngoài đang có xu hướng dịch chuyển và rút khỏi Trung quốc để đầu tư, mở rộng sản xuất và phát triển tại Việt Nam;

➤ Ngoài ra, năm 2020 Tập đoàn đã được Chính phủ, các bộ, ngành TW và chính quyền các tỉnh, Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư nhiều dự án quan trọng nằm trong chiến lược phát triển của ĐLGGL, thuộc các lĩnh vực đầu tư xây dựng hạ tầng thu phí, khu công nghiệp và năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời) tại các tỉnh, Tp lớn trong nước như TP.HCM, Bà Rịa - Vũng Tàu, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đà Nẵng và các tỉnh Tây Nguyên nói chung, Gia Lai nói riêng.

✓ **Về công tác đối ngoại:**

Trong năm qua, Đức Long Gia Lai đã thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, văn hóa và thể thao. Tập đoàn vinh dự đón rất nhiều đoàn Lãnh đạo Đảng,

Nhà nước đến thăm và làm việc. Rất nhiều đoàn lãnh đạo các bộ ban ngành TW, thành ủy, tỉnh ủy, UBND cùng các sở ban ngành của các tỉnh, TP đến thăm và làm việc tại Hội sở ĐLGL. HĐQT Đức Long Gia Lai cũng đã rất thành công trên lĩnh vực ngoại giao, giữ được mối quan hệ tốt, bền chặt với các đối tác, khách hàng trong nước và quốc tế, các cơ quan chức năng TW và địa phương, các cơ quan thông tấn, báo chí..., đồng thời đã góp phần không nhỏ, giúp các địa phương trong công tác ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết quả đạt được của Đức Long Gia Lai đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, biểu dương, khen thưởng bằng nhiều hình thức. Từ đó, nâng cao vị thế, thương hiệu của ĐLGL trong giai đoạn mới, với một tầm cao mới.

✓ **Về các tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

HĐQT luôn chỉ đạo việc đề cao vai trò công tác bảo vệ môi trường và xã hội trong mọi hoạt động của Công ty, thể hiện bằng các hành động cụ thể. Tổng Giám đốc quán triệt trong cán bộ nhân viên về việc tuân thủ công tác bảo vệ môi trường và thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm. Việc quản lý, tiêu thụ năng lượng và nguồn nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh đã đảm bảo được tính tiết kiệm, hiệu quả. Hơn 50% nguyên vật liệu được đưa vào tái chế, tận dụng để sản xuất các sản phẩm phụ. Các cơ sở sản xuất và trụ sở các công ty, đơn vị thành viên đều xử lý rác thải nội bộ, và hợp đồng với chính quyền địa phương để xử lý rác công cộng. Bên cạnh đó, công ty trồng và chăm sóc cây xanh sạch, đẹp. Ngoài ra, Đức Long Gia Lai đã tham gia tích cực các phong trào do các cơ quan ban ngành, địa phương phát động. Trong năm, Công ty không bị xử phạt về vi phạm việc quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban TGD có những điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ. HĐQT cũng thường xuyên duy trì giám sát Ban TGD thông qua việc kiểm tra, kiểm soát cũng như tổ chức các cuộc họp thường kỳ để nghe báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong quý và các quý tiếp theo, tổ chức các cuộc họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh đột xuất. Công tác giám sát, đánh giá đã giúp Ban TGD điều hành công việc thường xuyên, nhất quán và hiệu quả, tuân thủ điều lệ Tập đoàn nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Nhìn chung, trong quá trình làm việc của Ban TGD và các cán bộ quản lý khác trong Tập đoàn, chưa phát hiện các vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Tập đoàn, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.



❖ **Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Để đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành đem lại hiệu quả cao nhất, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty trong tình hình mới, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 đã miễn nhiệm ông Đoàn Nguyên Tiêu và tiến hành bầu bổ sung thành viên HĐQT mới: Ông Võ Mộng Hùng. HĐQT Công ty có 07 thành viên, gồm các Ông: Bùi Pháp, Trần Cao Châu, Nguyễn Hồng Sơn, Lê Đức Kỳ, Võ Mộng Hùng, ông Jaegyun Kim và ông Paul Anthony Murphy, trong đó số lượng thành viên độc lập HĐQT là 3 người.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức hoạt động đúng Quy chế quản trị, Điều lệ Công ty; theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, luôn đảm bảo sự đồng thuận trong nội bộ, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, liên tục điều chỉnh đối sách phù hợp với tình hình thực tế. HĐQT đã duy trì việc tổ chức họp thường kỳ mỗi quý một lần và hàng chục cuộc họp bất thường, hàng nghìn cuộc điện đàm, trao đổi thông tin qua email và trao đổi trực tiếp giữa Chủ tịch HĐQT với các thành viên HĐQT và Ban điều hành. HĐQT đã ban hành 13 quyết định, nghị quyết và hàng trăm văn bản thông thường khác. Nhìn chung, các cuộc họp của HĐQT đã được tổ chức một cách chu đáo, đúng luật, đạt được sự nhất trí cao. Các văn bản ban hành đúng thể thức, quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của HĐQT đã được Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, đã góp phần quan trọng trong việc quyết định các chính sách, đường lối hoạt động, chiến lược phát triển của Đức Long Gia Lai và giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Việc công bố thông tin theo quy định cũng đã được HĐQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo đúng hạn, chính xác, đầy đủ, công khai, minh bạch

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020, các thành viên HĐQT tự nguyện không nhận thù lao do không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận.

❖ **Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành:**

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc đã phát huy được vai trò trách nhiệm của mình. Tại các phiên họp định kỳ hàng quý của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty đều báo cáo minh bạch hiệu quả sản xuất kinh doanh, các vấn đề phát sinh, đề nghị giải quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trong điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ sự chỉ đạo của HĐQT, thường xuyên tổ chức hội ý hàng ngày, giao ban tuần và sơ kết hàng tháng để



đánh giá kết quả thực hiện và đề ra các giải pháp thực hiện cụ thể. Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các phòng ban thực hiện đúng chức năng tham mưu và thông tin theo quy định, thường xuyên kiểm tra thực tế để nắm bắt thông tin, nhờ đó đã giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai sản xuất kinh doanh và đầu tư một cách hiệu quả.

Hội đồng quản trị đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ, họp bất thường, lãnh đạo, chỉ đạo một cách sát sao, hành động quyết liệt và cụ thể, giao quyền cho Tổng Giám đốc trong việc chủ động triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư; giải quyết kịp thời các công việc phát sinh; đồng thời thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc. Công tác giám sát, đánh giá đã giúp TGD điều hành công việc thường xuyên, nhất quán, tuân thủ Điều lệ Công ty và Nghị quyết HĐQT nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Nhìn chung, trong quá trình tác nghiệp của Ban Tổng Giám đốc, chưa phát hiện các vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Công ty, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

#### ❖ Công tác giám sát đối với các cán bộ quản lý khác:

HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức bộ máy; giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ quản lý thông qua các cuộc họp phân công và các đợt kiểm tra; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành làm thước đo để đánh giá, bổ nhiệm, điều động CBCNV vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Nhìn chung các cán bộ quản lý đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, tận tụy, sự mẫn cán trong công việc và đã tham mưu cho Ban điều hành kịp thời, hiệu quả.

### Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

✓ ĐLGL tập trung chiến lược tái cấu trúc toàn diện trên các mặt trận: Sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính và quản trị nhân sự, dựa trên nguyên tắc cơ bản, giữ vững phương châm: ***“Tu duy hành động - Phát triển bền vững- Đoàn kết sức mạnh - Tôn chỉ pháp luật”***; với mục tiêu: ***“Xây dựng Công ty thành một tập đoàn đầu tư mạnh hàng đầu của Việt Nam cả về vốn hóa, thương hiệu, công nghệ, năng lực quản trị và hiệu quả kinh doanh, khả năng hợp tác và hội nhập thành công trong nước và quốc tế”***.

✓ ĐLGL tiếp tục kiên định với các ngành nghề chiến lược giai đoạn tới với quyết tâm: Đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức BOT, BT, BOO; Đầu tư kinh doanh bất động sản đa sản phẩm; Đầu tư năng lượng (Thủy điện, điện mặt trời, điện gió); Sản xuất điện tử và thiết bị điện tử; Đồng thời đầu tư chuyên sâu một số lĩnh vực, ngành nghề truyền thống

đang đem lại hiệu quả, bao gồm: Sản xuất, kinh doanh và chế biến gỗ, xây dựng kinh doanh bến xe, bãi đỗ xe, vệ sỹ.

❖ **Định hướng phát triển các ngành nghề cụ thể như sau:**

✓ **Về cơ sở hạ tầng:** Cùng với việc quản lý chuyên sâu, duy tu bảo dưỡng, đảm bảo chất lượng tốt cho các dự án Quốc lộ 14 từ Gia Lai đến Bình Phước nhằm ổn định hoạt động thu phí, đồng thời, có giải pháp đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền tăng mức thu phí theo đúng lộ trình đã ký. Song song đó, chúng tôi sẽ tiếp tục đề xuất các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước... Bộ GTVT và Chính phủ để tham gia nâng cấp mở rộng Quốc lộ 14 theo quy hoạch đã được Chính phủ phê duyệt. ĐLGL sẽ tiếp tục tham gia đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng các tuyến đường vùng Đông Nam Bộ theo hình thức BOT. Đặc biệt, hiện nay ĐLGL đã được lựa chọn làm nhà đầu tư một số dự án thực hiện theo hình thức PPP, hợp đồng BT tại Tp. HCM, ngay sau khi có Nghị định mới của Chính phủ về việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư, ĐLGL sẽ đẩy nhanh việc triển khai dự án;

✓ **Về năng lượng:** Ngoài việc đầu tư và duy trì hoạt động ổn định các dự án thủy điện và điện mặt trời đã đưa vào khai thác, trong vòng 5 năm tới, Tập đoàn tập trung đẩy mạnh các dự án năng lượng tái tạo bao gồm điện mặt trời và điện gió. Trong đó, tổng công suất các dự án điện gió dự kiến đạt 850 MW, điện mặt trời vào khoảng 1.950 MW, trong đó 1.500 MW xây dựng trên đất liền, 450MW xây dựng trên lòng hồ và vùng bán ngập của lòng hồ. Một số dự án đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công thương phê duyệt, đưa vào quy hoạch Tổng sơ đồ điện VII. Các dự án khác đã được các tỉnh Tây Nguyên nói chung, Gia Lai nói riêng chấp thuận chủ trương đầu tư, chờ Bộ Công thương trình Chính phủ đưa vào quy hoạch;

✓ **Đối với ngành sản xuất điện tử và linh kiện điện tử:** DLG sẽ tiếp tục đầu tư chuyên sâu, mở rộng thị trường các công ty DLG Ansen tại Đông Quan, Quảng Đông, Trung Quốc, DLG Hanbit tại Seoul, Hàn Quốc, trung tâm điều hành các công ty đặt tại Hồng Kông, đảm bảo cung cấp cho thị trường những sản phẩm với mẫu mã mới, chất lượng vượt trội. Ngoài các công ty này, DLG sẽ mở rộng quy mô ở thị trường Việt Nam. Hiện công ty đã đưa vào vận hành nhà máy sản xuất DLG - Hanbit giai đoạn I tại Khu công nghệ cao, quận 9, Tp.HCM với các đơn đặt hàng cung cấp cho thị trường Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc... Hiện nay, DLG-Hanbit đã hoàn thành đầu tư mở rộng thêm các dây chuyền sản xuất tivi mang thương hiệu Hàn Quốc; bắt đầu sản xuất các sản phẩm ti vi thông minh phục vụ xuất khẩu ra chính thị trường tiềm năng này. Từ năm 2021 trở đi, DLG - Han bit, DLG - Ansen sẽ sản xuất các sản phẩm với 70% xuất khẩu, 30% tiêu thụ trong nước. Bên cạnh đó, ĐLGL sẽ tập trung mở rộng một số nhà máy sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử và điện tử đa sản phẩm tại tỉnh Bình Dương, Tp. Đà Nẵng và Khu công

nghe cao quận 9, Tp.HCM vừa gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho các năm tiếp theo, vừa tránh được ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung.

Ngoài các lĩnh vực chiến lược trên, Tập đoàn DLGL còn tập trung đầu tư có chọn lọc vào các lĩnh vực bất động sản, nông nghiệp và các ngành nghề truyền thống, gồm:

✓ **Về nông nghiệp:** Tiếp tục chăm sóc vườn cây cao su, chăm sóc và tái canh vườn chè Biên hồ hơn 100 năm tuổi, vườn cà phê 30 năm tuổi, thực hiện tái canh các loại cây ăn trái, sản phẩm sạch áp dụng công nghệ cao; thực hiện chuyển mục đích một số diện tích cao su chết và kém phát triển sang đầu tư năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời) phù hợp với tiềm năng nắng và gió của khu vực này;

✓ **Các lĩnh vực, ngành nghề truyền thống:** Bao gồm Chế biến sản phẩm đồ gỗ và Bến xe bãi đỗ, Tập đoàn sẽ đầu tư chuyên sâu, đổi mới trang thiết bị và nhân lực để đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành, giữ được thị trường, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận ổn định;

#### ❖ **Định hướng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư**

Năm 2020, Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ – Trung vẫn tiếp diễn. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Các nền kinh tế chủ chốt đối mặt với nhiều khó khăn và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ.

Trên cơ sở kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư của Đức Long Gia Lai năm 2020, dự báo tình hình kinh tế thế giới và những Chính sách, cơ chế trong nước, nhất là diễn biến của đại dịch Covid-19 trong thời gian đến, HĐQT Đức Long Gia Lai đưa ra các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2021, như sau:

CHỈ TIÊU	2021
- Doanh thu (tỷ đồng)	2.000
- Lợi nhuận (tỷ đồng)	50

#### ❖ **Giải pháp tổ chức thực hiện:**

Để khắc phục các khó khăn trước mắt và thực hiện thành công mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, HĐQT tập trung đẩy mạnh các giải pháp sau:

✓ Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chủ động nâng cao năng lực điều hành, có kế hoạch cụ thể nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

✓ Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát, chú trọng công tác kiểm soát nội bộ, giám sát, hậu kiểm để xử lý kịp thời, với mục đích giúp cho việc quản lý tài chính và sử dụng hiệu quả đồng vốn.

✓ Tiến hành cấu trúc toàn diện công ty, trên tất cả các lĩnh vực từ sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính và quản trị nhân sự.

➤ **Về hoạt động sản xuất kinh doanh:** Hoạt động cấu trúc ngành nghề tập trung cơ cấu lại các ngành nghề chiến lược, đầu tư vào các lĩnh vực Tập đoàn có kinh nghiệm, thế mạnh và đã có kết quả dòng tiền tốt, đã được Chính phủ, các bộ ngành TW, các tỉnh, thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời quyết tâm thoái vốn các ngành nghề đã đầu tư kém hiệu quả.

➤ **Công tác tài chính:** Hoạt động cấu trúc tài chính toàn diện tập trung vào việc thoái vốn, chuyển nhượng các dự án, tài sản đầu tư kém hiệu quả, phát hành trái phiếu doanh nghiệp khi có điều kiện, tiến tới giảm thấp nhất nguồn vốn vay ngân hàng.

➤ **Hoạt động hợp tác đầu tư:** ĐLGL đã mời gọi thành công các đối tác là doanh nghiệp lớn trong nước tham gia đầu tư vào những dự án tiềm năng thuộc các lĩnh vực: Cơ sở hạ tầng, đầu tư khu công nghiệp và Năng lượng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng. Ngoài các doanh nghiệp trong nước, hiện nay ĐLGL đang đàm phán, ký kết hợp tác đầu tư với các Tập đoàn, quỹ đầu tư từ các quốc gia Hàn Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, ... . Hoạt động hợp tác đầu tư này nhằm gia tăng liên minh đầu tư và huy động được nguồn vốn lãi suất thấp, bổ sung kinh nghiệm quản trị và điều hành doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.

➤ **Hoạt động cấu trúc nhân sự**

\* **Thực hiện tinh gọn biên chế**, điều chuyển, bổ sung và thay thế nhân sự cấp cao tại công ty mẹ và lãnh đạo các công ty thành viên theo hướng “Quân tinh - Tướng giỏi” với tinh thần tự duy hành động: " Dám nhận - Dám nói- Dám làm- Dám chịu trách nhiệm - Không né tránh - Không đùn đẩy - Không vô trách nhiệm". Thực hiện chính sách " Chiêu hiền đãi sỹ", nâng cao năng lực, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ nhân viên chủ chốt, nhất là đội ngũ CBNV đã có hơn 15 năm kinh nghiệm, gắn bó với ĐLGL, kết hợp với việc trẻ hóa nguồn nhân lực có chất lượng. Đào tạo đội ngũ CBNV để đảm nhận tốt nhiệm vụ hiện tại và lâu dài.

\* **Kiên toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ**, chú trọng công tác kiểm soát, giám sát, hậu kiểm để xử lý kịp thời, với mục đích giúp cho việc quản lý tài chính và sử dụng đồng vốn có hiệu quả;

\* **Đổi mới toàn diện công tác quản trị doanh nghiệp** theo hướng chuyên nghiệp, tiên tiến, hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Ứng dụng công nghệ 4.0, áp dụng kinh doanh số và quản trị số nhằm tiết kiệm thời gian, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, chất lượng, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành.

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

### Hội đồng quản trị

❖ **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần nắm giữ		Số lượng chức danh TV HĐQT do từng TV HĐQT của công ty nắm giữ tại các công ty khác
			Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	
1.	<b>Bùi Pháp</b>	Chủ tịch HĐQT	74.226.523	24,8%	- Chủ tịch HĐQT tại 05 công ty khác. - Chủ tịch HĐQT tại 02 công ty khác.
2.	<b>Trần Cao Châu</b>	TV HĐQT - Tổng Giám đốc	525.000	0,18%	-
3.	<b>Nguyễn Hồng Sơn</b>	TV độc lập HĐQT	0	0%	Thành viên HĐQT tại 01 công ty khác.
4.	<b>Võ Mộng Hùng</b>	TV độc lập HĐQT	0	0%	-



STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần nắm giữ		Số lượng chức danh TV HĐQT do từng TV HĐQT của công ty nắm giữ tại các công ty khác
			Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	
5.	Lê Đức Kỳ	TV độc lập HĐQT	830.000	0,28%	-
6.	Paul Anthony Murphy	TV HĐQT	0	0%	-
7.	Jaegyun Kim (đã có đơn xin từ nhiệm từ ngày 29/01/2021)	TV HĐQT	0	0%	-



### Ông Bùi Pháp

*Năm sinh: 1962*

*Trình độ: Chuyên viên kinh tế*

*Quá trình công tác:*

✓ 1995-12/06/2007: Giám đốc Xí Nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai

✓ 13/06/2007-16/01/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

✓ 17/01/2010 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai





## Ông Trần Cao Châu

*Năm sinh: 1971*

*Trình độ: Cử nhân quản trị kinh doanh, trung cấp kế toán*

*Quá trình công tác:*

- ✓ *1992 – 1997:* Phó bí thư đoàn phường Yên Đỗ, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- ✓ *1997 – 2001:* Phó ban công tác thanh niên thành phố Pleiku tại Thành Đoàn Pleiku;
- ✓ *2001 – 2002:* Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Vinh Quang I TP HCM – CN Gia Lai;
- ✓ *2002 – 2006:* Kế toán trưởng Công ty TNHH Vinh Quang I TP HCM – CN Gia Lai;
- ✓ *2006 – 2013:* Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư và kinh doanh các dự án tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên, kiêm Giám đốc chi nhánh Gia Lai tại Công ty TNHH Vinh Quang I – TP.Hồ Chí Minh;
- ✓ *2013 – 2016:* Kinh doanh tư nhân;
- ✓ *4/2016 – 4/2018:* Chủ tịch HĐQT CTCP đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai;
- ✓ *2016 – 5/2017:* Trưởng Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ *5/2017 – 3/2018:* Thành viên Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ *4/2018 – 02/9/2019:* Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ *6/2019 – nay:* Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ *03/9/2019 – nay:* Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

## Ông Nguyễn Hồng Sơn

*Năm sinh: 1965*

*Trình độ: Cử nhân kinh tế*

*Quá trình công tác:*

✓ *Từ 1989 đến 1997:* Công tác tại CA tỉnh Thừa Thiên Huế

✓ *Từ 1997 đến 2018:* Chuyển ngành qua làm kinh tế tại Đà Nẵng

✓ *Từ 1997 đến nay:* Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty CP Thạch Bàn Miền Trung, điều hành kinh doanh gạch Thạch Bàn của 17 tỉnh Miền Trung – Tây Nguyên.

✓ *Từ 6/2019 đến nay:* Thành viên độc lập HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



## Ông Võ Mộng Hùng

*Năm sinh: 1974*

*Trình độ: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Trung cấp Giao thông vận tải.*

*Quá trình công tác:*

✓ *Từ năm 2008 đến hết 2009:* Phó Giám đốc CTCP đầu tư phát triển dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

✓ *Từ 2010 đến nay:* Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc

✓ *Từ 6/2020 đến nay:* Thành viên độc lập HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai





### Ông Lê Đức Kỳ

*Năm sinh: 1959*

*Trình độ: Thạc sỹ Luật*

*Quá trình công tác:*

✓ *Từ 1977 – 2014:* Lực lượng vũ trang công an nhân dân

✓ *Từ 2014 – 6/2019:* Nghỉ hưu theo chế độ

✓ *Từ 6/2019 đến nay:* Thành viên độc lập HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai



### Ông Paul Anthony Murphy

*Năm sinh: 1957*

*Quá trình công tác:*

✓ *1991 – 2001:* Tổng Giám Đốc Điều Hành tại Công Ty TNHH Viễn Thông Vtech

✓ *2001 – 2004:* Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Elite

✓ *2004 – 2006:* Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Quốc tế IDT

✓ *2007 – 2008:* Tổng Giám Đốc Điều Hành tại Công Ty TNHH Điện Tử iXone

✓ *2008 – 2011:* Phó Tổng tại Công ty TNHH Flextronics

✓ *2011 - 2014:* Giám Đốc Điều Hành tại Công ty điện tử Ansen

✓ *2016 - nay:* Tổng Giám Đốc Điều Hành tại công ty TNHH Đầu tư Ansen

✓ *6/2018 – nay:* Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.



**Ông Jaegyun Kim (đã có đơn xin từ nhiệm từ ngày 29/01/2021)**

*Năm sinh: 1963*

*Quá trình công tác:*

- ✓ *04/1997 - 05/2000:* Tổng Giám đốc Nhóm hoạt động tài khoản riêng của Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ SK
  - ✓ *02/2003 - 07/2005:* Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Saehan IT
  - ✓ *04/2010 - 03/2014:* Giám đốc điều hành tại Công ty TNHH Điện Tử Sejin
  - ✓ *04/2011 - 11/2014:* Giám đốc điều hành và Chủ tịch tại Công ty Điện tử Hanbit (công ty con của Sejin Electron)
  - ✓ *07/2012 - 01/2014:* Giám đốc điều hành và Phó Chủ Tịch cấp cao tại Công ty TNHH Mercury Asset Plus (công ty con của Sejin Electron)
  - ✓ *07/2016 – nay:* Tổng Giám Đốc Điều Hành tại công ty điện tử DLG Hanbit
  - ✓ Làm việc với tư cách là chuyên gia của nhiều vị trí trong lĩnh vực Đầu tư, Tài chính và Điện tử hơn 27 năm.
  - ✓ *6/2018 – 28/01/2021:* Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ❖ ***Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:*** Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu. Cụ thể:
- ✓ Chánh văn phòng kiêm Người phụ trách quản trị Công ty.
  - ✓ Ông Lê Đức Kỳ - Thành viên độc lập HĐQT phụ trách công tác tổ chức nhân sự, thi đua, khen thưởng lao động tuân thủ theo quy định pháp luật và điều lệ công ty. Hỗ trợ, giúp cho Ban lãnh đạo Công ty thực hiện công tác đối ngoại, quan hệ với địa phương và Trung ương ở nước ngoài.
  - ✓ Ông Nguyễn Hồng Sơn - Thành viên độc lập HĐQT phụ trách công tác nhân sự chiến lược, Công tác đối ngoại với các cơ quan ban ngành Trung ương và Địa phương, Công tác truyền thông, phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp và quan hệ cộng đồng, kết nối các nguồn lực bên trong và ngoài doanh nghiệp để xúc tiến đầu tư phát triển Tập đoàn.

✓ Ông Võ Mộng Hùng - Thành viên độc lập HĐQT phụ trách công tác theo dõi hoạt động của các công ty/đơn vị thành viên thuộc Công ty và các công ty đầu tư/liên kết;

✓ Ban kiểm soát nội bộ thực hiện công tác kiểm soát dòng tiền và nghiệp vụ. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều hành. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận các năm của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

❖ **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

**Tổng hợp các cuộc họp trong năm 2020**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày tái bổ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bùi Pháp	Chủ tịch	14/04/2012	29/04/2017	-	13/13	100%	-
2	Trần Cao Châu	Thành viên	29/6/2019	-	-	13/13	100%	-
3	Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	29/6/2019	-	-	13/13	100%	-
4	Lê Đức Kỳ	Thành viên	29/6/2019	-	-	13/13	100%	-
5	Paul Anthony Murphy	Thành viên	23/6/2018	-	-	4/13	30,1%	Lý do bất khả kháng: do tình hình dịch bệnh COVID-19 nên không thể tham dự cuộc họp, ủy quyền cho HĐQT thường trực.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày tái bổ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
6	Đoàn Nguyên Tiêu	Thành viên	27/11/2014	29/04/2017	20/6/2020	06/13	46%	Miễn nhiệm TV HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2020 ngày 20/6/2020
7	Võ Mộng Hùng	Thành viên	20/6/2020	-	-	7/13	54%	Bổ nhiệm TV HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2020 ngày 20/6/2020
8	Jaegyun Kim	Thành viên	23/6/2018	-	29/01/2021	3/13	23%	- Lý do bất khả kháng: do tình hình dịch bệnh COVID-19 nên không thể tham dự cuộc họp, ủy quyền cho HĐQT thường trực. - Đã có đơn xin từ nhiệm từ ngày 29/01/2021



Vì lý do bất khả kháng bởi ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên hai thành viên Hội đồng quản trị là ông Jaegyun Kim hiện đang cư trú tại Hàn Quốc và ông Paul Anthony Murphy hiện đang cư trú tại Hồng Kông không thể về tham dự trực tiếp các cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức trong năm 2020, mà tham gia cuộc họp qua hình thức trực tuyến. Các thành viên Hội đồng quản trị vẫn thường xuyên liên lạc trao đổi thông tin, các vấn đề quan trọng trong việc điều hành, hoạt động kinh doanh của Công ty qua email, điện thoại, ...

### Tổng kết tình hình ban hành các Quyết định HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT- ĐLGL	05/02/2020	Về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan
2	02/QĐ-ĐLGL	17/02/2020	Về việc tổ phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus corona tại CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
3	03/QĐ-HĐQT- ĐLGL	26/3/2020	Về việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
4	04/QĐ-HĐQT- ĐLGL	29/4/2020	Về việc đánh giá tình hình thực hiện SXKD của Công ty quý 1 năm 2020 và thảo luận phương hướng hoạt động SXKD năm 2020
5	05/QĐ-HĐQT- ĐLGL	05/5/2020	Bàn về các nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
6	07/QĐ-HĐQT- ĐLGL	10/6/2020	Về việc thông qua các hồ sơ trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
7	08/QĐ-HĐQT- ĐLGL	01/07/2020	Về việc phân công nhiệm vụ TV HĐQT, kiện toàn Hội đồng thường trực của HĐQT
8	09/QĐ-HĐQT- ĐLGL	14/7/2020	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC trong năm 2020
9	09B/QĐ-HĐQT- ĐLGL	23/7/2020	Về việc đánh giá tình hình hoạt động SXKD quý 2 năm 2020 và triển khai kế hoạch các tháng cuối năm 2020

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
10	29/QĐ-HĐQT- ĐLGL	19/8/2020	Về việc mua lại cổ phần CTCP Đầu tư và Phát triển Điện năng ĐLGL
11	10/QĐ-HĐQT- ĐLGL	24/9/2020	Về việc góp vốn vào Công ty TNHH MTV Nông Trại Cao Nguyên Quảng Phú 1
12	10B/QĐ-HĐQT- ĐLGL	21/12/2020	Về việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV và năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021
13	11/QĐ-HĐQT- ĐLGL	31/12/2020	Về việc cấu trúc lại khoản đầu tư vốn góp của Công ty tại các công ty con

❖ **Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.**

Các thành viên độc lập HĐQT đã phát huy tốt vai trò của mình trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Điều lệ của Công ty và Luật Doanh nghiệp; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, hoạt động tích cực vì quyền lợi của chủ sở hữu và các cổ đông. Cụ thể:

Ông Lê Đức Kỳ - Thành viên độc lập HĐQT phụ trách công tác tổ chức nhân sự, thi đua, khen thưởng lao động tuân thủ theo quy định pháp luật và điều lệ công ty. Hỗ trợ, giúp cho Ban lãnh đạo Công ty thực hiện công tác đối ngoại, quan hệ với địa phương và Trung ương ở nước ngoài.

Ông Nguyễn Hồng Sơn - Thành viên độc lập HĐQT phụ trách công tác nhân sự chiến lược, Công tác đối ngoại với các cơ quan ban ngành Trung ương và Địa phương, Công tác truyền thông, phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp và quan hệ cộng đồng, kết nối các nguồn lực bên trong và ngoài doanh nghiệp để xúc tiến đầu tư phát triển Tập đoàn.

Ông Võ Mộng Hùng - Thành viên độc lập HĐQT phụ trách công tác theo dõi hoạt động của các công ty/đơn vị thành viên thuộc Công ty và các công ty đầu tư/liên kết;

## Ban Kiểm soát

❖ Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

S T T	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên BKS	Ngày tái bổ nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2022	Số buổi họp BKS tham dự	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
1.	Phan Thị Ngọc Anh	Trưởng BKS	24/4/2015	29/04/2017	04/04	0	0	-
2.	Đặng Thị Hà	Thành viên BKS	23/6/2018	-	04/04	0	0	-
3.	Võ Sỹ Việt	Thành viên BKS	29/4/2017	-	01/04	0	0	Miễn nhiệm TV BKS theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2 020 ngày 20/6/2020
4.	Trần Đình Anh Dũng	Thành viên BKS	20/6/2020	-	03/04	0	0	Bổ nhiệm TV BKS theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2 020 ngày 20/6/2020

❖ **Hoạt động của Ban kiểm soát:**

STT	Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Họp đánh giá tình hình hoạt động quý 1, và kế hoạch nhiệm vụ các quý tiếp theo	28/03/2020	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ quý 1 và kế hoạch nhiệm vụ các quý tiếp theo năm 2020.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%
2	Họp 6 tháng đầu năm 2020	05/06/2020	Đánh giá kết quả thực hiện kiểm soát 6 tháng đầu năm, xây dựng kế hoạch công việc 6 tháng cuối năm 2020.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%
3	Phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban kiểm soát	27/6/2020	Tại ĐHĐCĐ thường niên 2020 bầu bổ sung TV BKS, BKS tiến hành họp để phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong ban.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%
4	Họp 6 tháng cuối năm 2020	31/12/2020	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm, tổng kết năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ của năm 2021.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%

Ngoài ra BKS đã tham gia góp ý, chất vấn các nội dung nêu ra trong các cuộc họp của HĐQT.

Đối với cổ đông: BKS không nhận được đơn thư khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Tập đoàn, sự điều hành của HĐQT và Ban TGD.

Trong quá trình hoạt động, BKS nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của HĐQT, Ban TGD cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ khác để BKS thực hiện nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao được tốt hơn.

- ✓ Thẩm định báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2020 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Tập đoàn.
- ✓ Kiểm tra tình hình hoạt động SXKD của công ty mẹ và các công ty thành viên.

- ✓ Kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD hàng năm. Tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- ✓ Theo dõi, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ sở hạ tầng, linh kiện điện tử, Năng lượng, Thủy điện, Nông Nghiệp, dịch vụ bến xe, bãi đỗ, nhà hàng khách sạn, khu nghỉ dưỡng, dịch vụ bảo vệ và các hoạt động khác.
- ✓ Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD hàng năm. Tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông

### **Đánh giá của Ban kiểm soát**

#### **❖ Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty**

- ✓ Hoạt động của HĐQT trong năm 2020 là phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Tập đoàn, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật.
- ✓ HĐQT đã xây dựng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế nói chung và năng lực của Tập đoàn trong giai đoạn hiện nay.
- ✓ HĐQT luôn duy trì các kỳ họp định kỳ và đột xuất. Trong năm 2020, HĐQT đã thường xuyên tổ chức cuộc họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo việc triển khai các nhiệm vụ quan trọng.
- ✓ Ban TGD chỉ đạo điều hành Tập đoàn theo đúng điều lệ, nghị quyết của HĐQT, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Đến tại thời điểm này, BKS chưa phát hiện dấu hiệu nào bất thường trong mọi hoạt động Tài chính của Tập đoàn.
- ✓ Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép, tổng hợp và phản ánh số liệu. Các chỉ số tài chính chủ yếu của Tập đoàn luôn ở trạng thái tích cực, sử dụng có hiệu quả các công cụ tài chính, tạo sự ổn định về nguồn vốn và giảm thiểu được chi phí sử dụng vốn. Công tác huy động vốn đạt được kết quả rất tốt, được các nhà đầu tư, tổ chức tín dụng trong nước, quốc tế đánh giá cao và tin tưởng vào việc quản lý cũng như kế hoạch và chiến lược kinh doanh của Đức Long Gia Lai trong năm qua.

❖ **Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban TGD và các Cổ đông**

✓ Tính đến thời điểm 31/12/2020, Ban TGD có 04 người (01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc). Trong năm 2020, Ban TGD và các cán bộ quản lý chủ chốt đã không ngừng cố gắng, nỗ lực trong công tác quản lý và điều hành để duy trì ổn định Tập đoàn, đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban TGD được thực hiện theo đúng nghị quyết của Đại Hội cổ đông. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

✓ HĐQT và Ban TGD đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS tiến hành hoạt động kiểm tra, thẩm định các báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và kế hoạch thực hiện năm 2021; báo cáo nội dung tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng năm của các Công ty thành viên năm 2020 theo đúng quy định.

✓ BKS luôn nhận được đầy đủ các thông tin và các quyết định của HĐQT, Ban TGD. Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban TGD, BKS chặt chẽ và nghiêm túc nhằm thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

✓ ***Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:***

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, đã thông qua kế hoạch lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích của HĐQT và BKS năm 2020. Cụ thể như sau:

***Mức thù lao và chi phí của thành viên Hội đồng quản trị:***

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 15.000.000 đồng/tháng;
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị : 10.000.000 đồng/tháng;
- Các thành viên Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/tháng/người.

Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.



**Mức thù lao của thành viên Ban Kiểm soát:**

- Trưởng Ban Kiểm soát : 10.000.000 đồng/tháng;
- Các thành viên Ban Kiểm soát : 6.000.000 đồng/tháng/người.

Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.

**Ngoài khoản thù lao cố định như trên, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát sẽ được thưởng:**

- 2% (hai phần trăm) tính trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm;
- 5% (năm phần trăm) tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch

**Trong năm 2020, lương của Ban Tổng giám đốc là 753,6 triệu đồng.**

- ❖ **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có
- ❖ **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Quy chế quản trị Công ty đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty. Đồng thời, Tập đoàn cũng xây dựng quy trình quản lý, giám sát, thực hiện công việc để tăng hiệu quả. HĐQT, Ban TGD cùng theo đuổi mục tiêu vì lợi ích của Tập đoàn và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện cho việc giám sát hoạt động một cách hiệu quả, sử dụng các nguồn lực tốt nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

# Ý KIẾN KIỂM TOÁN



Số: 650/2021/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 09/04/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) đính kèm từ trang 7 đến trang 62, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 44, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đính kèm đã ghi nhận sự kiện thanh lý khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nông trại Cao nguyên Quảng Phú 1 (Công ty con). Tuy nhiên, theo thỏa thuận tại hợp đồng chuyển nhượng vốn góp, việc chuyển nhượng được xem là hoàn tất khi Công ty mẹ hoàn thành các điều kiện đã thỏa thuận với bên mua. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty mẹ chưa thực hiện đầy đủ các điều kiện này; Theo đó, việc ghi nhận giao dịch thanh lý khoản đầu tư thay vì hợp nhất Công ty con nêu trên là chưa đúng quy định hiện hành.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Các vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 9, tại ngày 31/12/2020, Tập đoàn đã cho một số tổ chức, cá nhân vay 2.365.197.305.637 đồng (tương đương 28,74% tổng giá trị tài sản). Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.
2. Như trình bày tại Thuyết minh số 42, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2020, Tập đoàn chưa thanh toán hầu hết các khoản đi vay đã quá hạn trả cho các ngân hàng và trái chủ; tổng nợ phải trả ngắn hạn đã vượt giá trị tài sản ngắn hạn. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Theo đó, khả năng hoạt động của Tập đoàn phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc kết quả thỏa thuận với các chủ nợ về việc gia hạn/cơ cấu lại nợ gốc, nợ lãi, giảm lãi,... để đảm bảo cho Tập đoàn có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



  
Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1  
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 04 năm 2021

  
Đỗ Thị Phượng Thủy – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2019-010-1



*Phụ lục đính kèm*

Toàn văn Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán được công bố thông tin trên địa chỉ website công ty: <http://duclonggroup.com/bao-cao-tai-chinh.html>

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN CAO CHÂU**

**PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM**  
***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***  
***NĂM 2020 ĐÃ KIỂM TOÁN***





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

## MỤC LỤC

## Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán	5 - 6
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 62



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900415863 ngày 13/06/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 32 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/09/2019. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 114/QĐ-SGDHCM ngày 14/06/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DLG. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 22/06/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 2.993.097.200.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2020: 2.993.097.200.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0269.3748367
- Fax: (84) 0269.3747366
- Email: [duclong@duclonggroup.com](mailto:duclong@duclonggroup.com)
- Website: [www.duclonggroup.com](http://www.duclonggroup.com)

### Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác);
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT));
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác;
- Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Casting và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Chế biến khoáng sản);
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Chi tiết: Gia công cao su mù cốm);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mù cốm; Mua bán phân bón; Bán buôn nhựa đường, bê tông nhựa đường, bê tông xi măng);
- Sản xuất săm, lốp cao su; lắp và tái chế lốp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị dụng cụ cầm tay; Mua bán hàng gốm sứ, thủy tinh, sơn kính và chất dẻo phủ công nghiệp; Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư);
- Hoạt động quản lý quỹ (Chi tiết: Quản lý quỹ chung);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở chính);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm);
- Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: Sản xuất, gia công linh kiện điện tử);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mù cao su); Bán buôn trâu, bò);
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng cây cà phê;
- Trồng cây chè;
- Trồng cây hồ tiêu;

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu chè, cà phê.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 91 người. Trong đó cán bộ quản lý 9 người.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                           |            |  |
|---------------------------|------------|--|
| • Ông Bùi Pháp            | Chủ tịch   | Bổ nhiệm lại ngày 02/05/2017                               |
| • Ông Jaegyun Kim         | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/06/2018<br>Miễn nhiệm ngày 29/01/2021     |
| • Ông Paul Anthony Murphy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/06/2018                                   |
| • Ông Trần Cao Châu       | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29/06/2019                                   |
| • Ông Nguyễn Hồng Sơn     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29/06/2019                                   |
| • Ông Lê Đức Kỳ           | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29/06/2019                                   |
| • Ông Võ Mộng Hùng        | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 20/06/2020                                   |
| • Ông Đoàn Nguyên Tiêu    | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 29/04/2017<br>Miễn nhiệm ngày 20/06/2020 |

### Ban Kiểm soát

- |                          |            |  |
|--------------------------|------------|--|
| • Bà Phan Thị Ngọc Anh   | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 03/05/2017                               |
| • Bà Đặng Thị Hà         | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/06/2018                               |
| • Ông Trần Đình Anh Dũng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 20/06/2020                               |
| • Ông Võ Sỹ Việt         | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29/04/2017<br>Miễn nhiệm ngày 20/06/2020 |

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                       |  |                          |
|-----------------------|--|--------------------------|
| • Ông Trần Cao Châu   | Tổng Giám đốc                                | Bổ nhiệm ngày 03/09/2019 |
| • Ông Phạm Minh Việt  | Phó Tổng Giám đốc                            | Bổ nhiệm ngày 01/10/2010 |
| • Ông Trần Văn Phương | Phó Tổng Giám đốc                            | Bổ nhiệm ngày 24/06/2017 |
| • Bà Vũ Thị Hải       | Phó Tổng Giám đốc                            | Bổ nhiệm ngày 01/04/2018 |
| • Ông Đỗ Thành Nhân   | Trưởng phòng TC-KT<br>kiêm Phụ trách kế toán | Bổ nhiệm ngày 03/09/2019 |



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Trần Cao Châu**

Gia Lai, ngày 10 tháng 04 năm 2021



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01-DN/HN  
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.611.417.732.983</b>	<b>3.591.295.956.624</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>138.061.045.269</b>	<b>168.009.328.834</b>
1. Tiền	111		138.061.045.269	168.009.328.834
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>245.807.632.154</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	264.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(18.192.367.846)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.054.304.502.874</b>	<b>2.756.401.623.113</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	813.423.192.266	678.272.990.166
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	106.792.336.603	238.327.150.536
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9.a	920.227.151.298	1.177.290.727.548
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	645.717.002.529	790.141.646.025
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(431.855.179.822)	(127.630.891.162)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>402.721.006.566</b>	<b>405.275.429.014</b>
1. Hàng tồn kho	141		435.443.161.214	451.617.224.037
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(32.722.154.648)	(46.341.795.023)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.331.178.274</b>	<b>15.801.943.509</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	877.808.421	497.158.340
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.039.091.874	14.246.419.739
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22	414.277.979	1.058.365.430
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.619.151.013.397</b>	<b>5.023.216.685.631</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.446.264.757.439</b>	<b>1.226.406.018.610</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9.b	1.444.970.154.339	1.221.645.803.782
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	1.294.603.100	4.760.214.828
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.222.476.467.722</b>	<b>2.934.181.122.492</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	3.142.992.358.473	2.856.437.349.104
- Nguyên giá	222		4.814.510.129.936	4.344.817.644.958
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.671.517.771.463)	(1.488.380.295.854)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	79.484.109.249	77.743.773.388
- Nguyên giá	228		261.658.273.753	238.699.426.287
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(182.174.164.504)	(160.955.652.899)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>16</b>	<b>32.812.367.602</b>	<b>101.417.377.383</b>
- Nguyên giá	231		56.149.693.891	122.870.111.864
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(23.337.326.289)	(21.452.734.481)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>485.862.256.004</b>	<b>489.578.915.079</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	17	68.009.956.456	60.347.972.173
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	18	417.852.299.548	429.230.942.906
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.282.691.484</b>	<b>7.176.651.058</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.a	7.282.691.484	7.176.651.058
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	480.000.000	480.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6.b	(480.000.000)	(480.000.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>424.452.473.146</b>	<b>264.456.601.009</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	78.295.758.401	48.996.940.885
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		18.245.496.649	18.701.022.282
3. Lợi thế thương mại	269	19	327.911.218.096	196.758.637.842
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>8.230.568.746.380</b>	<b>8.614.512.642.255</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.724.013.746.037</b>	<b>5.184.458.925.665</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.033.674.457.998</b>	<b>2.761.363.101.170</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	510.831.470.239	505.795.414.901
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	140.233.087.163	129.582.383.468
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	85.960.420.675	111.952.512.916
4. Phải trả người lao động	314		43.485.934.801	66.378.394.560
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23.a	413.261.827.977	252.465.215.344
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	24	64.727.273	177.727.274
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	25.a	455.836.724.637	356.414.286.616
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26.a	1.380.260.781.992	1.334.846.482.850
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.739.483.241	3.750.683.241
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.690.339.288.039</b>	<b>2.423.095.824.495</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	23.b	13.366.626.818	1.762.792.456
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		513.636.364	-
3. Phải trả dài hạn khác	337	25.b	510.960.376	368.804.178
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26.b	2.586.779.223.774	2.386.513.327.318
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	27	89.168.840.707	34.450.900.543
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.506.555.000.343</b>	<b>3.430.053.716.590</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.506.024.760.468</b>	<b>3.429.623.057.129</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	28	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	28	50.510.908.328	50.510.908.328
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	28	11.476.301.383	9.217.947.940
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	28	6.196.436.959	6.196.436.959
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	28	(865.906.565.649)	40.694.978.917
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		40.694.978.917	42.003.230.080
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(906.601.544.566)	(1.308.251.163)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		310.650.479.447	329.905.584.985
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>530.239.875</b>	<b>430.659.461</b>
1. Nguồn kinh phí	431		530.239.875	430.659.461
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>8.230.568.746.380</b>	<b>8.614.512.642.255</b>

Tổng Giám đốc

Phụ trách kế toán

Người lập biểu

Trần Cao Châu

Đỗ Thành Nhân

Nguyễn Khoa Diệu Thư

Gia Lai, ngày 09 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02-DN/HN  
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	2.039.143.865.644	2.873.271.991.767
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	4.652.362.980	9.479.336
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		2.034.491.502.664	2.873.262.512.431
4. Giá vốn hàng bán	11	32	1.670.179.377.659	2.343.579.868.737
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		<b>364.312.125.005</b>	<b>529.682.643.694</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	173.239.167.233	263.274.164.446
7. Chi phí tài chính	22	34	823.693.957.827	386.793.741.442
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		437.866.794.003	363.394.196.877
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty l.doanh, l.kết	24		106.040.426	156.825.830
9. Chi phí bán hàng	25	35.a	19.145.494.655	25.851.029.513
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35.b	523.623.653.522	298.670.523.538
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>(828.805.773.340)</b>	<b>81.798.339.477</b>
12. Thu nhập khác	31	36	15.558.698.148	2.203.700.583
13. Chi phí khác	32	37	48.015.451.614	45.582.460.085
14. Lợi nhuận khác	40		<b>(32.456.753.466)</b>	<b>(43.378.759.502)</b>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>(861.262.526.806)</b>	<b>38.419.579.975</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		13.647.349.906	28.448.244.090
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		54.867.646.714	17.429.936.776
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>(929.777.523.426)</b>	<b>(7.458.600.891)</b>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(906.601.509.499)	(1.308.251.543)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(23.176.013.927)	(6.150.349.348)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	(3.029)	(4)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	38	(3.029)	(4)

Tổng Giám đốc

Phụ trách kế toán

Người lập biểu



Trần Cao Châu

Đỗ Thành Nhân

Nguyễn Khoa Diệu Thư

Gia Lai, ngày 09 tháng 04 năm 2021



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03-DN/HN  
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(861.262.526.806)	38.419.579.975
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	15,16,17,20	211.964.618.666	192.665.471.838
- Các khoản dự phòng	03		304.203.186.932	134.314.264.162
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	37	6.070.642.221	5.043.360.154
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	36,37,39	225.078.000.487	(258.878.348.983)
- Chi phí lãi vay	06	37	437.866.794.003	363.394.196.877
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		323.920.715.503	474.958.524.023
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		230.319.555.877	(175.751.035.720)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.174.062.823	158.040.944.050
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		(7.771.901.241)	53.891.357.949
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(29.679.467.597)	4.681.251.633
- Tiền lãi vay đã trả	14	24,26,37	(180.220.614.922)	(176.484.638.951)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	23	(38.396.048.567)	(1.509.636.325)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		657.600.000	598.606.183
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(11.200.000)	570.448.049
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>314.992.701.876</b>	<b>338.995.820.891</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(66.364.097.878)	(144.602.157.198)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		78.354.767.994	35.556.784.738
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.462.663.475.048)	(1.540.738.424.437)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		1.333.175.800.741	838.412.166.037
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(235.700.000.000)	(109.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		17.000.000.000	431.146.408.621
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11,36	121.792.204.258	129.721.238.964
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(214.404.799.933)</b>	<b>(250.612.983.275)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		218.113.168.799	510.542.835.519
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(350.292.008.440)	(500.485.347.259)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(132.178.839.641)</b>	<b>10.057.488.260</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(31.590.937.698)</b>	<b>98.440.325.876</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	168.009.328.834	79.631.825.874
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		1.642.654.133	(10.062.822.916)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>138.061.045.269</b>	<b>168.009.328.834</b>



Tổng Giám đốc

Trần Cao Châu

Gia Lai, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Phụ trách kế toán

Đỗ Thành Nhân

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Diệu Thư



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **1. Đặc điểm hoạt động**

#### **1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900415863 ngày 13/06/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 32 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/09/2019. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 114/QĐ-SGDHCM ngày 14/06/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DLG. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 22/06/2010.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:** Sản xuất thành phẩm từ gỗ, sản xuất sản phẩm nông nghiệp (bắp, đậu nành, cà phê, chè...), khai thác đá, kinh doanh thương mại, hoạt động xây lắp và kinh doanh dịch vụ (cho thuê tài sản, khách sạn, ...), sản xuất hàng điện tử gia dụng.

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác);
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT));
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);
- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác;
- Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cát tạo đá và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chè, cát đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Chế biến khoáng sản);
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Chi tiết: Gia công cao su mũ cốp);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mũ cốp; Mua bán phân bón; Bán buôn nhựa đường, bê tông nhựa đường, bê tông xi măng);
- Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị dụng cụ cầm tay; Mua bán hàng gốm sứ, thủy tinh, sơn kính và chất dẻo phủ công nghiệp; Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư);
- Hoạt động quản lý quỹ (Chi tiết: Quản lý quỹ chung);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở chính);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm);
- Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: Sản xuất, gia công linh kiện điện tử);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mù cao su); Bán buôn trâu, bò);
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng cây cà phê;
- Trồng cây chè;
- Trồng cây hồ tiêu;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu chè, cà phê.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **1.4. Cấu trúc tập đoàn**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm Công ty mẹ và 10 Công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”).

Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn: Tập đoàn thoái vốn tại Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai ngày 31/12/2020 và mua lại Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Năng Đức Long Gia Lai ngày 20/08/2020.

### **Danh sách các Công ty con được hợp nhất (gồm 10 công ty)**

#### **1. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông**

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, Phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác: Đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất: sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn chuyên doanh khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 70,6%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 70,6%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

#### **2. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 782 Hùng Vương, Thị Trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng công trình giao thông, khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, bán buôn chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 203.810.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 73,50%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60%.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- 3. Công ty Cổ phần Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng)**
- Địa chỉ trụ sở chính: 47 Bê Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hàng, đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; Dịch vụ ăn uống; Kinh doanh khách sạn, du lịch nhà nghỉ; Dịch vụ vui chơi, giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke); Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công trình công ích, công trình kỹ thuật; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Mua bán sắt thép; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; Kinh doanh xăng tại Quốc lộ 1A, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
  - Vốn điều lệ: 75.000.000.000 đồng.
  - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%.
  - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 85%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- 4. Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai**
- Địa chỉ trụ sở chính: 211 Thôn Phú Hà, Xã IaBlứ, Huyện Chư Puh, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây mía; Trồng cây lấy hạt chứa dầu; Trồng cây lấy quả chứa dầu; Trồng cây cao su; Chăn nuôi trâu, bò; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mùn cao su); Bán buôn trâu, bò); Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mủ côm, mua bán phân bón); Hoạt động công ty nắm giữ tài sản.
  - Vốn điều lệ: 360.500.000.000 đồng.
  - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,80%.
  - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,86%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
  - Tập đoàn đã thực hiện thoái vốn tại Công ty con này vào ngày 31/12/2020.
- 5. Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Thượng**
- Địa chỉ trụ sở chính: 18 Hà Huy Tập, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Đầu tư xây dựng công trình thủy điện lớn, vừa và nhỏ; Xây dựng công trình thủy công; Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp); Xây dựng công trình công ích (Xây dựng công trình thủy lợi, đê đập, hệ thống tưới tiêu); Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công; Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện); Chuẩn bị mặt bằng (Khoan phụt, xử lý và gia công nền móng công trình xây dựng).
  - Vốn điều lệ: 155.000.000.000 đồng.
  - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 88%.
  - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 88%.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Tình trạng hoạt động: Đang giai đoạn đầu tư.

### **6. Công ty TNHH Mass Noble Investments**

- Địa chỉ trụ sở chính: Hòm thư 957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động trong các lĩnh vực thiết kế, sản xuất và kinh doanh các mặt hàng tiện nghi gia dụng, chăm sóc cá nhân, các sản phẩm tiết kiệm năng lượng và an ninh gia đình tại Hoa Kỳ và Châu Âu.
- Vốn điều lệ: 320.062.401.456 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,73%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 97,73%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản.
- Vốn điều lệ: 601.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 84,03%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 84,03%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **8. Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 97 Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Mua bán nông sản; Trồng cây cà phê; Buôn bán phân bón sử dụng trong nông nghiệp.
- Vốn điều lệ: 146.763.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **9. Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ**

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 5, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Pawh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê; Trồng cây cà phê; Chế biến chè, cà phê; Mua bán hàng nông sản; Kinh doanh vật tư nông nghiệp, mua bán thuốc bảo vệ thực vật.
- Vốn điều lệ: 89.356.430.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **10. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Năng Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện.
- Vốn điều lệ: 122.500.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 93,35%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 93,35%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **Các Công ty liên kết:**

#### **1. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 170 Trường Chinh, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán; Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế, dự toán do đơn vị khác lập; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng xây dựng công trình; Thi công xây lắp các công trình; Thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp.
- Vốn điều lệ: 2.961.000.000 đồng. Trong đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 20,00%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

#### **2. Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên**

- Địa chỉ trụ sở chính: 117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt, thép; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 40,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2019 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

#### **3. Công ty Cổ phần DLG CY Việt Nam**

- Địa chỉ trụ sở chính: 149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất linh kiện điện tử; Xây dựng công trình; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Vốn điều lệ: 2.280.000.000 đồng.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 40,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**

##### **4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Tập đoàn kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Tập đoàn bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

##### **Loại trừ các giao dịch nội bộ**

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

##### **4.1.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Tập đoàn đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Tập đoàn nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các Báo cáo tài chính của công ty liên kết sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh thích hợp được thực hiện để đảm bảo các chính sách được áp dụng nhất quán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của bên được đầu tư sau ngày mua. Trong trường hợp phần lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết. Phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

### ***Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác***

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

### ***Dự phòng***

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tồn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

## **4.5 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Tập đoàn và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được tập hợp cho từng sản phẩm, công trình.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Riêng khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án BOT được thực hiện theo Công văn số 6092/BTC-TCĐN ngày 06/05/2016 của Bộ Tài chính về việc “Khấu hao theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu đối với tài sản cố định hình thành từ dự án BOT”. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 – 50
Máy móc, thiết bị	4 – 20
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 7
Cây lâu năm	6 - 20
Tài sản cố định khác là Dự án BOT	Theo tỷ lệ phần trăm trên



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

	doanh thu
Tài sản cố định khác	8 - 10

### **4.8 Tài sản cố định vô hình**

#### ***Nguyên giá***

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### ***Quyền sử dụng đất***

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### ***Khấu hao***

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Tập đoàn.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	7
Chi phí triển khai	4
Quan hệ khách hàng kế ước	10

### **4.9 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Tập đoàn. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 50

### **4.10 Thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

### **4.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Tập đoàn:

- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;
- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn của Hợp đồng bảo hiểm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Tập đoàn lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến tạo ra.

### **4.12 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Tập đoàn;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.13 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Tập đoàn là:

- Chi phí lãi vay phải trả được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay;
- Chi phí xây lắp công trình được xác định theo các giá trị khối lượng đã xác nhận hoàn thành với nhà cung cấp nhưng chưa xuất được hóa đơn tài chính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **4.14 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện tại Tập đoàn là khoản nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, được phân bổ theo số kỳ mà Tập đoàn đã nhận tiền trước.

### **4.15 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Tập đoàn thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.16 Dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) của Tập đoàn phát sinh từ các sự kiện đã qua và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế của Tập đoàn do việc thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được ghi nhận khi nghĩa vụ nợ được ước tính một cách đáng tin cậy.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4.17 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

#### ***Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi***

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi chưa đến hạn.

#### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.18 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành;
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận và có phiếu giá thanh toán.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.19 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### **4.20 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.21 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.22 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.23 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.24 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.25 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Tập đoàn đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Hoạt động kinh doanh phân bón, hoạt động nông nghiệp: Không chịu thuế;
  - ✓ Hoạt động xây lắp, kinh doanh đá, gỗ,...: Áp dụng thuế suất 10%;
  - ✓ Các sản phẩm khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con tại Việt Nam với mức thuế suất là 20%.

Riêng chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai: Đối với thu nhập từ dự án nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14A) đoạn Pleiku (km1610) – Cầu 110 (km1667-570) qua Tỉnh Gia Lai theo hình thức BOT tại huyện Chư Prông, Chư Sê, Chư Puh: Căn cứ Khoản 4, Điều 10, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính và Công văn số 3770/CT-TTHT ngày 09/12/2015 của Cục thuế Tỉnh Gia Lai, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 9 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, do đó Công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2017 đến năm 2020 và được giảm 50% số thuế phải nộp từ 2021 đến năm 2029.

Riêng chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông: Đối với dự án BOT về nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn Km 817 đến Km 887: Căn cứ Khoản 1, Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi có doanh thu, miễn thuế 4 năm và được giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án. Năm 2015 là năm đầu tiên công ty có doanh thu chịu thuế, năm 2016 là năm đầu tiên công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2015 đến năm 2029, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2019 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 2020 đến 2028.

Riêng chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại các Công ty con ở nước ngoài thì áp dụng như sau:

- ✓ Đối với các công ty được thành lập theo Luật công ty kinh doanh quốc tế của Virgin Islands thuộc Anh được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Virgin Islands thuộc Anh.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Thuế suất thu nhập doanh nghiệp của Hồng Kông là 16,5% trên lợi nhuận tính thuế ước tính của các công ty con của Công ty phát sinh ở hoặc có nguồn gốc từ Hồng Kông.
  - ✓ Đối với các Công ty con tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa: thuế suất là 25% trên lợi nhuận của các công ty con theo quy định của Luật thuế thu nhập Trung Quốc áp dụng cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nước ngoài.
  - ✓ Đối với Công ty con tại Hàn Quốc: thuế suất là 10% trên lợi nhuận đối với mức lợi nhuận dưới 200 triệu Đồng Won Hàn Quốc (KRW) và 20% đối với mức lợi nhuận còn lại theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Hàn Quốc.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.26 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	11.827.889.495	14.692.843.667
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	125.763.155.774	153.316.485.167
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	470.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>138.061.045.269</b>	<b>168.009.328.834</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư vào Công ty liên kết**

	31/12/2020	01/01/2020	
	Số lượng cổ phần	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn		
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	Đang hoạt động	20,0%	7.176.651.058
		5.922	7.282.691.484
<b>Cộng</b>		<b>7.282.691.484</b>	<b>7.176.651.058</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
Tình hình hoạt động				
Công ty CP Dịch vụ Công cộng ĐL Bảo Lộc	7,20%	48.000	480.000.000	(480.000.000)
<b>Cộng</b>			<b>480.000.000</b>	<b>(480.000.000)</b>

Tại thời điểm 31/12/2020, Tập đoàn không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên	128.167.854.667	127.207.699.067
Tập đoàn XDCĐ, Thủy Lợi, XNK, Daohuensong& Công ty TNHH ĐTPPT MTV Lào	115.297.817.456	121.339.624.484
Azad International (HK) Ltd.	182.662.521.866	100.786.141.536
Võ Sĩ Việt	50.000.000.000	-
Công ty TNHH Dinh dưỡng Á Châu (*)	15.000.000.000	-
Các đối tượng khác	322.294.998.277	328.939.525.079
<b>Cộng</b>	<b>813.423.192.266</b>	<b>678.272.990.166</b>

(\*) Đây là khoản phải thu liên quan đến việc chuyển nhượng vốn góp tại Công ty con là Công ty TNHH MTV Nông trại Cao nguyên Quảng Phú 1 cho Công ty TNHH Dinh dưỡng Á Châu (xem thuyết minh số 44)

### Trong đó: phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Công ty con của bên liên quan	17.385.000.000	17.385.000.000
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Chung Chủ tịch HĐQT	3.989.450.032	-
Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc	Công ty nhận đầu tư	14.173.459.602	13.611.577.690
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Chung thành viên lãnh đạo	-	477.820.250
Công ty CP Tập đoàn Năng lượng Tái tạo Việt Nam	Chung cổ đông lớn	-	254.800.000
<b>Cộng</b>		<b>35.547.909.634</b>	<b>31.729.197.940</b>

### 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH MTV Nông trại Cư Bông 1	15.204.370.000	15.204.370.000
Các đối tượng khác	91.587.966.603	223.122.780.536
<b>Cộng</b>	<b>106.792.336.603</b>	<b>238.327.150.536</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 9. Phải thu về cho vay

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Vũ Văn Tin (a)	156.300.000.000	-
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku (b)	92.172.844.569	2.700.000.000
Công ty CP CN Khai thác Chế biến Đá Tây Nguyên (c)	80.820.181.875	84.520.131.875
Các đối tượng khác (d)	590.934.124.854	1.090.070.595.673
<b>Cộng</b>	<b>920.227.151.298</b>	<b>1.177.290.727.548</b>

- a) Cho ông Vũ Văn Tin vay tiền theo hợp đồng vay tiền số 01/HĐV/BDS/2020 ngày 15/12/2020 với mục đích cá nhân, lãi suất cho vay là 7%/năm. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- b) Cho Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku vay theo hợp đồng vay vốn số 03/2018/HĐVV ngày 22/04/2018, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất 9,5%/năm. Hạn mức cho vay là 200.000.000.000 đồng.
- c) Cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai thác Chế biến Đá Tây Nguyên vay theo Hợp đồng vay vốn số 08/2017/HĐVV-ĐLGL ngày 05/07/2017, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/07/2018, Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 10/07/2019 và Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ ngày 05/07/2020, thời hạn cho vay đến ngày 31/12/2021, lãi suất cho vay là 7%/năm.
- d) Cho các tổ chức và cá nhân khác vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay còn lại không quá 12 tháng, lãi suất cho vay từ 7 - 11,8%/năm.

#### b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên (1)	270.000.000.000	320.000.000.000
Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai (2)	251.773.655.400	-
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát (3)	184.405.944.343	220.000.000.000
Huỳnh Quốc Bình (4)	181.525.959.082	-
Công ty CP Trồng rừng & Cây công nghiệp ĐLGL (5)	213.807.895.000	757.895.000
Các đối tượng khác (6)	343.456.700.514	680.887.908.782
<b>Cộng</b>	<b>1.444.970.154.339</b>	<b>1.221.645.803.782</b>

- (1) Cho Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên vay theo Hợp đồng vay vốn số 07/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 25/08/2019, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất cho vay là 7%/năm. Hạn mức cho vay là 350.000.000.000 đồng, trong đó nợ gốc đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2021 là 80.000.000.000 đồng.
- (2) Cho Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 05/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01-01/2020HĐVV-ĐLGL ngày 01/07/2020, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất cho vay là 11,8%/năm và được điều chỉnh xuống 10%/năm từ ngày 01/07/2020. Hạn mức cho vay là 300.000.000.000 đồng, trong đó nợ gốc đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2021 là 50.000.000.000 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- (3) Cho Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát vay theo Hợp đồng vay vốn số 06/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 25/08/2019, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất cho vay là 7%/năm. Hạn mức cho vay là 250.000.000.000 đồng, trong đó nợ gốc đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2021 là 50.000.000.000 đồng.
- (4) Cho ông Huỳnh Quốc Bình vay theo Hợp đồng vay vốn số 05/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 20/04/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01-05/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 05/07/2020, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất cho vay là 11,8%/năm và được điều chỉnh xuống 10%/năm từ ngày 01/07/2020. Hạn mức cho vay là 190.000.000.000 đồng, trong đó nợ gốc đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2021 là 20.000.000.000 đồng.
- (5) Cho Công ty Cổ phần Trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV-ĐLGL ngày 10/09/2019, số tiền cho vay là 757.895.000 đồng, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất cho vay là 7%/năm và Hợp đồng vay vốn số 08/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 09/12/2020, số tiền cho vay là 213.050.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất cho vay là 10%/năm, trong đó nợ gốc đến hạn phải thu tính đến thời điểm 31/12/2021 là 0 đồng.
- (6) Cho các tổ chức và cá nhân khác vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay tiền theo từng lần nhận nợ (thời hạn còn lại 12 tháng), lãi suất cho vay từ 7% - 10,8%/năm.
- (\*) Tổng các khoản cho vay tại ngày 31/12/2020 là 2.365.197.305.637 đồng. Các khoản cho vay này đều không có tài sản đảm bảo.

### c. Phải thu về cho các bên liên quan vay

	Môi quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Công ty con của bên liên quan	92.172.844.569	146.745.247.308
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Chung thành viên lãnh đạo	-	199.420.561.912
<b>Cộng</b>		<b>92.172.844.569</b>	<b>346.165.809.220</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 10. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu Nhà nước về cổ phần hóa (i)	24.305.035.075	-	24.305.035.075	-
Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen	7.948.896.585	(1.342.654.976)	5.553.600.000	-
Phải thu về lãi cho vay	235.190.991.796	(64.106.605.294)	184.339.601.822	(19.432.045.651)
- Công ty CP Trồng rừng & Cây CN ĐLGL	24.307.687.444	(12.073.734.738)	44.656.526.478	(4.003.580.426)
- Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	33.136.501.512	(9.384.757.875)	43.030.500.988	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng ĐLGL	24.931.007.623	(13.033.266.067)	29.128.704.983	(9.840.251.581)
- Các đối tượng khác	152.815.795.217	(29.614.846.614)	67.523.869.373	(5.588.213.644)
Phải thu các hộ trồng chè, cà phê	711.953.999	-	-	-
Tạm ứng	6.607.136.826	-	27.643.947.630	-
Ký cược, ký quỹ	7.842.135.215	-	7.260.829.800	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long (ii)	90.000.000.000	(6.752.771.548)	300.000.000.000	-
Công ty TNHH SX-TM-DV Đồng Phú Hưng (iii)	195.000.000.000	(58.500.000.000)	195.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long (tiền cọc trả cho KH)	26.586.408.450	-	19.072.225.386	-
Ông Đoàn Hải Việt (iv)	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Lãi vay trả trước	2.013.914.637	-	-	-
Phải thu BHXH, BHYT	37.687.200	-	34.778.800	-
Phải thu khác	35.472.842.746	(9.235.815.144)	12.931.627.512	(6.907.281.801)
<b>Cộng</b>	<b>645.717.002.529</b>	<b>(139.937.846.962)</b>	<b>790.141.646.025</b>	<b>(26.339.327.452)</b>

- (i) Đây là khoản phải thu Nhà nước từ việc cổ phần hóa Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai do khi Nhà nước thoái vốn, giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa thấp hơn số vốn Nhà nước hiện có đến thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần (ngày 13/09/2018). Tuy nhiên, khoản phải thu này chưa được quyết toán và có thể thay đổi khi quyết toán chính thức được phê duyệt.
- (ii) Là khoản vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai (Công ty con) cùng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long để thực hiện dự án Căn hộ cao cấp Sunshine Apartment theo hợp đồng đầu tư số 01005/HĐĐTTC-VGL ngày 12/05/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 01005A /PLHĐĐTTC-DLGL-VGL ngày 15/05/2016. Thời gian hợp tác là 3 năm, lợi nhuận dự án được phân chia theo tỷ lệ vốn đầu tư của các bên.
- (iii) Là khoản vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai (Công ty con) cùng Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Đồng Phú Hưng để thực hiện dự án Nhà cao tầng Đức Long New Land theo hợp đồng đầu tư số 1205/HĐĐTTC-DLG-DPH ngày 12/05/2016 và Phụ lục hợp đồng số 1205A/PLHĐĐTTC-DLG-DPH ngày 15/05/2016. Thời gian hợp tác là 3 năm, lợi nhuận dự án được phân chia theo tỷ lệ vốn đầu tư của các bên.
- (iv) Đây là khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc để đảm bảo giao kết việc chuyển nhượng cổ phần và quyền đầu tư dự án Khách sạn tại thửa đất số 280, tờ bản đồ số 59 có diện tích 720,6 m<sup>2</sup> ngày 23/10/2017. Tuy nhiên, đến ngày 05/02/2019, hai bên đã thống nhất hủy Hợp đồng đặt cọc trên, đồng thời, số tiền đặt cọc trên sẽ được ông Đoàn Hải Việt hoàn trả trước ngày 30/12/2020.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Dài hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	1.268.670.000	-	4.726.790.928	-
Phải thu khác	25.933.100	-	33.423.900	-
<b>Cộng</b>	<b>1.294.603.100</b>	<b>-</b>	<b>4.760.214.828</b>	<b>-</b>

**c. Phải thu khác là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Chung thành viên lãnh đạo	24.931.007.623	29.128.704.983
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Công ty con của bên liên quan	4.913.093.100	17.175.502.322
<b>Cộng</b>		<b>29.844.100.723</b>	<b>46.304.207.305</b>

**11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2020	01/01/2020
Số đầu kỳ	127.630.891.162	33.721.032.685
Trích bổ sung	320.227.951.540	93.909.858.477
Xử lý nợ xấu	11.144.961.882	-
Hoàn nhập	4.961.536.497	-
Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo	102.835.499	-
<b>Cộng</b>	<b>431.855.179.822</b>	<b>127.630.891.162</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 12. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	48.104.616.389	(9.422.291.142)	60.181.885.106	(10.026.405.888)
Công cụ, dụng cụ	596.717.985	-	770.359.413	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	142.159.455.711	(18.174.808.223)	91.348.680.288	(32.205.519.072)
Thành phẩm	70.370.378.468	(5.125.055.283)	103.694.146.049	(3.359.505.216)
Hàng hóa	174.211.992.661		195.622.153.181	(750.364.847)
<b>Cộng</b>	<b>435.443.161.214</b>	<b>(32.722.154.648)</b>	<b>451.617.224.037</b>	<b>(46.341.795.023)</b>

- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2020.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2020.

### 13. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	534.650.247	423.616.183
Chi phí trả trước khác	343.158.174	73.542.157
<b>Cộng</b>	<b>877.808.421</b>	<b>497.158.340</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.094.783.012	2.160.092.182
Quyền sử dụng đất có thời hạn	2.505.707	8.073.946
Tiền thuê đất và nhà tại nước ngoài (*)	32.771.402.906	34.055.189.376
Chi phí tiền thuê đất chờ phân bổ	1.961.567.972	2.011.233.156
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	36.687.749.554	3.756.635.039
Lợi thế thương mại	5.466.270.184	6.173.714.222
Chi phí dài hạn chờ phân bổ khác	311.479.066	832.002.964
<b>Cộng</b>	<b>78.295.758.401</b>	<b>48.996.940.885</b>

(\*) Là tiền thuê đất và nhà tại nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, được phân bổ theo thời hạn thuê là 50 năm theo phương pháp đường thẳng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>							
Số đầu kỳ	579.623.148.758	632.129.373.157	56.542.791.495	98.769.718.291	556.528.248.745	2.421.224.364.512	4.344.817.644.958
Tăng do hợp nhất	234.514.400.181	295.647.147.699	1.917.271.819	-	-	-	532.078.819.699
Mua sắm trong kỳ	352.114.533	9.134.716.951	-	940.583.821	205.000.000	181.818.182	10.814.233.487
XDCB hoàn thành	3.749.724.968	1.385.610.605	187.046.897	-	1.334.500.343	-	6.656.882.813
Tăng khác	-	-	-	-	-	4.706.526.719	4.706.526.719
CL do chuyển đổi	35.079.531	962.828.713	13.004.575	161.637.452	-	-	1.172.550.271
Giảm khác	1.353.876	-	-	-	-	-	1.353.876
Thanh lý, nhượng bán	-	141.806.052	-	-	-	-	141.806.052
Giảm do phá dỡ TSCĐ	1.587.053.463	-	-	-	11.767.522.882	-	13.354.576.345
Giảm do thoái vốn công ty con	13.223.291.322	12.274.411.000	1.117.700.000	-	-	-	26.615.402.322
Góp vốn	42.423.389.416	3.200.000.000	-	-	-	-	45.623.389.416
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>761.039.379.894</b>	<b>923.643.460.073</b>	<b>57.542.414.786</b>	<b>99.871.939.564</b>	<b>546.300.226.206</b>	<b>2.426.112.709.413</b>	<b>4.814.510.129.936</b>
<b>Khấu hao</b>							
Số đầu kỳ	177.784.718.996	585.495.886.286	36.099.362.722	96.369.610.059	249.418.476.756	343.212.241.035	1.488.380.295.854
Tăng do hợp nhất	19.416.870.126	31.995.181.891	1.342.022.729	-	-	-	52.754.074.746
Khấu hao trong kỳ	21.329.443.084	16.089.250.068	3.551.153.949	924.867.533	18.523.815.332	92.837.913.284	153.256.443.250
CL do chuyển đổi	32.304.488	863.365.274	9.600.006	152.369.886	-	-	1.057.639.654
Thanh lý, nhượng bán	-	9.452.538	-	-	-	-	9.452.538
Giảm do phá dỡ TSCĐ	1.258.603.872	-	-	-	8.329.740.279	-	9.588.344.151
Giảm do thoái vốn công ty con	4.537.528.734	6.085.314.409	1.086.652.793	-	-	-	11.709.495.936
Góp vốn	2.422.833.858	200.555.558	-	-	-	-	2.623.389.416
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>210.344.370.230</b>	<b>628.148.361.014</b>	<b>39.915.486.613</b>	<b>97.446.847.478</b>	<b>259.612.551.809</b>	<b>436.050.154.319</b>	<b>1.671.517.771.463</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số đầu kỳ	401.838.429.762	46.633.486.871	20.443.428.773	2.400.108.232	307.109.771.989	2.078.012.123.477	2.856.437.349.104
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>550.695.009.664</b>	<b>295.495.099.059</b>	<b>17.626.928.173</b>	<b>2.425.092.086</b>	<b>286.687.674.397</b>	<b>1.990.062.555.094</b>	<b>3.142.992.358.473</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 2.465.808.012.425 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 852.203.677.019 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Chi phí triển khai (a)	Quan hệ khách hàng khế ước (b)	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	23.103.813.135	432.444.000	181.720.369.152	33.442.800.000	238.699.426.287
Tăng trong kỳ	81.652.795	66.172.500	22.604.965.407	-	22.752.790.702
CL do chuyển đổi	-	-	184.629.264	56.187.500	240.816.764
Giảm do thoái vốn công ty con	-	34.760.000	-	-	34.760.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>23.185.465.930</b>	<b>463.856.500</b>	<b>204.509.963.823</b>	<b>33.498.987.500</b>	<b>261.658.273.753</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu kỳ	179.562.526	410.205.637	148.660.904.736	11.704.980.000	160.955.652.899
Khấu hao trong kỳ	412.576.996	38.173.432	17.275.418.289	3.367.878.750	21.094.047.467
CL do chuyển đổi	-	-	157.538.513	1.685.625	159.224.138
Giảm do thoái vốn công ty con	-	34.760.000	-	-	34.760.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>592.139.522</b>	<b>413.619.069</b>	<b>166.093.861.538</b>	<b>15.074.544.375</b>	<b>182.174.164.504</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	22.924.250.609	22.238.363	33.059.464.416	21.737.820.000	77.743.773.388
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>22.593.326.408</b>	<b>50.237.431</b>	<b>38.416.102.285</b>	<b>18.424.443.125</b>	<b>79.484.109.249</b>

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2020 là 9.063.000.000 đồng.
  - Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 452.752.795 đồng.
- (a) Chi phí triển khai là các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển một số sản phẩm tiện nghi cho gia đình, chăm sóc bản thân, an ninh nhà ở và tiết kiệm năng lượng sẽ được đưa vào sản xuất thương mại và những chi phí này được dự kiến là chắc chắn có khả năng thu hồi hợp lý.
- (b) Tài sản cố định vô hình “Quan hệ khách hàng khế ước” phát sinh trong năm 2016 khi Công ty mua mạng hoạt động kinh doanh điện tử tại Hàn Quốc. Giá trị của tài sản này tại ngày mua là 1.450.000 USD (tương đương 11.237.500 HKD). Công ty khấu hao tài sản cố định vô hình này dựa theo thời gian ước tính sử dụng là 10 năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 16. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	66.720.417.973	56.149.693.891	122.870.111.864
Tăng trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	66.720.417.973	-	66.720.417.973
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>56.149.693.891</b>	<b>56.149.693.891</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	-	21.452.734.481	21.452.734.481
Khấu hao trong kỳ	-	1.884.591.808	1.884.591.808
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>23.337.326.289</b>	<b>23.337.326.289</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	66.720.417.973	34.696.959.410	101.417.377.383
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>32.812.367.602</b>	<b>32.812.367.602</b>

- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đã thế chấp đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2020 là 32.812.367.602 đồng.
- Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 3.287.979.852 đồng.

### 17. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dự án Khu nhà ở cao tầng Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh (*)	60.347.972.173	-	60.347.972.173	-
Chi phí đầu tư phát triển vườn chuối	7.661.984.283	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>68.009.956.456</b>	<b>-</b>	<b>60.347.972.173</b>	<b>-</b>

(\*) Giá trị chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2020 là 39.997.569.018 đồng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 18. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
Xây dựng cơ bản	417.852.299.548	429.230.942.906
- Dự án điện gió Ia Blú 1- Chư Puh	1.272.727.272	-
- Chi phí trung tu dự án: Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 14 đoạn Km817 - KM887 theo hình thức BOT	25.507.523.637	-
- Dự án nhà máy điện Tân Thương	365.532.699.079	364.949.973.966
- Dự án DLGL Hotel Pleiku (***)	21.898.087.080	21.487.550.538
- Các công trình xây dựng khác	3.641.262.480	42.793.418.402
<b>Cộng</b>	<b>417.852.299.548</b>	<b>429.230.942.906</b>

Giá trị của các công trình xây dựng cơ bản dở dang dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2020 là 365.532.699.079 đồng.

### 19. Lợi thế thương mại

	Năm 2020	Năm 2019
Giá trị đầu kỳ	196.758.637.842	246.489.847.973
Tăng trong kỳ	171.287.377.551	-
Phân bổ trong kỳ	40.593.323.830	34.451.579.919
Ảnh hưởng do thoái vốn	-	(16.821.748.016)
Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo	458.526.533	1.542.117.804
<b>Giá trị cuối kỳ</b>	<b>327.911.218.096</b>	<b>196.758.637.842</b>

### 20. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Công nghiệp KT CB Đá Tây Nguyên	36.950.655.289	137.938.775.095
Chi nhánh Sông Đà 901 - Công ty cổ phần Sông Đà 9	51.327.407.966	51.327.407.966
Các đối tượng khác	422.553.406.984	316.529.231.840
<b>Cộng</b>	<b>510.831.470.239</b>	<b>505.795.414.901</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan:**

	Môi quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Tập đoàn Năng lượng Tái tạo Việt Nam	Chung cổ đông lớn	494.000.000	17.461.700.000
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Công ty con của bên liên quan	45.545.383.927	22.151.667.648
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	Công ty liên kết	2.731.657.000	2.731.657.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Chung thành viên lãnh đạo	71.963.700	71.963.700
<b>Cộng</b>		<b>48.843.004.627</b>	<b>42.416.988.348</b>

**21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Vận tải và Quản lý Bến xe Đà Nẵng	27.500.000.000	27.500.000.000
Công ty CP Tổng công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An	44.000.000.000	-
Công ty TNHH Dinh Dưỡng Á Châu	-	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình	12.180.800.000	12.180.800.000
Các đối tượng khác	56.552.287.163	89.901.583.468
<b>Cộng</b>	<b>140.233.087.163</b>	<b>129.582.383.468</b>

**Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan:**

	Môi quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Chung chủ tịch HĐQT	-	28.554.105.640
Công ty CP Tập đoàn Năng lượng Tái tạo Việt Nam	Chung cổ đông lớn	330.200.000	-
<b>Cộng</b>		<b>330.200.000</b>	<b>28.554.105.640</b>

**22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Thay đổi do hợp nhất	Ảnh hưởng do chuyển đổi	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả					Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	105.197.382	9.064.797.833	31.606.388.197	34.680.948.904	1.982.114.230	-	105.197.382	7.972.351.356
Thuế thu nhập doanh nghiệp	592.010.759	92.679.909.569	13.637.499.505	38.396.048.567	32.569.377	271.088.209	233.855.580	64.112.708.746
Thuế thu nhập cá nhân	234.690.401	2.020.353.776	772.440.271	739.527.866	1.612.233	-	45.581.571	1.865.769.584
Thuế tài nguyên	-	44.125.620	2.668.006.240	2.634.705.697	300.811.732	-	-	378.237.895
Thuế nhà đất	29.511.936	-	-	-	-	-	29.511.936	-
Tiền thuế đất	96.823.442	3.479.566.290	10.506.325.487	7.358.154.727	-	-	-	6.530.913.608
Các loại thuế khác	-	4.663.759.828	3.193.150.616	1.056.893.683	108.205.504	-	-	5.100.439.486
Phí và lệ phí	131.510	-	113.689.079	113.689.079	-	-	131.510	-
<b>Cộng</b>	<b>1.058.365.430</b>	<b>111.952.512.916</b>	<b>62.497.499.395</b>	<b>84.979.968.523</b>	<b>2.425.313.076</b>	<b>271.088.209</b>	<b>414.277.979</b>	<b>85.960.420.675</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 23. Chi phí phải trả

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí trích trước các công trình xây lắp	96.021.066.673	85.070.182.491
Chi phí lãi vay	193.479.551.985	63.607.888.665
Chi phí văn phòng	9.250.749.497	16.337.273.544
Lãi phải trả do dự án chậm tiến độ	13.900.177.889	6.601.794.221
Các khoản trích trước khác	100.610.281.933	80.848.076.423
<b>Cộng</b>	<b>413.261.827.977</b>	<b>252.465.215.344</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí lãi vay phải trả	13.366.626.818	1.762.792.456
<b>Cộng</b>	<b>13.366.626.818</b>	<b>1.762.792.456</b>

### 24. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Doanh thu cho thuê mặt bằng	64.727.273	177.727.274
<b>Cộng</b>	<b>64.727.273</b>	<b>177.727.274</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 25. Phải trả khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	379.590.531	324.971.624
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	581.654.234	598.853.880
Lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	1.443.858.450	1.443.858.450
Lãi vay phải trả	410.443.655.151	294.791.633.756
Phải trả về chế độ dôi dư (tài khoản phong tỏa)	2.111.427.000	2.118.936.388
Cổ tức phải trả	-	148.747.837
Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa	321.616.592	321.616.592
Tạm nhập cà phê ký gửi (*)	595.573.781	2.318.848.741
Phải trả về tiền đặt cọc mua bán căn hộ (dự án Western Park)	17.871.608.548	18.596.560.123
Phải trả về tiền đặt cọc mua bán căn hộ (dự án The Elysium)	-	13.967.098.709
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.218.316.159	13.021.444.112
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.869.424.191	8.761.716.404
<b>Cộng</b>	<b>455.836.724.637</b>	<b>356.414.286.616</b>

(\*) Là giá trị số lượng cà phê thu mua của người dân ký gửi, Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai đang ghi nhận theo đơn giá tạm tính tại thời điểm ký gửi, giá trị này sẽ thay đổi khi người dân chốt giá chính thức với Công ty.

#### b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	510.960.376	368.804.178
<b>Cộng</b>	<b>510.960.376</b>	<b>368.804.178</b>

#### Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Tập đoàn Năng lượng Tái tạo Việt Nam	Chung cổ đông lớn	4.456.441.695	4.133.764.529
<b>Cộng</b>		<b>4.456.441.695</b>	<b>4.133.764.529</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**26. Vay và nợ thuế tài chính**

**a. Ngắn hạn**

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng/giảm do hợp nhất chuyển đổi báo cáo	Ảnh hưởng do	Số cuối kỳ
<b>Vay ngắn hạn</b>	424.448.710.097	95.517.068.799	159.659.293.016	(23.106.997.780)	317.234.563	337.516.722.663
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	28.933.000.000	-	6.327.939.870	-	-	22.605.060.130
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai	240.376.499.400	-	64.121.684.000	-	-	176.254.815.400
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Gia Lai	47.183.370.675	64.350.158.968	69.186.360.480	-	-	42.347.169.163
- Shinhan Bank (KRW)	5.018.551.411	-	-	-	291.387.630	5.309.939.041
- Tradewind Invest LLC	3.662.794.733	-	3.688.641.666	-	25.846.933	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long (*)	38.375.903.090	26.968.029.831	-	-	-	65.343.932.921
- Công ty CP ĐT&PT Điện năng Đức Long Gia Lai (*)	23.106.997.780	-	-	(23.106.997.780)	-	-
- Công ty CP Tập đoàn Năng lượng Tài tạo Việt Nam (*)	2.878.040.008	1.230.400.000	100.000.000	-	-	4.008.440.008
- Các đối tượng khác (*)	34.913.553.000	2.968.480.000	16.234.667.000	-	-	21.647.366.000
<b>Các khoản mượn bằng tiền</b>	18.809.943.900	111.798.100.000	108.844.943.900	-	-	21.763.100.000
- Nguyễn Kim Thăng	-	2.000.000.000	-	-	-	2.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Địa ốc Nam Kim	-	8.055.000.000	-	-	-	8.055.000.000
- Phan Đình Trung (*)	18.640.000.000	75.500.000.000	94.140.000.000	-	-	1.650.000.000
- Công ty TNHH MTV Nông Trại Cao Nguyên Quảng Phú 1	-	1.650.000.000	-	-	-	-
- Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	169.943.900	21.593.100.000	11.704.943.900	-	-	10.058.100.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	513.213.328.853	189.581.102.000	67.976.607.524	400.000.000	-	635.217.823.329
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	146.557.000.000	172.705.000.000	66.557.000.000	-	-	252.705.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai	146.889.858.000	6.400.000.000	200.000.000	400.000.000	-	153.489.858.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai	20.253.797.200	10.476.102.000	-	-	-	30.729.899.200
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN TP HCM	198.293.066.129	-	-	-	-	198.293.066.129
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Sở giao dịch	1.219.607.524	-	1.219.607.524	-	-	-
<b>Trái phiếu phát hành đến hạn trả</b>	378.374.500.000	8.000.000.000	611.364.000	-	-	385.763.136.000
<b>Cộng</b>	1.334.846.482.850	404.896.270.799	337.092.208.440	(22.706.997.780)	317.234.563	1.380.260.781.992

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Vay dài hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng/giảm do hợp nhất chuyển đổi báo cáo	Ảnh hưởng do	Số cuối kỳ
<b>Vay dài hạn</b>	<b>2.779.280.179.496</b>	<b>10.798.000.000</b>	<b>81.176.407.524</b>	<b>400.130.138.452</b>	<b>-</b>	<b>3.109.031.910.424</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai (i1)	845.326.403.555	-	66.557.000.000	-	-	778.769.403.555
- Ngân hàng TMCP DT&PT Việt Nam - CN Gia Lai (i2)	1.539.851.380.598	-	2.200.000.000	400.130.138.452	-	1.937.781.519.050
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai (i3)	55.174.137.200	-	-	-	-	55.174.137.200
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN TP HCM (i4)	198.293.066.129	-	-	-	-	198.293.066.129
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Sở Giao dịch (i5)	1.423.407.524	-	1.423.407.524	-	-	-
- Liên hiệp Chè Việt Nam (i6)	789.396.390	-	-	-	-	789.396.390
- Trịnh Đình Trường (i6)	138.224.388.100	-	-	-	-	138.224.388.100
- Nguyễn Văn Cường	198.000.000	10.798.000.000	10.996.000.000	-	-	-
<b>Trái phiếu thường</b>	<b>498.820.976.675</b>	<b>518.660.004</b>	<b>611.364.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>498.728.272.679</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.278.101.156.171</b>	<b>11.316.660.004</b>	<b>81.787.771.524</b>	<b>400.130.138.452</b>	<b>-</b>	<b>3.607.760.183.103</b>
<b>Trong đó:</b>						
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	513.213.328.853	-	-	-	-	635.217.823.329
- Trái phiếu phát hành đến hạn	378.374.500.000	-	-	-	-	385.763.136.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>2.386.513.327.318</b>					<b>2.586.779.223.774</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### (i.1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 220/HĐTĐ ngày 19/07/2010 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 20/06/2014 với thời gian vay là 10 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 2 năm, hạn mức vay là 89.000.000.000 đồng, lãi suất vay áp dụng theo lãi suất thả nổi (Lãi suất cho vay thả nổi = Lãi suất cơ sở + biên độ 4% năm). Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán chi phí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Bến xe khách liên tỉnh phía nam Thành phố Đà Nẵng. Khoản vay vốn này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.
- Hợp đồng tín dụng số 45/HĐTĐ ngày 26/02/2011 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 29/05/2014 với hạn mức vay là 997.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh, thời hạn vay là 13,5 năm kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14A đoạn Km từ 817 đến 887 theo hình thức BOT. Thời gian ân hạn: 4,5 năm, từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (từ ngày 03/06/2011 đến ngày 03/12/2015). Toàn bộ khoản nợ (bao gồm nhưng không hạn chế: nợ gốc, lãi, lãi phạt, các khoản phí...) phát sinh từ hợp đồng này được bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BOT số 01/HĐBOT ngày 01/09/2010 và các phụ lục kèm theo được ký kết giữa Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đăk Nông với Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đăk Nông; Toàn bộ quyền khai thác, thu phí các trạm thu phí đoạn Km 817 – Km 887 trên quốc lộ 14 tỉnh Đăk Nông; Các tài sản khác phát sinh từ ưu đãi đầu tư theo hợp đồng BOT.

### (i.2) Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HĐ ngày 16/05/2008 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, hạn mức vay là 55.000.000.000 đồng, lãi suất vay không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4%/năm, nhưng lãi suất vay tối thiểu sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất hiện hành tại thời điểm vay và không thấp hơn lãi suất bán vốn FPT cùng kỳ hạn + 2%. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho dự án cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay. Theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 57/2013/BSHĐ ngày 16/10/2013 thì thời hạn vay được điều chỉnh là 168 tháng, từ ngày 14/08/2008 đến ngày 14/08/2022. Lãi suất vay là 12%/năm được cố định đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 3,0%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2009/HĐ ngày 30/12/2009 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 16/01/2012 với thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng, số tiền vay là 96.000.000.000 đồng, lãi suất vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong thời kỳ. Mục đích sử dụng là tiền vay là để đầu tư cho dự án trồng 744 ha cao su trong tổng diện tích 948,5 ha cao su tại xã IaBlứ, Huyện Chư Pú, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2012/HĐ ngày 30/06/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 56/2013/BSHĐ ngày 16/10/2013 với thời hạn vay là 168 tháng kể từ ngày 30/06/2012 đến ngày 30/06/2026, số tiền vay là 62.800.000.000 đồng, lãi suất vay là 12%/năm được cố định đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 2,5%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

tiền vay là để cơ cấu lại tài chính doanh nghiệp nhằm khắc phục tình trạng mất cân đối tài chính đối với Công trình Cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay vốn được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HĐ ngày 01/10/2013 với thời hạn vay là 76 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 31/12/2019, số tiền vay là 58.200.000.000 đồng, lãi suất vay là 12,5%/năm được cố định đến hết ngày 25/10/2013, từ ngày 26/10/2013 trở đi lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 76 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 3,0%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay. Lãi suất quá hạn là 120% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư dự án khai thác và chế biến quặng chì, kẽm tại xã Chư Mố, Huyện Iapa, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn được thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai.

### (i.3) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1029900097 ngày 26/10/2010 với thời hạn vay là 108 tháng, thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 30/01/2011), số tiền vay là 40.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1,3%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm giải ngân. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thi công công trình. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho dự án xây dựng Trung tâm điều hành Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, vật kiến trúc, tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01-LD 1029900097 ngày 14/01/2014 thì thời gian vay được điều chỉnh đến ngày 14/12/2023 (thời điểm trả hết nợ đến ngày 14/12/2023) và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 26/06/2015.
- Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1401400008 ngày 14/01/2014 với thời hạn vay là 120 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 44.957.100.000 đồng, lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1,0%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm giải ngân. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thi công công trình. Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư cho dự án xây dựng Trung tâm điều hành Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, vật kiến trúc, tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn hình thành trong tương lai thuộc dự án này.

- (i.4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở Giao dịch TP.HCM theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần với số LD 1134100059 ngày 05/01/2012 với thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, số tiền vay là 248.000.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho 3 tháng đầu tiên là 20%/năm (áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ do Sacombank điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần với mức lãi suất do Sacombank xác định tại thời điểm điều chỉnh phù hợp với Ngân hàng Nhà nước về lãi suất vay. Thời hạn nhận tiền vay theo tiến độ thực hiện. Mục đích sử dụng là để thanh toán chi phí trồng cao su có tổng diện tích 1.834,5 hecta tại Xã IaBlứ, Huyện Chư Puh, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị lợi tức phát sinh từ mù, hạt, gỗ vườn cây cao su trên, các quyền khai thác đá bazan làm vật liệu xây dựng, quyền khai thác đá Granit tại Xã Nghĩa Hưng. Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 03/LD1134100059 ngày 25/06/2013 thì thời gian vay được điều chỉnh đến ngày 31/12/2020 (thời điểm trả hết nợ đến ngày 31/12/2020) và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 30/06/2016.

- (i.5) Vay dài hạn Liên hiệp chè Việt Nam theo chương trình hợp tác đầu tư Liên Xô – Ba Lan giữa Tổng Công ty Chè Việt Nam và Công ty TNHH MTV Chè Biển Hồ theo hợp đồng số 25 ND 24 CVN-BH ngày 01/04/1989.

- (i.6) Vay Ông Trịnh Đình Trường theo Hợp đồng mượn tiền số 08/2018 ngày 15/07/2018, số tiền 138.224.388.100 đồng với lãi suất 0%/năm, thời hạn mượn là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Trái phiếu phát hành

	31/12/2020			
	Giá gốc trái phiếu	Tổng chi phí phát hành	Chi phí phát hành phân bổ lũy	Giá trị trái phiếu cuối kỳ
Loại phát hành theo mệnh giá				
- Trái phiếu kỳ hạn 5 năm	366.000.000.000	6.518.829.294	6.518.829.294	366.000.000.000
- Trái phiếu kỳ hạn 5 năm	134.000.000.000	2.593.300.000	1.558.436.679	611.364.000 132.353.772.679
- Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi	374.500.000	-	-	374.500.000
<b>Cộng</b>	<b>500.374.500.000</b>	<b>9.112.129.294</b>	<b>8.077.265.973</b>	<b>611.364.000</b> <b>498.728.272.679</b>

	01/01/2020			
	Giá gốc trái phiếu	Tổng chi phí phát hành	Chi phí phát hành phân bổ	Giá trị trái phiếu cuối kỳ
Loại phát hành theo mệnh giá				
- Trái phiếu kỳ hạn 5 năm	366.000.000.000	6.518.829.294	6.518.829.294	366.000.000.000
- Trái phiếu kỳ hạn 5 năm	134.000.000.000	2.593.300.000	1.039.776.675	132.446.476.675
- Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi	374.500.000	-	-	374.500.000
<b>Cộng</b>	<b>500.374.500.000</b>	<b>9.112.129.294</b>	<b>7.558.605.969</b>	<b>498.820.976.675</b>

### 27. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	89.168.840.707	34.450.900.543
<b>Cộng</b>	<b>89.168.840.707</b>	<b>34.450.900.543</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 28. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2019	2.993.097.200.000	50.510.908.328	16.564.571.254	6.196.436.959	42.003.230.080
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	(1.308.251.163)
Giảm trong kỳ	-	-	7.346.623.314	-	-
Số dư tại 31/12/2019	2.993.097.200.000	50.510.908.328	9.217.947.940	6.196.436.959	40.694.978.917
Số dư tại 01/01/2020	2.993.097.200.000	50.510.908.328	9.217.947.940	6.196.436.959	40.694.978.917
Tăng trong kỳ	-	-	2.258.353.443	-	(906.601.544.566)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	2.993.097.200.000	50.510.908.328	11.476.301.383	6.196.436.959	(865.906.565.649)

Năm 2016, Công ty tăng vốn từ nguồn chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành vốn góp của chủ sở hữu: 500.000.000.000 đồng. Phương án sử dụng vốn của đợt chuyển đổi trái phiếu nhằm mục đích bổ sung vốn cho Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt (300 tỷ); Dự án Thủy điện và Năng lượng (150 tỷ) và bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh (50 tỷ). Căn cứ Phương án sử dụng vốn đã được điều chỉnh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2019 ngày 29/6/2019 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2020 ngày 20/6/2020, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, Công ty tạm thời chưa đầu tư mạnh vào lĩnh vực nông nghiệp và đã thay đổi mục đích sử dụng vốn với số tiền còn lại là 182.178.943.267 đồng để bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp của Công ty (Trong đó: Điều chỉnh mục đích sử dụng theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐTN2019 số tiền là 122.283.313.267 đồng, điều chỉnh mục đích sử dụng theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐTN2020 số tiền là 59.895.630.000 đồng). Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2020 như sau:

Nội dung	Phương án sử dụng vốn (sau điều chỉnh)	Vốn đã sử dụng đến 31/12/2020	Vốn chưa sử dụng
Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt	117.821.056.733	117.821.056.733	-
Dự án thủy điện và năng lượng	150.000.000.000	150.000.000.000	-
Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh	232.178.943.267	232.178.943.267	-
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>-</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	-	-

### c. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	299.309.720	299.309.720
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	40.694.978.917	42.003.230.080
Các khoản tăng/giảm lợi nhuận sau thuế	(35.067)	380
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(906.601.509.499)	(1.308.251.543)
Phân phối lợi nhuận	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>(865.906.565.649)</b>	<b>40.694.978.917</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 29. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2020	01/01/2020
Ngoại tệ các loại		
- USD	2.902.822,62	4.913.772,60
- EUR	1.768,00	1.781,98
- RMB	380.588,00	1.905.336,80
- KRW	177.109.267,00	214.533.000,00
Nợ khó đòi đã xử lý	9.290.495.504	9.298.069.805
- Vachetti Giuseppe S.P.A	636.431.769	636.431.769
- Công ty TNHH Nam Thuận	533.661.700	533.661.700
- Các đối tượng khác	8.120.402.035	8.127.976.336

### 30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán hàng	1.594.161.627.598	2.512.228.222.463
- Doanh thu bán đá	131.210.560.700	153.467.850.600
- Doanh thu bán linh kiện điện tử	1.250.199.607.941	1.968.711.886.334
- Doanh thu bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	11.024.300.297	13.657.340.076
- Doanh thu bán phân bón	93.315.770.000	254.601.169.500
- Doanh thu bán điện thương phẩm	28.690.865.752	-
- Doanh thu sản phẩm nông nghiệp	79.688.704.726	113.866.201.985
- Doanh thu bán hàng khác	31.818.182	7.923.773.968
Doanh thu cung cấp dịch vụ	380.790.481.713	358.555.019.295
- Doanh thu cho thuê tài sản	5.134.529.014	6.565.017.649
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.393.679.318
- Doanh thu phí BOT	374.853.607.257	349.464.166.813
- Doanh thu dịch vụ bến xe và xe buýt	802.345.442	1.053.509.098
- Doanh thu dịch vụ môi giới BĐS	-	78.646.417
Doanh thu xây lắp	4.315.112.999	-
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	57.176.000.000	-
Doanh thu khác	2.700.643.334	2.488.750.009
<b>Cộng</b>	<b>2.039.143.865.644</b>	<b>2.873.271.991.767</b>

### 31. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020	Năm 2019
Chiết khấu thương mại	891.634.473	-
Giảm giá hàng bán	3.756.502.737	-
Hàng bán trả lại	4.225.770	9.479.336
<b>Cộng</b>	<b>4.652.362.980</b>	<b>9.479.336</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 32. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn bán hàng	1.433.406.882.461	2.178.621.878.591
- Giá vốn bán đá	130.806.652.635	153.642.314.821
- Giá vốn linh kiện điện tử	1.085.731.698.483	1.647.267.214.962
- Giá vốn bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	9.212.202.734	11.233.035.572
- Giá vốn bán phân bón	114.635.182.847	253.236.203.857
- Giá vốn bán điện thương phẩm	11.124.416.281	-
- Giá vốn sản phẩm nông nghiệp	81.896.729.481	106.047.246.295
- Giá vốn bán hàng khác	-	7.195.863.084
Giá vốn cung cấp dịch vụ	150.011.959.527	137.863.623.806
- Giá vốn cho thuê tài sản	3.913.125.322	6.295.706.653
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	2.815.047.762
- Giá vốn thu phí BOT	145.998.834.205	128.579.138.374
- Giá vốn dịch vụ bến xe và xe buýt	100.000.000	100.000.000
- Giá vốn dịch vụ môi giới BĐS	-	73.731.017
Giá vốn công trình xây lắp	4.315.112.999	-
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	66.819.517.973	-
Giá trị HTK hủy bỏ do hư hỏng	25.377.394.528	-
Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.774.903.728)	24.810.969.121
Giá vốn khác	4.023.413.899	2.283.397.219
<b>Cộng</b>	<b>1.670.179.377.659</b>	<b>2.343.579.868.737</b>

### 33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	172.576.531.343	144.848.456.720
Cổ tức, lợi nhuận được chia	225.035.000	225.036.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	437.600.890	852.858.825
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	62.469
Lãi từ thoái vốn Công ty con	-	77.235.179.045
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	40.110.191.387
Chiết khấu thanh toán nhanh	-	2.380.000
<b>Cộng</b>	<b>173.239.167.233</b>	<b>263.274.164.446</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 34. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	361.302.649.588	304.038.523.632
Lãi trái phiếu	76.045.484.411	57.531.860.244
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	186.679.566.830	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	69.322.619	125.197.120
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6.070.642.221	5.081.979.599
Phí phát hành trái phiếu	518.660.004	1.823.813.001
Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh	(18.192.367.846)	18.192.367.846
Lỗ từ thanh lý chứng khoán kinh doanh	211.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>823.693.957.827</b>	<b>386.793.741.442</b>

### 35. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí hoa hồng	3.539.801.655	3.938.584.323
Chi phí nhân công	69.957.834	86.991.068
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.920.000	144.357.500
Chi phí vận chuyển	10.746.739.721	15.061.894.367
Các khoản khác	4.715.075.445	6.619.202.255
<b>Cộng</b>	<b>19.145.494.655</b>	<b>25.851.029.513</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu	908.379.505	1.445.405.547
Chi phí nhân công	81.317.731.766	91.556.095.582
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.617.756.280	29.619.491.484
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	334.070.236.749	93.819.050.263
Phân bổ lợi thế thương mại	40.593.323.830	34.451.579.919
Các khoản khác	34.116.225.392	47.778.900.743
<b>Cộng</b>	<b>523.623.653.522</b>	<b>298.670.523.538</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 36. Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản	-	801.331.670
Xử lý công nợ	1.135.120.535	-
Các khoản thu nhập khác	14.423.577.613	1.402.368.913
<b>Cộng</b>	<b>15.558.698.148</b>	<b>2.203.700.583</b>

### 37. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
Phạt chậm ký hợp đồng	7.589.018.198	11.346.147.157
Giá trị còn lại của vườn cây phá bỏ	4.007.109.474	4.498.671.669
Tiền chậm nộp, phạt vi phạm hành chính	3.487.037.553	16.920.603.801
Chi phí khấu hao của TSCĐ không sử dụng, chưa dùng đến	15.106.961.679	11.009.060.724
Lỗ từ chuyển nhượng dự án	10.800.709.820	-
Chi phí khác	7.024.614.890	1.807.976.734
<b>Cộng</b>	<b>48.015.451.614</b>	<b>45.582.460.085</b>

### 38. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(906.601.509.499)	(1.308.251.543)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(906.601.509.499)	(1.308.251.543)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	299.309.720	299.309.720
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(3.029)</b>	<b>(4)</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 39. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	772.546.737.178	1.217.443.928.857
Chi phí nhân công	324.726.554.370	424.496.519.024
Chi phí khấu hao tài sản cố định	201.250.683.076	181.364.902.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.773.928.101	154.759.969.242
Chi phí khác bằng tiền	11.764.020.669	20.943.551.616
<b>Cộng</b>	<b>1.557.061.923.394</b>	<b>1.999.008.870.989</b>

### 40. Công cụ tài chính

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Tập đoàn xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Do phát sinh các giao dịch mua bán hàng có gốc ngoại tệ, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền		
- USD	2.902.822,62	4.913.772,60
- EUR	1.768,00	1.781,98
- RMB	380.588,00	1.905.336,80
- KRW	177.109.267,00	214.533.000,00
Phải thu khách hàng		
- USD	12.814.231,13	9.497.824,57
- KRW	258.862.409,00	718.528.528,00
- LAK	50.348.391.902,25	50.348.391.902,25
Phải thu khác		
- RMB	789.539,67	2.911.897,01
- USD	5.000,00	120.908,21
- KRW	993.641.984,00	20.723.600,65
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán ngắn hạn		
- KRW	1.916.199,95	-
- USD	140.749,11	150.674,25
- EUR	1.580,75	1.648,06
- RMB	18.828.386,23	11.798.423,71
Phải trả ngắn hạn khác		
- USD	344.109,21	1.934.541,15
- RMB	24.028.867,70	29.166.660,00
- KRW	73.321.896,82	56.507.859,75
Vay ngắn hạn		
- KRW	250.000.000,00	250.000.000,00

### Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Hiện tại, rất nhiều khoản vay đã quá hạn thanh toán, do đó, Tập đoàn sẽ chịu lãi suất quá hạn. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn có rủi ro cao về lãi suất đi vay.

### Quản lý rủi ro về giá

Tập đoàn thực hiện chính sách đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa bằng cách thiết lập mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp, nhằm tìm kiếm các đối tác có giá bán phù hợp nhất. Bên cạnh đó, Tập đoàn vẫn thường xuyên duy trì mối quan hệ đối với các nhà cung cấp truyền thống, có uy tín trên thị trường, đảm bảo tính ổn định cho đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, Tập đoàn đang gặp rủi ro do chưa chuyển nhượng được số chứng khoán kinh doanh như trình bày tại Thuyết minh số 6. Hiện nay, Tập đoàn vẫn đang tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư này.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Cụ thể, rủi ro đối với các khoản phải thu từ hoạt động xây lắp là tương đối cao do chịu ảnh hưởng chung từ khó khăn hiện nay của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; rủi ro đối với các khoản phải thu từ bán hàng hóa với các khách hàng thường xuyên là tương đối thấp. Để



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

quản lý rủi ro này, Tập đoàn luôn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

Tiền gửi ngắn hạn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín và được bảo hiểm tiền gửi.

Các khoản đầu tư được Ban Tổng Giám đốc quan tâm và thường xuyên theo dõi tình hình kinh doanh của các công ty đầu tư, đối với các công ty có kết quả kinh doanh lỗ, vốn chủ sở hữu tổn thất thì Tập đoàn đã trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Đối với các khoản cho cá nhân và tổ chức vay, mặc dù không có tài sản đảm bảo nhưng Tập đoàn luôn có chính sách tín dụng phù hợp, thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất. Các khoản cho vay quá hạn thanh toán thì Công ty đã trích lập dự phòng theo quy định hiện hành.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	510.831.470.239	-	510.831.470.239
Chi phí phải trả	413.261.827.977	13.366.626.818	426.628.454.795
Vay và nợ thuê tài chính	1.380.260.781.992	2.586.779.223.774	3.967.040.005.766
Phải trả khác	454.875.479.872	510.960.376	455.386.440.248
<b>Cộng</b>	<b>2.759.229.560.080</b>	<b>2.600.656.810.968</b>	<b>5.359.886.371.048</b>
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	505.795.414.901	-	505.795.414.901
Chi phí phải trả	252.465.215.344	1.762.792.456	254.228.007.800
Vay và nợ thuê tài chính	1.334.846.482.850	2.386.513.327.318	3.721.359.810.168
Phải trả khác	355.490.461.112	368.804.178	355.859.265.290
<b>Cộng</b>	<b>2.448.597.574.207</b>	<b>2.388.644.923.952</b>	<b>4.837.242.498.159</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Tập đoàn được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>31/12/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.061.045.269	-	138.061.045.269
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-
Phải thu khách hàng	625.963.411.048	-	625.963.411.048
Phải thu về cho vay	856.144.666.801	1.444.970.154.339	2.301.114.821.140
Phải thu khác	564.424.790.289	1.294.603.100	565.719.393.389
<b>Cộng</b>	<b><u>2.184.593.913.407</u></b>	<b><u>1.446.264.757.439</u></b>	<b><u>3.630.858.670.846</u></b>
<b>01/01/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.009.328.834	-	168.009.328.834
Chứng khoán kinh doanh	245.807.632.154	-	245.807.632.154
Phải thu khách hàng	630.924.258.735	-	630.924.258.735
Phải thu về cho vay	1.142.742.968.268	1.221.645.803.782	2.364.388.772.050
Phải thu khác	736.158.370.943	4.760.214.828	740.918.585.771
<b>Cộng</b>	<b><u>2.923.642.558.934</u></b>	<b><u>1.226.406.018.610</u></b>	<b><u>4.150.048.577.544</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**44. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty trong Tập đoàn phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ mà Tập đoàn đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày Báo cáo bộ phận chính yếu được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận phân biệt theo lĩnh vực kinh doanh:

**Báo cáo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

Chi tiêu	Bán hàng hóa, linh kiện điện tử	Bán gỗ, sản phẩm từ gỗ, cao su, nông nghiệp	Kinh doanh phân bón	Điện thương phẩm	Công trình xây dựng, thu phí BOT	Dịch vụ bến xe và xe buýt doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động khác (cho thuê tài sản, khách sạn...)	Loại trừ	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.376.757.805.661	90.744.823.205	93.315.770.000	28.690.865.752	379.168.720.256	802.345.442	57.176.000.000	7.835.172.348		2.034.491.502.664	
Doanh thu giữa các bộ phận	-	(46.752.325)	-	-	(5.041.773.636)	-	-	(3.190.909.092)	8.279.435.033	-	
Giá vốn của bộ phận	1.201.803.441.777	118.196.697.203	113.884.818.000	7.628.104.928	154.774.202.412	100.000.000	66.819.517.973	6.972.595.366		1.670.179.377.659	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	174.954.363.884	(27.451.873.998)	(20.569.048.000)	21.062.760.824	224.394.517.844	702.345.442	(9.643.517.973)	862.576.982		364.312.125.005	
Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2020	3.388.712.305.833	665.324.840.496	28.324.360.000	685.252.886.431	3.003.054.766.907	267.491.550	254.671.559.131	202.658.032.795		8.228.266.243.143	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-		2.302.503.237	
Tổng tài sản	3.388.712.305.833	665.324.840.496	28.324.360.000	685.252.886.431	3.003.054.766.907	267.491.550	254.671.559.131	202.658.032.795		8.230.568.746.380	
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 31/12/2020	2.075.708.982.388	283.359.500.292	14.952.800.000	499.146.414.984	2.365.497.133.344	17.727.491.550	163.208.576.970	273.177.033.274		5.692.777.932.802	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-		31.235.813.235	
Tổng nợ phải trả	2.075.708.982.388	283.359.500.292	14.952.800.000	499.146.414.984	2.365.497.133.344	17.727.491.550	163.208.576.970	273.177.033.274		5.724.013.746.037	
Khấu hao và chi phí phân bổ	67.185.622.177	41.197.823.251	-	11.189.616.952	108.216.425.227	-	1.806.971.333	3.642.626.225		233.239.085.165	
- Khấu hao	66.327.326.564	20.985.757.158	-	11.189.616.952	97.323.217.436	-	1.806.971.333	3.617.793.633		201.230.683.076	
- Chi phí phân bổ 142,242	858.295.613	20.212.066.093	-	-	10.893.207.791	-	-	24.832.592		31.988.402.089	
Khấu hao và chi phí không phân bổ	67.185.622.177	41.197.823.251	-	11.189.616.952	108.216.425.227	-	1.806.971.333	3.642.626.225		233.239.085.165	
	66.327.326.564	20.985.757.158	-	11.189.616.952	97.323.217.436	-	1.806.971.333	3.617.793.633		201.230.683.076	
	858.295.613	20.212.066.093	-	-	10.893.207.791	-	-	24.832.592		31.988.402.089	
										15.570.370.779	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Báo cáo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND									
	Bán hàng hóa, linh kiện điện tử	Bán gỗ, sản phẩm từ gỗ, cao su, nông nghiệp	Kinh doanh phân bón	Công trình xây dựng, thu phí BOT	Dịch vụ bến xe và xe buýt	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động khác (cho thuê tài sản, khách sạn...)	Loại trừ	Tổng cộng	
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.130.094.031.566	127.523.542.061	254.601.169.500	349.464.166.813	1.053.509.098	78.646.417	10.447.446.976	-	2.873.262.512.431	
Doanh thu giữa các bộ phận	(37.266.971.870)	(17.935.669.000)	-	(20.288.491.819)	-	-	(2.827.272.727)	78.318.405.416	-	
Giá vốn của bộ phận	1.808.105.392.867	117.280.281.867	253.236.203.857	128.579.138.374	100.000.000	73.731.017	36.205.120.755	-	2.343.579.868.737	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	321.988.638.699	10.243.260.194	1.364.965.643	220.885.028.439	953.509.098	4.915.400	(25.757.673.779)	-	529.682.643.694	
Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2019	959.920.633.920	1.732.501.617.094	476.463.182.712	4.564.427.186.471	180.361.773	255.661.032.010	625.239.628.251	-	8.614.393.642.231	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	119.000.024	
<b>Tổng tài sản</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	<b>8.614.512.642.255</b>	
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 31/12/2019	636.852.048.341	506.771.259.225	21.333.635.648	2.392.909.683.537	27.976.156.612	146.190.579.344	1.428.082.614.986	-	5.160.115.977.693	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	24.342.947.972	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	<b>5.184.458.925.665</b>	
Khấu hao và chi phí phân bổ	59.932.571.108	21.085.617.797	477.345.125	89.441.881.353	-	2.283.249.480	13.179.893.915	-	186.400.558.778	
- Khấu hao	59.402.843.912	19.068.924.436	-	87.462.330.084	-	2.261.613.171	13.169.190.647	-	181.364.902.250	
- Chi phí phân bổ 142.242	529.727.196	2.016.693.361	477.345.125	1.979.551.269	-	21.636.309	10.703.268	-	5.035.656.528	
Khấu hao và chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	11.009.060.724	



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 42. Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Tại ngày 31/12/2020, Tập đoàn chưa thanh toán cho hầu hết các khoản đi vay đã quá hạn trả cho các ngân hàng và trái chủ; tổng nợ phải trả ngắn hạn đã vượt giá trị tài sản ngắn hạn. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tuy nhiên, Tập đoàn đang làm việc với ngân hàng/chủ nợ để cơ cấu lại nợ gốc vay, giảm lãi vay, tìm kiếm các nguồn vốn tín dụng mới nhằm đảm bảo cho Tập đoàn có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo. Đồng thời, Hội đồng quản trị và Ban điều hành cũng đã xây dựng chiến lược kinh doanh mới và có phương án tái cơ cấu các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc lập báo cáo tài chính của Tập đoàn trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

### 43. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên	Công ty liên kết. Tỷ lệ vốn DLG cam kết góp tại Công ty này là 40%.
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	Công ty liên kết. Tỷ lệ vốn góp của DLG tại công ty này là 20%. Ông Bùi Pháp - Chủ tịch HĐQT của DLG đồng thời là chủ tịch HĐQT của Công ty này.
Công ty Cổ phần DLG CY Việt Nam	Công ty liên kết. Tỷ lệ vốn DLG cam kết góp tại công ty này là 40%.
Công ty CP Điện Mặt trời DLG Ninh Thuận	Ông Bùi Pháp – Chủ tịch HĐQT của DLG đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty này
Công ty CP Dịch vụ công cộng Đức Long Bảo Lộc	Công ty nhận đầu tư. Tỷ lệ vốn góp của DLG tại công ty này là 4%.
Công ty CP Tập đoàn Năng lượng Tái tạo Việt Nam Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Có chung cổ đông lớn là ông Bùi Pháp Chung thành viên lãnh đạo Công ty con của Công ty có chung cổ đông lớn (Công ty CP Tập đoàn Năng lượng Tái tạo Việt Nam)
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Ông Bùi Pháp là Chủ tịch HĐQT của DLG đồng thời là Chủ tịch HĐTV của Công ty này



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Nội dung	Năm 2020	Năm 2019
<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>			
Công ty CP Tập đoàn Năng lượng Tái tạo Việt Nam	Cho thuê tài sản	1.536.000.000	1.536.000.000
Công ty CP DV CC Đức Long Bảo Lộc	Cho thuê tài sản	2.147.165.376	2.691.290.376
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Doanh thu xây lắp	4.315.112.999	-
<b>Mua hàng, nhận dịch vụ</b>			
Công ty CP Tập đoàn Năng lượng Tái tạo Việt Nam	Đi thuê tài sản	305.454.544	305.454.544
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Mua phân, đá các loại	120.253.652.000	105.011.857.000
<b>Các giao dịch khác</b>			
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Lãi cho vay	11.277.518.639	13.945.842.929
Công ty CP Tập đoàn Năng lượng Tái tạo Việt Nam	Lãi đi vay	322.677.166	133.764.529
	Đi vay	1.230.400.000	2.878.040.008
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	Cổ tức được nhận	225.035.000	225.036.000

### c. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2020	Năm 2019
Lương Ban Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Trung Kiên	-	237.240.598
Ông Trần Cao Châu	415.721.367	60.000.000
Ông Phan Minh Việt	423.000.000	380.000.000
Ông Trần Văn Phương	249.046.154	180.000.000
Bà Vũ Thị Hải	337.871.795	361.770.512
<b>Tổng</b>	<b>1.425.639.316</b>	<b>1.219.011.110</b>

### 44. Các cam kết khác

Ngày 31/12/2020, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/2020/HDCN-DLG-ANT về việc chuyển nhượng vốn góp tại Công ty con là Công ty TNHH MTV Nông trại Cao nguyên Quảng Phú 1 ("Quảng Phú 1") cho Công ty TNHH Dinh dưỡng Á Châu ("Á Châu"). Theo các điều khoản của Hợp đồng chuyển nhượng, bên mua ứng trước cho Công ty 17 tỷ trong tổng số 32 tỷ đồng đã thỏa thuận, phần còn lại (15 tỷ đồng) sẽ được thanh toán khi DLG hoàn thành việc sang tên trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, hợp đồng thuê đất, ĐTM và các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sử dụng đất, Dự án cho Công ty do Á Châu làm chủ sở hữu; bàn giao quyền quản lý điều hành và thay đổi người đại diện pháp luật tại Quảng Phú 1 theo chỉ định của Á Châu; bàn giao sổ sách kế toán và cung cấp Báo cáo tài chính của Quảng Phú 1 đã được kiểm toán/quyết toán thuế (trong đó các khoản nợ phải thu, phải trả phải có số dư bằng 0),... Theo đó, Công ty đã hạch toán giảm toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty con là 50 tỷ đồng, ghi nhận doanh thu từ chuyển nhượng vốn góp là 32 tỷ đồng, lỗ từ thoái vốn ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2020 là 18 tỷ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**45. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**46. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc

Trần Cao Châu

Gia Lai, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Phụ trách kế toán

Đỗ Thành Nhân

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Diệu Thư



*(Handwritten signatures in blue ink)*